C.G.
JUNG

THĂM DÒ TIỀM THỨC



GIỚI THIỆU

1. Tác giả:

Carl Gustav Jung chào đời ở Kesswill, trên bờ hồ Constance phía Thuỵ Sĩ. Cha ông là một mục sư Tin lành, bởi vậy đã có ảnh hưởng tinh thần đến tác phẩm của ông. Họ đến ở gần Schloss-Laufen, bên bờ thác nước sông Rhin, rồi ở gần Bâle, thành phố nơi chàng thanh niên Carl Gustav học tập và nhận chức vị thầy thuốc. Jung tự đặt ra cho mình, ngay từ những năm đầu, câu hỏi kép vốn chế ngự cuộc sống của ông: "Thế giới là gì và ta là ai?"và, mặc dù sự tò mò mãnh liệt đưa ông về phía hiện thực bên ngoài, nhưng ông dự đoán rằng câu trả lời nằm ở bên trong ông chứ không phải bên ngoài. Đối với ông, Thiên Chúa giáo và khái niệm về một Thượng đế toàn ái không đủ để giải đáp thoả đáng những vấn đề ấy. Tâm thần học có vẻ như đã tặng ông một phương tiện để tiếp cận tổng thể con người. Để cho những nghiên cứu của mình được trọn vẹn, ông vào Burghölzli, bệnh viện tâm thần của tổng Zurich, nơi ông là học trò của Eugen Bleuler. Sau khi bảo vệ luận án về "bệnh học tâm thần của những hiện tượng được gọi là bí ẩn" (1902), ông chuẩn bị cho việc xuất bản đầu tiên: nghiên cứu về liên tưởng (1903) và sự sa sút trí tuệ sớm (1907). Jung nỗ lực vượt qua thái độ chỉ thuần tuý mô tả căn bệnh tinh thần và cố gắng hiểu nội tâm.

Những công trình của Freud khiến ông chú ý, ông gắn bó với tác giả của cuốn Giải mộnglibido) giới hạn cho nhu cầu của một học thuyết ở xung năng tình dục. Ông cũng ngờ vực thuyết của Freud về môn cận tâm lý học (parapsychologie) và khoa thần thoại học so sánh (mythologio comparée), thế rồi sự rạn vỡ giữa hai con người trở nên không thể tránh khỏi sau khi cuốn Những biến thái và biểu tượng của libido (1912) được xuất bản. Cũng chính trong thời kỳ này, Jung đến ở Küsnacht, gần Zurich, bên bờ hồ, nơi ông hành nghề cho đến lúc mất, rời bỏ chức vị Privatdozent ở đại học Zurich. Chỉ từ đó trở đi và trong việc nghiên cứu theo một định hướng, ông mới cảm thấy rằng, để khám phá thế giới bên ngoài, ông cần phải đương đầu với thế giới tăm tối trong chính bản thân mình. bằng một tinh thần nhiệt thành kéo dài bảy năm, đến nỗi Freud muốn chọn ông làm người kế nghiệp. Nhưng hệ tư tưởng của bậc đàn anh càng ngày càng xa cách ông: Jung không thể chấp nhận một quan niệm về năng lực tâm thần.

2. Tác phẩm:

Thăm dò tiềm thức là một trong những văn bản diễn đạt tư tưởng Jung sáng sủa nhất, giản dị nhất và tổng hợp nhất. Nó còn làm ta xúc động khi biết rằng đó chính là văn bản cuối cùng của cả một công trình quy mô to lớn trải dài gần sáu chục năm và vượt quá con số một trăm năm mươi "đầu sách" lớn nhỏ với tầm quan trọng dẫu sao thì cũng không sàn sàn như nhau. Cuốn sách

này được Jung hoàn thành mười ngày trước khi ngã bệnh, rồi tiếp đó là cuộc ra đi mãi mãi hồi tháng Sáu năm 1961 của nhà tư tưởng tiếng tăm này.

Thoát khỏi ảnh hưởng của Freud bằng cách thừa nhận các lực tinh thần phi tình dục dẫn dắt libido (dục tính), Carl Jung đã khiến người ta phải nhớ tới ông bên cạnh cái tên vĩ đại của Freud. Thăm dò tiềm thức là một bước nhảy phi thường khỏi sự câu thúc độc đoán của Freud, khám phá những khía cạnh hoang đường ở những chi tiết tế nhị nhất trong đời sống nội tâm của chúng ta. Không chỉ tập trung vào bệnh học tâm thần và các dấu hiệu của nó, nhà phân tích tâm lý người Thuỵ Sĩ này còn nghiên cứu cả những giấc mơ và thế giới biểu tượng của nó, thần thoại và những cổ mẫu (archétype) để xác định những "gen" tinh thần của con người.

Đôi khi ông phải đánh đổi cách trình bày dễ hiểu cho cách thức sâu sắc hơn (đương nhiên là phức tạp và khó hiểu hơn), nhưng điều đó cũng khó làm nản lòng người đọc (kể cả những độc giả thông thường). Jung cho rằng libido (năng lượng của cái vô thức) vượt cao hơn sex (tình dục). Không bao giờ phủ nhận cách nhìn nhận sáng suốt có tính chất quyết định của Freud về lịch sử và những tưởng tượng tình dục, Jung đi ra ngoài những vấn đề đó và kể cho chúng ta một câu chuyện thần thoại có tính chất dự báo: cái libido trở thành một người hùng, trốn khỏi sự giam cầm, thực hiện những chuyến phiêu lưu kỳ thú trong thế giới, nhưng luôn trở về với cội nguồn sức mạnh của nó – cái Vô thức – trong những giấc mơ và trí tưởng tượng.

Với Jung, "sự hiểu biết ngày nay về cái tiềm thức chứng minh rằng đó là một hiện tượng tự nhiên và cũng như thiên nhiên, ít ra nó có tính chất trung lập. Nó chứa đựng tất cả các khía cạnh của bản chất nhân loại, ánh sáng và bóng tối, vẻ đẹp và vẻ xấu, thiện tính và ác tính, sâu sắc và ngu muội. Sự nghiên cứu biểu tượng cá nhân cũng như biểu tượng tập thể là một công việc to tát và khó khăn, người ta chưa nắm vững được manh mối. Nhưng dầu sao người ta cũng bắt đầu nghiên cứu. Những kết quả đầu tiên thật đáng khích lệ, hình như chúng báo trước rằng sẽ mang lại nhiều lời giải đáp vẫn được mong đợi cho nhiều vấn đề đặt ra với nhân loại ngày nay".

CHƯƠNG 1: SỰ QUAN TRỌNG CỦA GIẤC MƠ

Loài người thường dùng tiếng nói hay chữ viết để chuyển đạt ý tưởng của mình cho người khác. Tiếng nói thường dùng biểu tượng (symbole), nhưng nhiều khi người ta cũng dùng những ký hiệu (signe) hay hình ảnh không hẳn là để diễn tả, như những chữ viết tắt, những mẫu tự: ONU, UNICEF, UNESCO, những nhãn hiệu thương mại, những tên các vị thuốc. Người ta cũng còn dùng những phù hiệu, những chữ chỉ chức tước, địa vị. Tuy những chữ dùng như thế tự nó không có ý nghĩa gì, nhưng vì đã được phổ thông cho nên chúng trở nên có ý nghĩa đối với chúng ta, hay vì chúng ta đã có ý định gán cho chúng những ý nghĩa ấy. Tuy nhiên những chữ ấy không phải là biểu tượng, đó chỉ là những dấu hiệu, chỉ là cho ta nghĩ đến những đồ vật (objets) liên quan tới chúng mà thôi.

Chúng ta gọi là biểu tượng, một danh từ, một tên gọi hay một hình ảnh tuy đã quen thuộc với ta hằng ngày, nhưng còn gợi lên những ý nghĩa khác thêm vào ý nghĩa ước định hiển nhiên của nó. Biểu tượng gợi lên cái gì mờ mịt, xa lạ hay tàng ẩn đối với ta. Thí dụ như nhiều lâu đài ở đảo Crète có vẽ một cái búa hai lưỡi. Đồ vật ấy ai cũng biết, nhưng ý nghĩa tiêu biểu của nó ta không biết. Lấy một ví dụ khác: một người Da đỏ Mỹ châu, sau khi ở nước Anh thờ loài vật, vì anh ta trông thấy chim ó, sư tử, bò trong các giáo đường cổ. Cũng như nhiều người Công giáo, họ không biết rằng những con vật ấy là những biểu tượng mà các vị viết Kinh Phúc âm đã dùng, đó là những biểu tượng xuất phát từ những ảo giác như ảo giác của nhà tiên tri Ezéchiel (1), tương tự thần Mặt trời Horus và bốn người con của thần. Ngoài ra còn những đồ vật khác như cái bánh xe và hình thập tự, khắp thế giới ai cũng biết, nhưng có ý nghĩa biểu tượng trong một vài điều kiện. Ý nghĩa chính xác của những biểu tượng ấy vẫn còn phải tranh luận và vẫn được người ta khai thác.

Như vậy, một chữ hay một hình ảnh sẽ trở thành một biểu tượng khi nó gọi đến cái gì khác ngoài ý nghĩa hiển nhiên và trực tiếp. Chữ ấy hay hình ảnh ấy có một khía cạnh không thể ý thức được, sâu rộng hơn, chưa bao giờ được xác định phân minh, được giải thích đầy đủ. Vả chăng không ai có thể giải thích được. Khi muốn tìm hiểu một biểu tượng, trí óc người ta nghĩ miên man đến sự kiện ở ngoài sự hiểu biết của chúng ta. Thí dụ hình ảnh cái bánh xe có thể gợi lên ý niệm mặt trời "thần linh", lý trí của ta phải tự thú là vô thẩm quyền, vì con người không thể xác định được thế nào là "thần linh". Trong giới hạn trí thông minh của ta, khi nào ta dùng chữ thần linh để chỉ một vật gì, thì đó chỉ là một danh từ dựa vào một sự tin tưởng chứ không bao giờ dựa vào một dữ kiện có thực.

Có biết bao sự kiện vượt khỏi phạm vi hiểu biết của người ta, bởi vậy

chúng ta luôn luôn dùng những biểu tượng để hình dung những khái niệm mà chúng ta không thể định nghĩa và hiểu biết đầy đủ. Cũng vì lẽ ấy mà tôn giáo dùng thứ ngôn ngữ đầy biểu tượng và diễn đạt ý tưởng một cách có ý thức như thể chỉ là một phương diện của một sự kiện tâm lý rất quan trọng: vì rằng người ta cần tạo ra biểu tượng một cách ngẫu nhiên và phi ý thức.

Điều này không phải là dễ hiểu. Nhưng chúng ta phải hiểu nó nếu chúng ta muốn biết nhiều hơn về cách tác động của trí óc con người. Nếu chúng ta suy nghĩ về sự tri giác của chúng ta thì sẽ nhận thấy không bao giờ chúng ta tri giác được đầy đủ. Người ta có thể trông, nghe, sờ, nếm. Nhưng những cảm giác do mắt, tay, lưỡi mang lại còn tùy thuộc vào phẩm và lượng của giác quan. Sự tri giác thế giới bên ngoài bị hạn định bởi giác quan. Dùng dụng cụ khoa học thì có thể bù lại phần nào những khuyết điểm của giác quan. Thí dụ có thể phóng xa tầm mắt bằng viễn kính, có thể tăng thêm khả năng thính giác bằng máy phóng thanh, nhưng máy tinh vi đến đâu cũng không thể cho ta nhìn thấy những vật nhỏ li ti hay ở xa quá, nghe thấy những tiếng động yếu quá. Dùng dụng cụ nào thì cũng đến lúc người ta tới một giới hạn chót mà cảm giác của ta còn rõ ràng, ta không thể vượt qua được.

Vả chăng, người ta tri giác thế giới có thực còn bằng tiềm thức nữa. Trước hết, chúng ta phản ứng trước những hiện tượng có thực, trước những khích động thị giác và thính giác vì những cảm giác ấy được chuyển từ bên ngoài tâm trí ta, những cảm giác ấy trở thành những thực thể tâm thần (réalités psychiques). Ta không biết được tính chất của thực thể tâm thần (vì cái psyché (2) không biết được tính chất của chính nó). Bởi vậy cho nên trong mỗi cuộc thí nghiệm, còn có một số yếu tố không thể biết được, ấy là không kể rằng cái gì ta biết một cách cụ thể cũng vẫn còn có một khía cạnh kín mít, vì ta không biết rõ thể chất cuối cùng của vật chất.

Những sự kiện mà ta ý thức được còn có những khía cạnh mà ta không ý thức được, ngoài ra còn phải nói đến những sự kiện mà trí óc ta không ghi nhận một cách có ý thức, nhưng tiềm thức ta đã ghi nhận, và như thế, chúng ở dưới làn mức ý thức. Chúng ta đã ghi nhận, nhưng ghi nhận một cách vô tâm. Chúng ta có thể nhận ra những sự kiện ấy trong những lúc trực giác hành động hay trong những lúc suy tưởng sâu xa, bấy giờ chúng ta mới chợt nhận ra là những sự kiện đó có thể đã xảy ra cho ta lắm. Tuy rằng lúc khởi thủy ta không cho rằng những sự kiện ấy có sinh lực và có tầm quan trọng đối với cảm xúc của ta, nhưng sau này chúng sẽ âm thầm sống lại trong tiềm thức như một ý tưởng phụ thuộc.

Thí dụ, ý tưởng ấy có thể xuất lộ dưới hình thức một giấc mơ. Đó là trường hợp thường xảy ra: giấc mơ sẽ tố cáo những cảm giác mà ta ghi nhận một cách vô tâm, chúng không xuất lộ dưới hình thức hữu ý, nhưng dưới hình thức một hình ảnh tượng trưng. Trước tiên, các nhà tâm lý học khởi sự nghiên cứu giấc mơ, nhờ đó họ tìm cách thăm dò khía cạnh phi ý thức của

những hoạt động tâm thần có ý thức.

Nhờ những khảo sát ấy các nhà tâm lý học đặt giả thuyết như có một cái psyché phi ý thức, tuy rằng nhiều triết gia và nhà bác học không thừa nhận. Họ ngây thơ mà phản đối rằng giả thuyết như vậy thì phải cho rằng có hai chủ động, hay nói theo ngôn ngữ thông thường phải có hai cá tính trong một người. Thì chính giả thuyết bao hàm ý nghĩa đó! Và thật là một sự không may cho con người thời đại, nhiều người lấy làm khổ sở vì chính mình có hai cá tính, bởi vì theo nguyên tắc, đó không phải là một triệu chứng bệnh hoạn. Đó là sự kiện thông thường, thời nào và ở đâu cũng có. Người vô tâm, tay phải không biết tay trái mình làm gì, trường hợp đó không phải là duy nhất. Tình trạng ấy chỉ là sự phát lộ của cái tiềm thức, một gia tài chung của nhân loại.

Quả thật, con người chỉ trở nên có ý thức dần dần, nhờ đã kiên nhẫn trải qua một tiến trình dài đằng đẵng hàng bao nhiêu thế kỷ để tiến tới giai đoạn văn minh (mà người ta định một cách võ đoán là vào khoảng 4000 năm trước Công nguyên). Sự tiến hóa ấy còn lâu mới hoàn tất vì nhiều lãnh vực của tâm trí người vẫn còn mù mịt trong bóng tối. Cái mà ta gọi là psyché bất cứ trong trường hợp nào cũng không thể đồng nhất hóa với ý thức và nội dung của ý thức.

Người nào chối cãi cái tiềm thức đã giả thuyết rằng trên thực tế ngày nay chúng ta biết rõ toàn thể cái psyché. Giả thuyết ấy sai lầm hiển nhiên cũng như việc giải thích rằng chúng ta biết hết những gì cần phải biết về thế giới vật chất. Cái psyché của chúng ta là cái thuộc về thiên nhiên và sự bí mật của nó cũng không có giới hạn nào. Bởi vậy chúng ta không thể định nghĩa được thiên nhiên, cũng như không thể định nghĩa được cái psyché. Chúng ta chỉ có thể cả quyết rằng nó hiện hữu trong chúng ta và miêu tả được nó đến đâu hay đến đấy. Như thế, những kết quả thâu lượm được trong các cuộc tìm tòi y học và những bằng chứng luận lý xác đáng khiến cho chúng ta phải loại bỏ những lời khẳng định như: “Không, làm gì có tiềm thức.” Những lời khẳng định như thế chỉ biểu lộ sự sợ hãi cái mới lạ, một tính xấu có từ lâu đời.

Có những lý do lịch sử khiến cho người ta chống đối quan niệm cái psyché có một phần tối tăm chưa biết rõ. Ý thức là một sở đắc rất mới mẻ của con người, bây giờ nó đang còn ở giai đoạn “thí nghiệm”. Ý thức thật là mong manh, rất dễ bị thương tổn và bị đe dọa bởi nhiều hiểm họa. Đúng như các nhà nhân loại học đã nói một loại thác loạn thần kinh thường xảy ra cho các dân tộc cổ sơ là bệnh “mất một linh hồn” nghĩa là thần trí bị phân đoạn, đúng hơn, bị phân tán.

Đối với những dân tộc mà thần trí chưa đạt tới trình độ như chúng ta họ không quan niệm linh hồn hay psyché là một cái gì duy nhất. Nhiều dân tộc cổ sơ cho rằng người ta ngoài linh hồn chính ra, còn có một bush soul (linh hồn rừng rú), linh hồn rừng rú đó nhập vào một con thú rừng hay một cái

cây, con thú hay cái cây đó cùng một tâm thần với một người. Nhà nhân chủng học trứ danh người Pháp Lévy-Bruhl gọi đó là sự tham dự thần bí. Sau này ông phải rút ý kiến lại vì áp lực chống đối thuyết của ông, nhưng tôi thiết nghĩ chính những người phản đối ông đã nhầm lẫn. Về phương diện tâm lý học thì một người đồng hóa mình với người khác hay một đồ vật nào đó là một hiện tượng thông thường.

Sự đồng hóa ấy có thể có những hình thức rất khác biệt nhau đối với những người cổ sơ. Nếu linh hồn rừng rú là linh hồn con vật, thì con vật được coi là anh em với người. Thí dụ, một người anh em với cá sấu, thì có thể bơi lội trong một khúc sông đầy cá sấu mà vẫn được an toàn. Nếu linh hồn rừng rú là một cái cây, thì người ta cho rằng có tình liên lạc cha con, xúc phạm đến linh hồn rừng rú là xúc phạm đến người.

Một vài bộ tộc tin rằng người ta có nhiều linh hồn. Sự tin tưởng ấy biểu lộ quan niệm của người cổ sơ theo đó mỗi người có nhiều phần riêng rẽ tuy rằng nối liền với nhau. Như thế nghĩa là linh hồn người ta còn ở xa giai đoạn thống nhất hẳn. Trái lại, nó luôn luôn như muốn bị gián đoạn vì những xúc động không kiểm soát.

Nhờ sự khảo cứu nhân loại học, chúng ta đã quen với những sự kiện ấy; chúng ta ở một giai đoạn tiến hóa của nền văn minh cho nên không đến nỗi lạ lùng như lúc thoạt kỳ thủy ta mới nhìn qua đến chúng. Chính chúng ta cũng có thể bị phân tán thần trí và mất cá tính của mình. Chúng ta có thể trở nên gắt gỏng và bị những sự kiện ấy làm cho thay đổi tâm tính, chúng ta có thể trở thành người càn rỡ, không thể nhớ được những điều quan trọng đối với chúng ta hay đối với người khác, đến nỗi người ta phải kêu lên: "anh làm sao vậy?" Chúng ta tưởng rằng chúng ta có thể tự chủ được, nhưng sự tự chủ là một đức tính quý báu vì hiếm có. Chúng ta có ảo tưởng rằng chúng ta biết tự chủ. Nhưng một người bạn có thể nói cho ta biết những điều mà ta không hề nghĩ đến.

Không còn nghi ngờ gì nữa, trong cái mà ta gọi là trình độ văn hóa cao thực ra, tâm trí người ta cũng chưa đạt được một trình độ liên tục mỹ mãn. Tâm thần người ta vẫn còn bị thương tổn và dễ bị phân đoạn. Ngoài thực tế thì khả năng tách rời một phần tâm trí ra khỏi toàn thể lại là một đặc điểm rất quan trọng. Nhờ khả năng ấy chúng ta có thể chú ý đến riêng một sự vật. Không để cho ý tứ bị lôi kéo về đằng khác. Nhưng ta phải phân biệt giữa khả năng quyết định chú tâm vào một điểm, đồng thời loại bỏ một phần linh hồn ra ngoài, với một trạng thái mà hiện tượng ấy ngẫu nhiên xảy ra ngoài sự đồng tình, ngoài ý muốn của ta. Trường hợp thứ nhất là một sự chinh phục của con người văn minh, trường hợp thứ hai phụ thuộc vào cái mà người cổ sơ gọi là mất một linh hồn, và gần chúng ta đây trường hợp ấy có thể là nguyên nhân bệnh lý của bệnh suy nhược thần kinh.

Như thế, ngày nay, tính chất thống nhất của tâm trí cũng còn là cái gì hạn

hẹp, rất dễ bị phá tan. Khả năng chế ngự xúc động có thể hợp với sở vọng của ta về một phương diện nào đó, nhưng lại là một đức tính mà giá trị còn bị ngờ vực vì nó làm cho sự liên lạc giữa mọi người mất cả phong phú màu sắc, nồng ấm và lạc thú.

Theo cách nhìn ấy, chúng ta xét định sự quan trọng của giấc mơ, của những hình ảnh bông lông không thực, mờ mịt, lừa dối, bất định được nảy sinh từ tiềm thức của chúng ta. Muốn trình bày quan điểm của mình cho được dễ hiểu hơn, tôi muốn kể lại quan điểm ấy đã hình thành cách nào qua nhiều năm chiêm nghiệm, vì sao tôi đã đi đến kết luận rằng giấc mơ là lĩnh vực thăm dò dễ dàng nhất và thường thường người nào muốn nghiên cứu khả năng tạo biểu tượng của con người cũng dễ dàng đến nhất.

Sigmund Freud là người đầu tiên đã thăm dò bình diện tiềm thức của tâm trí bằng phương pháp kinh nghiệm. Ông đã dùng giả thuyết giấc mơ không phải do sự ngẫu nhiên mà có, nhưng có liên lạc với tư tưởng và những vấn đề mà ta ý thức được. Một giả thuyết như thế không phải là võ đoán. Giả thuyết dựa vào kết luận của các nhà cân não học có uy tín (như Pierre Janet), theo đó thì những triệu chứng suy nhược thần kinh đều liên lạc tới một kinh nghiệm của ý thức. Hình như những triệu chứng ấy là sự bộc lộ những khu vực bị phân đoạn và mất ý thức trong tâm trí của ta; đến một lúc khác và với những điều kiện khác, những khu vực phân đoạn trở lại ý thức. Vào cuối thế kỷ trước, Freud và Josef Breuer đã nhận thấy rằng những triệu chứng suy nhược thần kinh, chứng hystérie (loạn thần kinh), một vài loại đau đớn thể chất, những thái độ không bình thường của người ta, thực ra đều biểu lộ một ý nghĩa kín đáo. Đó là một biểu lộ của tiềm thức cũng như trong giấc mơ vậy. Một người bệnh chẳng hạn, mỗi khi phải chịu đựng một tình trạng mà họ ghê sợ, sẽ thấy đau đớn chịu không nổi: Y "không nuốt trôi được trạng huống". Trong những điều kiện tương tự, một người khác sẽ lên cơn suyễn: không khí gia đình đối với y khó thở. Một người thứ ba chân tê liệt, không đi được, nói khác đi, y không tiếp tục sống như vậy được. Một người thứ tư ăn lại mửa ra, y không "tiêu hóa" được chuyện gì khó chịu. Tôi có thể kể ra nhiều thí dụ như thế nữa. Những phản ứng thể chất ấy chỉ là một trong những hình thức biểu lộ những day dứt mà ta không ý thức được. Những day dứt đó còn biểu lộ nhiều hơn trong giấc mơ.

Nhà tâm lý học nào nghe người khác nói đến giấc mơ của họ cũng biết rằng những biểu tượng xuất hiện trong giấc mơ còn đa tạp hơn những triệu chứng thể chất của chứng suy nhược thần kinh. Chúng xuất hiện ra dưới hình thức những giả cảnh phức tạp và đặc sắc. Nhưng nếu người phân tích vũ trụ mê sảng ấy dùng phương pháp "hội ý tự do" của Freud thì sẽ nhận thấy tựu chung mộng mị có thể xếp thành mấy lược đồ chính yếu. Kỹ thuật ấy đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển phân tâm học, nó đã giúp cho Freud căn cứ vào giấc mơ để thăm dò những vấn đề vẫn dày vò tiềm thức

người bệnh.

Freud đưa ra ý kiến đơn giản và sâu sắc là nếu người ta khuyến khích người nằm mơ giải thích giấc mơ của họ và nói ra những ý tưởng mà giấc mơ gợi đến cho họ để lộ mặt sau, mặt phi ý thức của những xao động trong người họ, họ để lộ bằng những điều họ nói ra và những điều họ quên nói đến. Mới đầu ý kiến của họ có vẻ vô lý, không ăn nhập gì với chủ đề, nhưng một lát sau ta sẽ nhận ra một cách tương đối dễ dàng cái họ muốn tránh, ý tưởng hay điều khó chịu mà họ muốn loại bỏ. Dù muốn khôn khéo giấu giếm cách nào, mỗi tiếng họ nói đều dẫn thẳng đến trung tâm vấn đề. Người y sĩ thường nhìn thấy mặt trái của sự vật, ít khi y sĩ ở xa sự thật khi họ suy diễn những cách giấu giếm cách nói bóng nói gió của người bệnh như dấu hiệu không muốn nói thực. Rồi những điều y sĩ khám phá ra lại xác định điều họ mong đợi. Cho đến đây người ta không thể phản đối được lý thuyết của Freud về sự dồn nén tâm tình và sự thỏa mãn ước vọng bằng tưởng tượng, những sự kiện ấy được coi như nguồn gốc của những biểu tượng trong giấc mơ nếu xét bề ngoài. Freud đã chú trọng đặc biệt đến giấc mơ, và coi như khởi điểm của phương pháp “hội ý tự do”. Nhưng sau một thời gian, tôi bắt đầu nghĩ rằng việc sử dụng những giả cảnh do tiềm thức người ta làm xuất hiện trong giấc mơ vừa thiếu thốn vừa làm cho ta lầm lẫn. Tôi bắt đầu nghi hoặc từ khi một đồng sự của tôi kể cho biết một kinh nghiệm của ông khi một chuyến tàu ở nước Nga. Tuy rằng ông ta không biết tiếng Nga và không thể phân biệt được một chữ nào của bộ mẫu tự Nga nhưng ông ta cũng nhận thấy những chữ lạ lùng viết trên biển và bích chương đã làm cho mình mơ mộng, có thể gán cho những chữ ấy ý nghĩa nào cũng được.

Ý nghĩ này đưa đến ý nghĩ khác, trong lúc người được thoải mái như thế, ông nhận ra rằng sự “tự do hội ý” đã làm thức tỉnh rất nhiều kỷ niệm. Trong số những kỷ niệm ấy, ông ta thấy xuất hiện những chuyện bực mình đã chôn sâu trong trí nhớ từ lâu, những điều mình muốn quên đi và tâm thức của mình cũng quên đi thật. Ông khám phá ra những cái mà các nhà tâm lý học gọi là “mặc cảm” nghĩa là những chuyện tâm tình đã bị dồn nén, chúng có thể gây ra những xao động thường xuyên trong đời sống tâm thần, có thể gây ra những triệu chứng suy nhược thần kinh.

Chuyện này khiến tôi nghĩ rằng không cần phải lấy giấc mơ làm khởi điểm để “hội ý tự do” khi muốn tìm ra những mặc cảm của một người bệnh. Tôi hiểu rằng người ta có thể ném trúng tâm từ bất kỳ điểm nào trên cái vòng tròn. Người ta có thể khởi sự từ bộ mẫu tự tiếng Nga, từ sự suy tư trước một trái cầu thủy tinh, môt cái “cối xay cầu nguyện” (3), một bức họa trừu tượng, có khi một câu chuyện ngẫu nhiên rất nhàm: theo quan niệm này thì giấc mơ cũng chỉ có ích lợi như bất kỳ một khởi điểm nào không hơn không kém. Tuy nhiên, giấc mơ có tầm quan trọng riêng của nó, dù rằng người ta nằm mơ sau khi bị xúc động tâm tình, những mặc cảm thường có của người

ta cũng liên hệ đến những xúc động ấy. (Những mặc cảm thường có là những nhược điểm của linh hồn (psyché) phản ứng rất nhạy vì một kích thích, một sự rối loạn). Như vậy, người ta có thể hội ý tự do để khởi sự từ bất cứ giấc mơ nào mà đi ngược trở lên tới những ý nghĩ thầm kín dày vò con người.

Tuy nhiên, tôi sực nghĩ ra rằng nếu nói đến đây, tôi có lý, thì người ta cũng có thể kết luận rằng giấc mơ có một trách vụ riêng, ý nghĩa hơn thế. Rất nhiều khi giấc mơ có chi tiết nhất định, có một ý nghĩa rõ ràng, bao hàm một ý tưởng hay một chủ ý ẩn phía sau; tuy rằng theo nguyên tắc chung không thể biết ngay những ý nghĩa ấy. Bởi vậy tôi bắt đầu nghĩ rằng nên chú trọng đến hình thức và nội dung giấc mơ chứ không nên để cho sự hội ý tự do và sự tìm liên lạc ý tưởng lôi kéo mình đến chỗ tìm hiểu mặc cảm. Người ta có thể tìm hiểu bằng những phương tiện khác dễ dàng hơn.

Ý tưởng mới này đánh dấu một khúc quanh trong sự tiến triển nền tâm lý học của tôi. Từ lúc ấy tôi dần dần không dùng những cách hội ý đi xa nội dung giấc mơ quá. Tôi chú trọng đến những hội ý liên lạc trực tiếp đến đặc thù tiềm thức muốn thông báo cho chúng ta biết.

Vì thay đổi thái độ của mình đối với giấc mơ cho nên tôi thay đổi cả phương pháp làm việc. Kỹ thuật mới của tôi phải kể đến tất cả những khía cạnh rộng lớn và đa tạp của giấc mơ. Một câu chuyện do ta ý thức hẳn hoi mà kể lại sẽ có nhập đề, tình tiết và kết luận. Giấc mơ thì không thể. Kích thước không gian và thời gian của giấc mơ hoàn toàn khác biệt. Muốn hiểu ta phải xem xét mọi mặt cũng như ta xem xét một vật lạ, cần phải lật đi lật lại mãi cho đến khi ta quen thuộc với mỗi chi tiết hình dáng của nó.

Có lẽ tôi đã nói khá nhiều để cho mọi người hiểu rằng tại sao mỗi ngày tôi thêm chống đối phương pháp "hội ý tự do" theo thể thức mà Freud đã dùng trước kia. Tôi muốn làm cách nào để nắm được giấc mơ càng chặt càng hay, và loại bỏ tất cả những ý niệm hay hội ý mà giấc mơ có thể gợi ra nhưng không ăn nhập gì với nó. Hẳn là những ý nghĩ ấy có thể đưa đến sự khám phá những mặc cảm gây ra sự rối loạn thuộc về suy nhược thần kinh của một người bệnh, nhưng tôi có ý định theo đuổi một mục tiêu rộng rãi hơn. Có nhiều cách xác định những mặc cảm ấy: nhà tâm lý học có thể nắm được chìa khóa sử dụng cách trắc nghiệm sau đây: hội ý bằng cách vấn đáp (cho người bệnh biết một số chữ viết và hỏi xem họ liên tưởng đến cái gì, đồng thời nghiên cứu phản ứng của họ). Nhưng nếu người ta muốn biết và hiểu tổ chức tâm thần của cá tính toàn diện một người nào đó thì cần phải biết rằng giấc mơ đóng một vai trò quan trọng hơn nhiều.

Thí dụ như ngày nay hầu hết mọi người đều biết rằng hành động giao cấu có thể tượng trưng bằng rất nhiều hình ảnh khác nhau (hay diễn tả bằng nhiều hình thức ngụ ý). Bằng cách hội ý, mỗi hình ảnh đó có thể gợi cho ta ý niệm về sự giao cấu, vì những mặc cảm đặc thù ảnh hưởng đến thái độ một

người đứng trước tình dục. Nhưng người ta cũng có thể tìm hiểu những mặc cảm ấy nhờ sự mơ mộng nhân một câu tiếng Nga không thể đọc được. Bởi vậy cho nên tôi đi đến sự giả thuyết rằng giấc mơ có thể hàm chứa một bức thông điệp không phải là biểu tượng dục tình (vì những lý do nhất định).

Xin đưa ra một thí dụ:

Một người nằm mơ thấy mình cầm chìa khóa đút vào ổ khóa, cầm một cái gậy, hay dùng một cái vồ để phá cửa. Mỗi đồ vật ấy đều có thể cho là một biểu tượng dục tình. Nhưng tại sao tiềm thức lại chọn hình ảnh này chứ không phải hình ảnh khác, điều đó cũng có tầm quan trọng lớn lao và ta cần phải chú ý. Vấn đề thực sự là tìm hiểu tại sao lại là cái chìa khóa chứ không phải cái gậy hay cái vồ. Cũng có khi người ta khám phá ra rằng giấc mơ không ám chỉ một hành động giao cấu mà ám chỉ một trạng thái tâm lý khác.

Cách suy luận như thế đưa tôi đến kết luận chỉ có những hình ảnh và ý tưởng thuộc thành phần của giấc mơ là được dùng để giải thích giấc mơ ấy. Một giấc mơ cũng có những giới hạn của nó. Nó có hình thức của nó để chỉ cho biết cái gì liên hệ đến nó, cái gì ở xa nó. Sự hội ý tự do là một tiến trình suy tưởng theo đường gãy bao giờ cũng lôi kéo chúng ta xa những tài liệu nguyên thủy của giấc mơ, phương pháp của tôi dẫn dắt người ta dạo quanh vòng tròn, lấy hình ảnh giấc mơ làm trung tâm. Tôi lượn chung quanh hình ảnh giấc mơ và tôi không kể đến những sự kiện đi xa giấc mơ. Trong lúc hành nghề, nhiều lần tôi phải nhắc lại câu này: "Hãy trở lại giấc mơ. Giấc mơ nói gì?"

Thí dụ, một người bệnh của tôi nằm mơ thấy một người đàn bà say rượu, người quê kệch, đầu bù tóc rối. Trong giấc mơ, hình như người đàn bà ấy là vợ ông ta, nhưng sự thực vợ ông ta khác hẳn. Mới đầu, giấc mơ ấy giả dối và chướng mắt, người nằm mơ xua đuổi ngay đi như thấy một cái gì phi lý hiện ra trong trí lúc đang ngủ. Tôi là thầy thuốc, nếu tôi để ông ta bước vào con đường hội ý hẳn là ông ta sẽ tránh xa càng nhiều càng hay những ý nghĩ khó chịu mà giấc mơ gợi ra. Trong trường hợp ấy, ông ta sẽ sa vào một mặc cảm quen thuộc có lẽ không liên quan gì đến vợ ông ta, và chúng ta không thể hiểu biết gì về ý nghĩa đặc biệt của giấc mơ kỳ lạ ấy.

Như vậy, tiềm thức của ông muốn thông báo điều gì bằng cách bắt ông nhận một của giả? Giấc mơ nói rõ đến một người đàn bà hư đốn có liên lạc mật thiết đến đời sống người nằm mơ. Nhưng hình ảnh người đàn bà ấy đem phóng rọi vào vợ ông ta thì vô lý, mà sự thật lại trái ngược hẳn, tôi đành phải tìm ở chỗ khác xem hình ảnh người đàn bà ghê tởm ấy có ý nghĩa gì.

Về thời Trung cổ, trước khi các nhà sinh lý học chứng minh rằng những hạch của ta tiết ra cho mỗi người chúng ta vừa yếu tố nam vừa yếu tố nữ, dân chúng đã có câu phương ngôn rằng: "mỗi người đàn ông mang trong mình một người đàn bà". Yếu tố nữ tính trong mỗi người đàn ông đó tôi gọi là anima. Khía cạnh nữ tính đó làm cho người ta biết tự cư xử cho hợp với mọi

người xung quanh, biết giấu giếm người khác và chính mình nữa. Mặc dù ta thấy cá tính một người có vẻ bình thường, thực ra người ấy rất có thể giấu giếm "người đàn bà mà họ mang ở trong mình", để người khác và chính mình khỏi thấy, tình trạng người đàn bà ấy có khi thật là ảm đảm.

Đó là trường hợp con bệnh của tôi. Khía cạnh nữ tính của ông ta không có gì là mỹ miều. Giấc mơ của ông ta đã nói thực cho ông ta rõ: "Về một vài phương diện, ông xử sự như một người đàn bà hư đốn", và làm cho ông ta phải xúc động. (Không nên kết luận rằng tiềm thức bận tâm giảng những giáo điều luân lý. Giấc mơ không nhắn nhủ người bệnh phải xử sự đúng đắn hơn. Nó chỉ cố gắng quân bình ảnh hưởng của cái tâm thức của ông ta đã lệch lạc, nó nhất mực cho rằng ông ta là một người đứng đắn).

Rất dễ hiểu tại sao người nằm mơ có khuynh hướng bỏ qua hay chối bỏ bức thông điệp gửi cho mình như thế. Tâm thức của người ta đương nhiên chống lại cái gì là phi ý thức, cái gì nó không biết. Tôi đã nói đến các dân tộc cổ sơ có tính sợ cái gì mới mẻ, cái sợ có vẻ sâu xa và dị đoan, các nhà nhân loại học gọi là misonéisme. Người cổ sơ cũng có phản ứng như loài dã thú trước những điều làm họ khó chịu. Nhưng người "văn minh" cũng phản ứng một cách tương tự trước những ý tưởng mới mẻ, họ đưa ra những thành trì kiên cố để đề phòng sự xúc động, khi phải đương đầu với một sự mới lạ. Người ta nhận thấy dễ dàng thái độ khi họ phản ứng trước một giấc mơ ép họ phải nhận một ý tưởng làm cho họ sửng sốt. Nhiều nhà tiên phong trong lĩnh vực triết lý, khoa học, văn chương đã vấp phải thứ bảo thủ tự nhiên của các đồng nghiệp đương thời của họ. Tâm lý học là một khoa học trong số những khoa học trẻ trung nhất; vì khoa học ấy cố gắng tìm hiểu tiềm thức con người cho nên vấp phải hình thức cực đoan của tính cái sợ mới lạ.

---

(1) Một trong bốn nhà tiên tri Hébreu. Những lời chú thích trong bản dịch này là của người dịch.

(2) Chữ này được Jung dùng để chỉ toàn bộ những tác động trí thức và tiềm thức và được dùng theo một nghĩa rộng hơn chữ "tâm thần".

(3) Như ta lần tràng hạt

CHƯƠNG 2: QUÁ KHỨ VÀ TƯƠNG LAI TRONG TIỀM THỨC

Cho đến đây, tôi đã phác họa một vài nguyên tắc nền tảng để đề cập đến vấn đề mộng mị; khi chúng ta muốn tìm hiểu khả năng tạo ra biểu tượng của con người, chúng ta nhận thấy giấc mơ là tài liệu chính yếu và dễ thăm dò nhất để khảo sát. Ở đây phải kể đến hai điểm chính yếu: một giấc mơ phải được coi là một sự kiện mà người ta không thể sẵn định kiến, tự nó có ý nghĩa theo cách này hay cách khác, một tiếng nói đặc thù của tiềm thức.

Rất khó mà tìm cho những nguyên nhân ấy một danh từ mới mẻ hơn. Dù rằng người ta có ý chê bai tiềm thức thế nào thì người ta cũng phải cho rằng nó đáng được thăm dò. Ít ra tiềm thức cũng đáng kể như con chấy, con rận, và nó dù sao cũng đáng được nhà côn trùng học để ý một cách thành thực. Nếu có người ít kinh nghiệm và ít hiểu biết về mộng mị cho rằng mộng mị chỉ là những hiện tượng rối loạn vô nghĩa thì họ cứ tự do mà nghĩ như vậy. Nhưng nếu người ta cho rằng mộng mị là những biểu tượng bình thường (và nó thế thật) thì người ta phải giả thuyết rằng nó có nguyên nhân hợp lý hay có mục đích nào đó, hay cả hai thứ trên.

Ta hãy xét cặn kẽ hơn ý thức và tiềm thức của ta liên lạc với nhau thế nào. Thử lấy một thí dụ quen thuộc. Bất thình lình ta quên mất điều ta sắp sửa nói, tuy rằng ý nghĩ của ta mới trước đây sáng sủa. Trường hợp này nữa, ta sửa soạn giới thiệu một người bạn, lúc sắp sửa nói đến tên thì bỗng quên bẵng mất. Thực ra ý nghĩ của ta đã trở vào tiềm thức hay ít nhất tạm thời xa cách với ý thức của ta. Hiện tượng ấy cũng xảy ra cho các giác quan. Nếu chúng ta nghe một tiếng kêu liên hồi ở giới hạn âm thanh có thể nghe được, hình như tiếng kêu dừng lại rồi lại tiếp tục từng lúc đều đều. Những sự thăng trầm ấy là do sự chú ý của ta lúc tăng lúc giảm chứ không phải tiếng kêu đổi bậc cao thấp.

Khi cái gì ở ngoài tầm ý thức của ta, cái đó vẫn hiện hữu chứ không phải biến mất, cũng như cái xe chạy khuất cuối phố chứ không tan thành hư không.

Chỉ có chúng ta không trông thấy nó nữa mà thôi. Sau này ta có thể thấy lại chiếc xe ấy cũng như ta có thể thấy những ý tưởng mà chúng ta quên mất trong khoảnh khắc. Như vậy, một phần tiềm thức của ta gồm tư tưởng, cảm xúc, hình ảnh đã tan rã, dù không còn ý thức của ta nhưng vẫn ảnh hưởng đến ý thức của ta. Một người đãng trí, “trí óc vẫn để đâu đâu”, đi qua một phòng để kiếm một đồ vật. Ta thấy ông dừng lại, tỏ vẻ băn khoăn. Ông đã quên mất mình định làm gì. Hai tay sờ soạng những đồ vật trên bàn trong cơn thụy du, ông ta đã quên mất ý định lúc ban đầu, nhưng vẫn hành động theo sự dẫn dắt của ý định ấy. Rồi ông nghĩ ra điều mình muốn. Ấy là nhờ

tiềm thức làm cho ông nghĩ ra.

Nếu nhận xét đến hành động của một người suy nhược thần kinh, ta sẽ thấy họ không ý thức được hay họ không nghĩ đến chuyện khác. Họ nghe đấy mà không nghe thấy gì, họ trông đấy mà không trông thấy gì, họ biết đấy mà không biết gì. Những thí dụ như thế rất nhiều cho nên nhà chuyên môn nhận thấy ngay rằng nội dung vô ý thức của tâm thần cũng tạo cho người ta có thái độ nào đó, không khác gì ý thức; trong những trường hợp ấy ta không thể xác định rõ rằng được người ấy có ý thức về một ý tưởng, một lời nói, một hành động của họ hay không.

Chính vì những thái độ thuộc loại ấy mà nhiều y sĩ không cho rằng những người loạn thần kinh khẳng định điều gì là họ nói dối. Hẳn là những người như thế tuyên bố nhiều điều không thực tình hơn phần đông người khác, nhưng danh từ "nói dối" không đúng với trường hợp này. Ngoài thực tế thì trạng thái tâm thần của họ làm cho họ có thái độ bất định, ý thức của họ lẩn trốn mất, vì có tiềm thức xen vào, không thể biết trước được. Xúc giác của họ cũng bị xao động như thế. Đâm mũi kim vào tay, có lúc người loạn thần kinh biết đau, một lúc sau họ không thấy gì cả. Nếu làm được cho họ chú ý đến một điểm nào thì toàn thân họ tê liệt hẳn cho đến lúc không còn áp lực làm cho mọi cảm giác tê liệt như thế, bấy giờ họ mới lại có cảm giác. Nhưng trong thời gian ấy, người bệnh ghi nhận một cách ý thức điều gì xảy ra cho họ.

Thầy thuốc có thể nhận định rõ ràng nhờ sự diễn tiến của trạng thái ấy khi thôi miên một người bệnh. Họ có thể chứng minh dễ dàng rằng người bệnh đã ghi nhận thực sự từng chi tiết một. Trong lúc họ mất hẳn ý thức như thế, mũi kim châm vào người hay điều gì họ ghi được (ngoài ý thức) sau này họ nói lại rất đúng, y như là không có sự tê liệt cảm giác. Tôi còn nhớ một người đàn bà được người ta chở vào nhà thương trong tình trạng ngớ ngẩn u mê. Ngày hôm sau tỉnh lại bà ta biết mình là ai nhưng không biết mình đang ở đâu và tại sao mình lại đến đây, đến vào ngày nào. Nhưng khi đã thôi miên bà ta thì bà ta kể rõ được đã lâm bệnh như thế nào, ai đã đưa bà ta vào đây. Có thể phối kiểm lại những chi tiết ấy xem có đúng không. Bà cũng có thể nói rõ giờ vào bệnh viện, vì ở lối vào có một cái đồng hồ. Trong lúc bị thôi miên, trí nhớ của bà ta cũng rõ ràng như bà vẫn đủ thần trí.

Khi đề cập đến những vấn đề ấy, thường thường chúng tôi phải căn cứ vào những kinh nghiệm ở bệnh viện. Bởi vậy cho nên nhiều nhà phê bình tưởng tiềm thức với những dấu hiệu biểu lộ rất tế nhị của nó chỉ thuộc về lĩnh vực tâm lý bệnh học. Họ cho rằng những biểu lộ của tiềm thức là triệu chứng suy nhược thần kinh tâm bệnh, không liên hệ gì với trạng thái tâm thần bình thường. Nhưng những hiện tượng suy nhược thần kinh bất cứ về phương diện nào cũng không thể là sản phẩm độc nhất của người bệnh. Thực ra đó chỉ là những hiện tượng bình thường mà bệnh hoạn đã phóng đại thêm,

nhờ sự phóng đại đó mà dễ quan sát hơn. Nhiều triệu chứng loạn thần kinh có thể nhận thấy ở một người bình thường, nhưng nhẹ nhàng hơn cho nên người ta không để ý. Thí dụ tính hay quên là một điều rất thường, một vài ý tưởng mà ta có ý thức không còn sinh lực nữa vì ý tứ của ta đã quay đi chỗ khác. Khi ý tứ của ta chuyển hướng như thế, những điều mà ta không chú ý đến nữa sẽ chìm vào bóng tối, ví như ban đêm một cái đèn rọi soi sáng một khoảng cảnh vật còn những chỗ khác ở trong tối. Điều đó không tránh được, vì rằng tâm thần người ta chỉ có giữ được một số hình ảnh sáng sủa cũng không đồng đều. Tuy thế, những gì quên đi không phải là không có nữa. Tuy ta không thể nhớ lại nó theo ý muốn, nhưng nó vẫn mặc nhiên có mặt ở dưới lằn mức trí nhớ và có thể trở lại lĩnh vực ý thức bất cứ lúc nào, nhiều khi hàng năm sau.

Đây là tôi nói những điều mà ta trông thấy hay nghe thấy trong điều kiện ý thức hẳn hoi, nhưng sau quên đi. Nhưng có khi chúng ta trông thấy, nghe thấy, sờ thấy, nếm thấy cái gì mà không để ý đến, hoặc vì ta đang chú ý đến cái khác, hoặc vì sự khích động giác quan yếu ớt quá không thể để lại một cảm giác có ý thức. Tuy nhiên tiềm thức của ta đã ghi nhận, những cảm giác vô ý thức đó đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của chúng ta. Chúng ảnh hưởng đến cách phản ứng của chúng ta trước sự vật và hành động của người khác.

Thí dụ sau đây rất rõ nghĩa: một vị giáo sư đi chơi vùng quê với người học trò của ông, đang mải nói chuyện về một vấn đề khúc mắc. Bất thần ông nhận thấy dòng tư tưởng của ông bị gián đoạn vì một đợt kỷ niệm từ ngày thơ ấu… Những điều ông vừa nói không ăn nhập gì với những kỷ niệm ấy. Khi nhìn lại đằng sau, ông chợt nhận ra vừa đi qua một cái trại thì những kỷ niệm ấy hiện ra trong trí. Ông đề nghị với người học trò trở lại chỗ mà ông bắt đầu thấy xuất hiện những kỷ niệm ấy. Trở lại tới nơi, ông ngửi thấy mùi ngỗng và hiểu rằng mùi ngỗng đó đã gợi lên những đợt kỷ niệm.

Lúc thiếu thời ông sống trong một cái trại nuôi ngỗng, mùi đặc biệt của ngỗng để lại một cảm giác bền vững nhưng ông đã quên đi. Khi đi chơi qua trại, ông ngửi lại mùi ấy mà không để ý đến, cảm giác phi ý thức đó đã đánh thức những kinh nghiệm tuổi thơ đã bị quên. Sự tri giác như thế có tính cách phi ý thức vì ý tứ của ông quay về chỗ khác, sự khích động không đủ mạnh mẽ để đánh vào ý thức của ông và làm ông lưu ý tới. Thế mà nó đã làm hiển hiện những kỷ niệm bị lãng quên từ lâu.

Sự tri giác phi ý thức có ảnh hưởng làm xuất hiện những hiện tượng tâm thần, ảnh hưởng ấy có thể cắt nghĩa được sự xuất hiện những triệu chứng suy nhược thần kinh hay những kỷ niệm êm đềm hơn khi một hình ảnh, một mùi vị, một âm thanh gợi lên những hoàn quá khứ. Thí dụ một thiếu nữ làm việc trong văn phòng bề ngoài có vẻ vui vẻ khỏe khoắn. Một lát sau cô ta nhức đầu dữ dội và tỏ vẻ mệt mỏi. Tuy không để ý, nhưng cô đã nghe còi tàu xa

xa, tiếng còi đã vô tình nhắc đến sự buồn rầu của cảnh vĩnh biệt người yêu mà cô vẫn cố quên.

Bên cạnh trường hợp quên bình thường, Freud đã mô tả nhiều trường hợp quên những kỷ niệm buồn bực, những kỷ niệm mà ta sẵn sàng để quên. Cũng như Nietzsche đã lưu ý chúng ta, khi lòng tự ái của chúng ta bị xâm phạm thì trí nhớ của chúng ta thường thích nhượng bộ. Bởi thế cho nên trong số những kỷ niệm đã quên đi, ta thấy nhiều sự kiện đã ghi nhận nhưng không ý thức được vì chúng có vẻ khó chịu và không thích hợp với thế giới tâm tưởng của ta, (chúng ta không thể nhớ lại theo ý muốn được). Các nhà tâm lý học gọi hiện tượng này ấy là dồn nén. Sau đây là một thí dụ: một cô thư ký ghen với một bà cộng tác với chủ của cô, cô luôn luôn quên mời bà ấy đến dự các phiên họp nhóm tuy rằng bà có tên trên bản danh sách mà cô vẫn dùng. Nhưng nếu người ta lưu ý cô đến việc ấy, cô trả lời rằng cô quên, và người ta làm phiền cô. Không bao giờ cô chấp nhận lý do chính xác của sự quên ấy, cả trong bản tâm cô cũng vậy.

Nhiều người thường lầm lẫn đánh giá quá cao vai trò của ý muốn, họ cho rằng họ không hành động nếu không có toan tính và quyết định hẳn hoi. Nhưng ta phải ráng mà phân biệt cẩn thận nội dung có chủ ý với nội dung không chủ ý của tâm trí. Nội dung có chủ ý gốc ở cá tính của Bản ngã. Trái lại nội dung không chủ ý xuất phát từ một nguồn gốc trái nghịch với Bản ngã chứ không phải tương đồng. Chính bộ mặt trái nghịch đó đã xui cô thư ký quên mời bà bạn của ông chủ.

Có nhiều lý do khiến cho chúng ta quên những sự kiện mình cảm thấy hay nhận thấy. Cũng có nhiều cách để nhớ lại. Trường hợp cryptomnésie hay là "kỷ niệm giấu kín" cho ta một thí dụ ý nghĩa. Một nhà văn trình bày một loại chứng cứ hay tình tiết một câu chuyện theo cốt truyện định trước, bất thần ông ta rẽ sang một lối khác. Có lẽ vì một ý mới vừa xuất hiện, một hình ảnh khác hay một tình tiết phụ khác mới nghĩ ra. Nếu ta hỏi tại sao anh ta lại lan man sang lối khác thế, anh ta cũng không thể trả lời ta được. Có lẽ anh ta cũng không nhận thấy mình đã đổi hướng tư tưởng tuy rằng anh ta viết những điều hoàn toàn mới lạ mà bề ngoài anh ta không có một ý niệm nào. Nhưng có khi ta có thể chứng minh rằng những điều anh ta vừa viết rất giống tác phẩm của một nhà văn nào đấy, tác phẩm ấy, anh ta cũng tưởng rằng mình chưa đọc qua.

Tôi tìm thấy một thí dụ kỳ thú trong tác phẩm Ainsi parlait Zarathoustra (Zarathoustra đã nói như thế) của Nietzsche. Tác giả gần như chép lại từng chữ một ghi trong cuốn sổ đi biển của một chiếc hải thuyền vào năm 1686. Cũng là một sự tình cờ, tôi đã đọc bài tường thuật chuyện ấy trong một quyển sách xuất bản năm 1835 (nửa thế kỷ trước khi Nietzsche viết sách của ông). Khi tôi đọc thấy những đoạn ấy trong tác phẩm Zarathoustra đã nói như thế của Nietzsche, tôi phải ngạc nhiên vì lời văn khác hẳn lối viết của

Nietzsche. Tôi phải tin rằng Nietzsche đã đọc cuốn sách kia, tuy ông không hề nhắc đến cuốn sách. Tôi viết thư hỏi em gái ông vẫn còn sống, và bà này xác nhận nó cùng đọc với anh cuốn sách ấy khi bà mới 11 tuổi. Theo nội dung sách của Nietzsche tôi không thể nào nghĩ rằng ông biết mình đạo văn. Tôi cho rằng 50 năm sau câu chuyện ấy bất ngờ hiện lên trong ý thức của ông.

Trong những trường hợp ấy, người ta đã hồi tưởng kỷ niệm mà không ý thức được sự hồi tưởng ấy. Trường hợp tương tự cũng có thể xảy ra cho một nhạc sỹ ki anh ta đã nghe một điệu hát cổ hay một điệu nhạc bình dân từ lúc còn thơ ấu, đến lúc đã đứng tuổi điệu hát xuất hiện thành đề tài của một khúc hòa tấu. Một ý tưởng hay một hình ảnh trở lại từ tiềm thức chỉ là nét phác bề ngoài về thực chất và về tác động của phần phức tạp trong cái psyché của loài người. Nhưng có lẽ nó đã giúp ta hiểu được vóc dáng của những cảm giác phi ý thức từ đó có thể đột ngột xuất hiện những biểu tượng giấc mơ. Khích động phi ý thức có thể là đủ loại nhu cầu, ý hướng, ý định; mọi yếu tố tri giác hay trực giác, mọi tư tưởng hữu lý hay vô lý, mọi cách kết luận, quy nạp, diễn dịch hay nhập đề; và tất cả mọi sắc thái tâm tình. Bất cứ hiện tượng tâm thần nào cũng có thể trở thành phi ý thức phần nào, tạm thời hay vĩnh viễn.

Phần lớn những tài liệu nói trên trở thành phi ý thức chỉ vì chúng không có chỗ đứng trong ý thức. Một vài ý tưởng của ta mất sinh lực và trở thành phi ý thức (nghĩa là không được ý thức của ta lưu ý đến nữa) chỉ vì chúng không còn ích dụng như trước hay vì một lý do nào đó chúng ta muốn xua đuổi.

Theo ý nghĩa đó thì hiện tượng quên là một hiện tượng bình thường và cần thiết để trong ý thức có chỗ cho những cảm giác và ý tưởng mới. Nếu không có sự quên ấy, những kinh nghiệm của ta sẽ ở dưới ngưỡng cửa ý thức và đầu óc ta sẽ bị tràn đầy đến nỗi không chứa được hết. Tình trạng này được khá nhiều người biết, thậm chí người nào biết qua tâm lý học cũng phải công nhận.

Trong khi những yếu tố của ý thức có thể biến vào tiềm thức thì những yếu tố mới có thể xuất hiện trong ý thức. Thí dụ người ta có thể có cảm tưởng rằng có cái gì sắp sửa xâm nhập vào ý thức, rằng "có cái gì phảng phất trong không khí", rằng "có con lươn trong kẽ đá". Tiềm thức không phải chỉ là cái kho chứa quá khứ của ta mà còn đầy rẫy những trạng thái tâm thần và ý tưởng sắp xảy đến; sự khám phá ấy làm cho tôi có thái độ riêng đối với tâm lý học – đó là một sự mới lạ. Có rất nhiều cuộc tranh luận về vấn đề ấy nhưng thực ra ngoài những kỷ niệm xa xôi thuộc về ý thức còn có những ý mới đột nhiên bộc lộ từ tiềm thức, những ý đó trước kia chưa bao giờ ta ý thức được. Những ý đó xuất hiện từ vực sâu tối thẳm của tâm hồn như một bông hoa sen. Chúng là một phần rất quan trọng của cái psyché phi ý thức.

Chúng ta còn thấy rất nhiều thí dụ trong đời sống hằng ngày; những vấn đề tiến thoái lưỡng nan có khi giải quyết được một cách bất ngờ nhờ một cách nhìn mới mẻ. Một vài ý kiến hay nhất của nhiều triết gia, nghệ sỹ, bác học gia là kết quả của những cảm hứng bất thần do tiềm thức đem lại. Đặt tay vào kho vật liệu phong phú của tiềm thức và biến đổi một cách hữu hiệu thành triết học, văn chương, âm nhạc hay sự khám phá khoa học, người ta thường bảo như thế là thần hứng. Chúng ta tìm thấy những bằng chứng hiển nhiên ngay trong lịch sử khoa học. Thí dụ, nhà toán học Poincaré và nhà bác học Kékulé đã tự thú rằng nhiều khám phá quan trọng của họ bắt nguồn từ những hình ảnh khải thị đột nhiên xuất phát từ cái tiềm thức. Cái gọi là kinh nghiệm thần bí của Descartes đã khải thị cho ông biết thứ bậc các khoa học trong chớp loáng, cũng thuộc về một hiện tượng tương tự. Tiểu thuyết gia Robert Louis Stevenson tìm kiếm trong nhiều năm trong một truyện diễn tả được ý niệm sâu sắc về bản chất lưỡng diện của cá tính con người, đã được một giấc mộng bất thần báo cho cốt truyện Le Docteur Jekyll et Mr Hyde (Bác sĩ Jykyll và ông Hyde).

Sau này tôi sẽ mô tả một cách chi tiết hơn những vật liệu phi ý thức đó lộ ra từ tiềm thức thế nào, và nghiên cứu xem chúng biểu đạt dưới những hình thức nào. Bây giờ tôi chỉ xin lưu ý mọi người rằng khả năng làm xuất hiện những tài liệu mới của tiềm thức giúp ta giải thích những biểu tượng của giấc mơ, bởi vì kinh nghiệm nghề nghiệp của tôi đã nhiều lần cho tôi biết rằng những hình ảnh và ý tưởng của giấc mơ không thể bảo là hoàn toàn thuộc về những hiện tượng trí nhớ. Những hình ảnh và ý tưởng đó biểu thị những tư tưởng mới chưa từng vượt qua ngưỡng cửa ý thức.

CHƯƠNG 3: CƠ NĂNG CỦA GIẤC MƠ

Tôi đã nhấn mạnh đến nguồn gốc của giấc chiêm bao vì đó là mảnh đất nảy nở phần lớn những biểu tượng. Khốn thay, khó mà hiểu được giấc mơ. Như tôi đã nói, một giấc mơ không có gì giống một câu chuyện kể trong điều kiện tâm thức của ta hoạt động. Trong đời sống hằng ngày người ta suy nghĩ về cái người ta muốn nói, người ta chọn cách nào đánh mạnh vào tâm trí người nghe nhất, người ta cố gắng làm cho ý kiến có sự mạch lạc. Thí dụ, một người có học thức sẽ cố gắng tránh những ẩn dụ không nhất trí (hétérogène) làm cho câu chuyện rối mù. Nhưng giấc mơ được thêu dệt một cách khác hẳn. Người nằm mơ bị bao vây bởi những hình ảnh có vẻ lố lăng và mâu thuẫn nhau, ý niệm thời gian không còn, cái gì nhàm chán nhất cũng thể hiện ra vẻ quyến rũ hay đáng sợ.

Cái tâm phi ý thức của ta xếp đặt tài liệu một cách khác hẳn những sơ đồ có vẻ đúng khuôn phép mà chúng ta áp đặt cho tư tưởng của chúng ta khi tỉnh táo, điều ấy có vẻ lạ lùng. Tuy nhiên, nếu chúng ta có thì giờ nhớ lại một giấc mơ, ta sẽ thấy có sự tương phản rõ rệt, đó là một trong những lý do chính làm cho người không ở trong nghề y sĩ khó lòng hiểu được giấc mơ.

Theo cách lý luận bình thường, ban ngày người ta tỉnh, thì giấc mơ thật vô nghĩa, bởi vậy người ta có khuynh hướng không đếm xỉa đến nó hay cho rằng nó làm ta lạc hướng.

Có lẽ điểm ấy sẽ hiện ra rõ ràng nếu chúng ta bắt đầu ý thức được rằng những ý tưởng lúc ban ngày bề ngoài có vẻ khuôn xếp theo kỷ luật, nhưng thực ra không chuẩn xác như ta tưởng. Trái lại, ý nghĩa và tầm quan trọng của những ý tưởng ấy đối với tâm tình sẽ mất dần vẻ chuẩn xác nếu chúng ta xét cặn kẽ hơn. Ấy là bởi điều ta nghe thấy và cảm thấy có thể trở thành những điều ta không ý thức được nữa, nghĩa là lắng xuống tiềm thức. Cả đến những sự kiện chúng ta có trong ý thức và có thể tùy ý diễn tả ra, cũng vẫn kèm theo một khía cạnh phi ý thức, khía cạnh phi ý thức đó tô điểm thêm màu sắc cho những sự kiện ta nhớ. Thực ra những cảm giác có ý thức của ta chẳng bao lâu đã tăng thêm một yếu tố thuộc loại phi ý thức nhưng có ý nghĩa đối với cơ cấu tâm thần của ta, tuy rằng chúng ta không hay biết gì về ý nghĩa tàng ẩn đó, và cũng không biết nó đã khuếch đại hay bóp méo ý nghĩa ước định của cảm giác.

Dĩ nhiên, những yếu tố thuộc loại phi ý thức của mỗi người một khác. Mỗi người chúng ta có những khái niệm đại cương và trừu tượng trong toàn bộ cơ cấu trí não của mình, bởi thế mỗi người hiểu và đem áp dụng một cách riêng. Trong một câu chuyện, khi tôi dùng những “trạng thái”, “tiền bạc”, “sức khỏe” hay “xã hội”, tôi giả thuyết rằng những chữ ấy dù ít dù nhiều cũng chỉ cùng những sự vật như người đối thoại của tôi. Nhưng ta cần chú

trọng đến chỗ ít hay nhiều đó. Mỗi chữ có một ý nghĩa hơi khác đối với từng người dù là những người cùng trình độ văn hóa. Sở dĩ có chỗ khác nhau đó là bởi mỗi khái niệm đại cương đã hội nhập vào cơ cấu trí não của một người, người đó hiểu và đem áp dụng theo cách riêng của họ. Ý nghĩa của khái niệm càng khác đi khi người ta càng khác biệt về kinh nghiệm xã hội, tôn giáo chính trị và tâm lý.

Mỗi khi ý niệm y hệt với danh từ (1) thì sự khác biệt nói trên không biết được và cũng không đóng một vai trò nào trên thực tế. Nhưng khi cần phải có một cách định nghĩa đích xác hay giải thích chuẩn xác, ta sẽ thấy thỉnh thoảng có những ý kiến khác nhau một cách kỳ dị, không những về phương diện thuần túy lý trí, mà nhất là về phương diện tình cảm liên quan đến danh từ ấy và cách áp dụng danh từ ấy. Nói chung, những biến đổi ý nghĩa đó đều ở ngoài tầm ý thức, người ta không nhận thấy.

Dĩ nhiên người ta có thể bỏ qua những điểm dị biệt dư thừa và cho đó là những khía cạnh có thể bỏ qua được vì không liên hệ gì đến nhu cầu đời sống hằng ngày. Nhưng sự hiện hữu những điểm dị biệt ấy chứng tỏ rằng nội dung ý thức rõ ràng nhất vẫn viền một cái diềm mờ mịt mơ hồ. Cả những khái niệm triết học hay toán học đã định nghĩa thật tường tận mà chúng ta tin tưởng rằng chỉ chứa đựng thuần ý nghĩa đã định rõ, cũng vẫn còn có thêm những ý nghĩa khác. Đó là một hiện tượng thuộc về tâm thần, chính vì thế cho nên không hiểu được hết. Những con số mà chúng ta dùng để đếm không phải chỉ có ý nghĩa mà ta vẫn dùng. Những con số đó cũng còn là những yếu tố thần thoại. (Môn đồ học thuyết Pythagore cho là chúng có tính chất thần linh). Nhưng chúng ta không nghĩ như thế khi chúng ta chỉ dùng chúng vào mục đích thực tiễn.

Tóm lại, mỗi khái niệm thuộc lĩnh vực ý thức đều làm ta liên tưởng đến những ý tưởng có liên hệ riêng của nó. Tùy theo tầm quan trọng tương đối của khái niệm đối với toàn diện cá tính của ta, hay tùy theo tính chất của những ý tưởng liên lạc với khái niệm đó, có thể là cả những mặc cảm trong tiềm thức dính dáng đến ý tưởng đó, chúng có thể biến đổi tính chất thường có của khái niệm. Khái niệm có thể trở thành cái gì khác hẳn khi nó lặn dần xuống dưới làn mức ý thức. Cạnh khía phi ý thức của ý tưởng và cảm giác chỉ có một vai trò nhỏ bé trong đời sống hằng ngày của ta. Nhưng trong sự phân tích giấc mơ, nhà tâm lý học phải xét đến những bộc lộ của tiềm thức, cạnh khía phi ý thức đó trở thành quan trọng, vì nó là cội rễ gần như không thể thấy được của những tư tưởng thuộc phần ý thức của ta. Bởi vậy cho nên đồ vật hay ý tưởng thông thường có thể có ý nghĩa tâm lý rất mãnh liệt trong giấc mơ, thậm chí lúc tỉnh dậy ta bị xúc động sâu xa, thực ra ta nằm mơ đến cái gì rất thường: như một cái buồng cửa khóa, hay nhỡ một chuyến tàu.

Hình ảnh trong giấc mơ đẹp đẽ và đánh mạnh vào tâm trí ta hơn những khái niệm hay những kinh nghiệm của cuộc sống ban ngày, sở dĩ như vậy là

vì ta thấy mặt khác của những hình ảnh ấy. Một trong những lý do là trong giấc mơ những khái niệm ấy có thể phô diễn được ý nghĩa ở ngoài tầm ý thức của ta. Trong tư tưởng có ý thức, chúng ta chỉ kể đến những sự kiện hữu lý ít màu sắc hơn, bởi vì chúng ta đã gạt bỏ những liên tưởng thuộc phạm vi tâm thần.

Tôi còn nhớ một giấc mơ rất khó giải thích của tôi. Trong giấc mơ, một người tìm cách đến gần phía sau tôi, định nhảy lên lưng tôi. Tôi không biết gì về người ấy, chỉ biết rằng y đã vơ lấy một điều nhận xét của tôi, xuyên tạc ý nghĩa đến nỗi làm cho hóa ra thô lậu. Nhưng tôi không thể nhận ra sự liên lạc giữa sự kiện ấy và việc y muốn nhảy lên lưng tôi. Tuy nhiên, trong đời sống nghề nghiệp của tôi, thường có người xuyên tạc lời nói của tôi, đến nỗi tôi chẳng buồn nghĩ xem có nên bực mình hay không. Ngoài thực tế, ta có lợi khi để ý kiểm soát phản ứng xúc động của ta. Tôi chợt hiểu rằng đó là ý nghĩa giấc mơ của tôi. Một câu phương ngôn nước Áo đã hiện ra dưới hình thức hình ảnh thị giác. Thực vậy, câu nói cửa miệng người Áo sau đây: Du kannast mir auf den buckel steiyen (Anh có thể nhảy lên lưng tôi) nghĩa là: "Anh nói gì tôi, tôi cũng không chấp."

Người ta có nói rằng một giấc mơ như thế có tính cách tượng trưng vì nó không diễn tả tình trạng một cách trực tiếp mà gián tiếp dùng một ẩn dụ, mới đầu tôi chưa hiểu nghĩa. Những giấc mơ như thế thường xảy ra, giấc mơ không có dụng ý dùng cách ngụy trang. Chỉ tại chúng ta thường thường khó mà hiểu được nội dung tình cảm của cách diễn tả bằng hình ảnh mà thôi. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta học cách loại khỏi tư tưởng và ngôn ngữ những nét tô điểm bông lông, như vậy chúng ta đã mất một nét đặc biệt của tính tình cổ sơ. Phần nhiều chúng ta đã đẩy lui vào tiềm thức tất cả những liên tưởng kỳ quái dính dáng đến một ý tưởng hay một sự vật. Người cổ sơ còn có ý thức về những đặc tính của tâm thần như thế; họ gán cho con vật, cái cây, hòn đá những uy lực mà chúng ta cho là kỳ dị, không thể chấp nhận được.

Thí dụ một người dân ở rừng Phi châu, ban ngày trông thấy một con vật thường gặp về đêm, họ cho là ông thầy pháp của họ đã tạm thời nhập vào con vật. Họ cũng có thể cho đó là linh hồn rừng rú hay linh hồn tổ tiên của bộ lạc. Một cái cây có thể đóng vai trò quyết định trong đời sống một người cổ sơ, hình như là nó tích tụ linh hồn và tiếng nói của người ấy, người ấy có cảm tưởng là số mệnh của họ gắn liền với cái cây. Người Da đỏ ở Nam Mỹ quả quyết rằng họ là những con két đỏ, những con vẹt, tuy rằng họ nhận thấy hẳn hoi rằng họ không có lông, cánh, mỏ. Sở dĩ như vậy là bởi vì trong vũ trụ của người cổ sơ, sự vật không có biên giới phân minh như trong vũ trụ của những xã hội "hợp lý".

Chúng ta sống trong một thế giới khách quan, chúng ta đã loại trừ tất cả những cái mà các nhà tâm lý học gọi là "đồng nhất tâm thần" hay "tham dự

thần bí”(2). Nhưng chính những liên tưởng mà người ta không ý thức được đã tô màu sắc và làm cho vũ trụ của người cổ sơ trở nên quái đản. Chúng ta mất hẳn ý thức về những sự kiện đó đến nỗi chúng ta không nhận thấy điều đó trong khi chúng ta tìm thấy nó ở những người khác. Đối với chúng ta, những sự kiện ấy dừng lại ở dưới lằn ý thức, nếu ngẫu nhiên chúng xuất hiện, chúng ta lại cho rằng có cái gì bất thường.

Đã hơn một lần, có những người học thức thông minh đến hỏi tôi về những giấc mơ kỳ lạ, về sự tưởng tượng những ảo giác đã làm cho họ phải chướng tai gai mắt vô cùng. Họ cho rằng những chuyện như thế không thể xảy ra cho một người tâm trí lành mạnh mà nếu quả thực người ta có ảo giác thì tất thị họ bệnh hoạn. Có lần một nhà thần học bảo tôi rằng những ảo giác của nhà tiên tri Ezéchiel chỉ là những triệu chứng bệnh hoạn khi Moise và những nhà tiên tri khác nghe thấy những “tiếng nói”, họ có những ảo ảnh. Quý vị có thể tưởng tượng được nhà thần học ấy đã phải kinh hãi thế nào khi ông ta đã tự nhiên thấy một hiện tượng như vậy. Chúng ta đã quen với tính chất hữu lý bề ngoài của thế giới ta sống. Thậm chí ta khó lòng tưởng tượng rằng có thể xảy ra điều gì không thể lấy lương tri mà giải thích được. Người cổ sơ bị xúc động như thế không hề nghĩ rằng tâm trí mình rối loạn: họ nghĩ đến đồ vật họ tôn thờ, đến quỷ thần.

Tuy nhiên, những xúc động dày vò chúng ta cũng không khác gì. Thực ra, những khắc khoải bắt nguồn từ lâu đài văn minh của ta có thể hãi hùng hơn khắc khoải của người cổ sơ mà họ cho là quỷ quái gây ra. Thái độ của người văn minh ngày nay có khi làm tôi nghĩ đến một người tâm bệnh nằm bệnh viện của tôi – ông ta cũng là y sĩ. Một buổi sáng, tôi hỏi ông ta thấy trong người thế nào, ông ta trả lời rằng mình đã thích thú lấy thuốc đỏ tẩy uế trên trời suốt đêm, nhưng trong lúc tẩy uế kỹ lưỡng như thế ông ta không thấy vết tích một ông Trời nào cả. Đó là bệnh suy nhược thần kinh, có thể là cái gì trầm trọng hơn. Đáng lẽ là Trời, hay là sự sợ Trời thì đây lại là một loại suy nhược khắc khoải (névrose d’angoisse) hay một loại ám ảnh (phobie). Sự xúc động vẫn thế nhưng nguyên do xúc động đã đổi tên và đổi tính chất và trở nên nguy hiểm hơn. Tôi còn nhớ một giáo sư triết học đến khám bệnh vì bị ám ảnh bởi bệnh ung thư. Ông ta yên trí rằng mình bị một cái ung độc mặc dù người ta đã chiếu điện mười hai lần mà không có gì cả. Ông ta nói rằng: “Ồ, tôi cũng biết rằng không sao cả, nhưng cũng có thể có cái gì.” Tại sao ông ta lại có ý nghĩ ấy trong đầu? Hẳn nhiên là sự ám ảnh của ông bắt nguồn từ một thứ sợ hãi ở ngoài sự chi phối của ý muốn có ý thức. Ý tưởng bệnh hoạn bất thần đè nặng lên ông ta và ông ta không kiểm soát được mãnh lực riêng của nó. Đối với những người có học thức ấy, thú nhận một sự thực như thế vẫn khó khăn chứ còn một người cổ sơ thì cứ việc cho là mình bị ma làm. Ảnh hưởng ma quỷ ít ra cũng là một giả thuyết có thể chấp nhận được trong trường hợp một người cổ sơ, nhưng người văn minh sẽ xúc động ghê

gớm khi phải thừa nhận rằng một mãnh lực ngu độn của trí tưởng tượng đã gây ra bệnh não cho họ. Hiện tượng ám ảnh cổ sơ chưa biến mất đâu, nó vẫn còn như trước. Nhưng người ta giải thích một cách khác, có hại cho tâm trí. Tôi đã làm nhiều cuộc so sánh như thế giữa người văn minh và người cổ sơ.

Sau này, tôi sẽ chứng minh rằng những sự so sánh như thế rất cần để hiểu khuynh hướng cấu tạo những biểu tượng trong mộng mị, trong cách biểu lộ ý tưởng của loài người. Bởi vì người ta tìm thấy trong mộng mị những hình ảnh và những liên tưởng tương tự ý tưởng, huyền tượng và lễ nghi thờ phụng của người cổ sơ. Những hình ảnh trong giấc mê sảng Freud gọi là "vết tích bàn cổ". Danh từ ấy khiến ta nghĩ đó là những yếu tố tâm thần có từ những thời kỳ xa xôi còn tích lại trong trí người ta. Điểm này tiêu biểu cho thái độ của những người cho rằng tiềm thức chỉ là một nhánh phụ của ý thức (hay nói cho ý vị hơn, một cái thùng rác để đựng những cái ý thức loại bỏ).

Sau khi nghiên cứu sâu rộng, tôi nghĩ rằng một thái độ như thế là không thể chấp nhận được mà phải loại bỏ. Tôi đã nhận thấy những liên tưởng và hình ảnh thuộc loại ấy thuộc thành phần của tiềm thức, người nằm mơ dầu học thức hay mù chữ, dù thông minh hay ngu độn cũng thế thôi. Chúng không hề là những cặn bã chết lụi hay không có nghĩa gì. Chúng có chức vụ riêng của chúng và có một giá trị riêng chính vì tính cách lịch sử của chúng. Chúng là cái cầu nối liền hình thức diễn tả tư tưởng của ta một cách có ý thức với một lối diễn tả cổ lỗ hơn, có màu sắc hơn, bóng bẩy hơn. Vả chăng lối diễn tả sau này tác động trực tiếp đến tính cách và rung động của ta. Những liên tưởng có tính cách "lịch sử"(3) đó là gạch nối giữa thế giới hợp lý của ý thức và thế giới của bản năng.

Tôi đã nói đến sự tương phản đáng chú ý giữa tư tưởng có kiểm soát trong lúc tỉnh táo và những hình ảnh phong phú của giấc mơ. Bây giờ độc giả có thể nhận thấy sự khác biệt ấy có một lý do khác: trong xã hội văn minh, chúng ta đã loại bỏ cạnh khía tình cảm của biết bao ý tưởng, thậm chí những ý tưởng ấy không còn gây cho ta phản ứng gì cả. Chúng ta dùng những ý tưởng ấy trong cách ăn nói của chúng ta, chúng ta phản ứng một cách ước lệ khi nghe thấy người khác dùng chúng, nhưng chúng không để lại cho ta ấn tượng sâu xa nào. Phải cái gì hơn thế nhiều mới có thể làm cho một sự kiện thấm nhập vào ta để thay đổi thái độ hay cách xử sự của ta. Trường hợp tác động như thế đã xảy ra nếu là thứ ngôn ngữ của giấc mơ: có nhiều sinh lực tâm thần đến nỗi ta phải chú ý đến.

Thí dụ một người đàn bà ai cũng biết là mê tín ngu đần và ngang bướng không chịu nghe lời nói phải. Có thể bàn cãi với bà ta suốt đêm không kết quả gì. Bà ta không để ý đến chút nào. Giấc mơ của bà ta dùng một thứ ngôn ngữ khác. Một đêm bà ta nằm mơ thấy mình dự một cuộc họp mặt xã giao. Bà chủ nhà tiếp đón bà niềm nở mà rằng: "Bà đến chơi, chúng tôi rất lấy làm vui mừng. Bạn bè đang đợi bà trong kia." Bà chủ nhà đưa bà ta đến tận cửa,

chính tay bà mở cửa. Bà ta bước qua ngưỡng cửa vào trong… một cái chuồng bò.

Tiếng nói giấc mơ khá giản dị, người ngờ nghệch nhất cũng có thể hiểu được. Người đàn bà ấy, trước hết không chấp nhận ý nghĩa một giấc mơ trực tiếp phạm đến tự ái của bà ta. Nhưng dầu sao bà ta cũng hiểu bức thông điệp, sau một thời gian, bà ta phải chấp nhận vì bà ta không ngăn cản mình xấu hổ vì chính mình lại chế nhạo mình.

Những bức thông điệp của tiềm thức như thế có một tầm quan trọng lớn hơn người ta tưởng. Trong đời sống tâm tư có ý thức, chúng ta chịu đủ loại ảnh hưởng. Người khác khích lệ ta hay làm ta phiền muộn, những việc xảy ra trong đời sống nghề nghiệp hay xã hội khiến ta chú ý về đằng khác. Tình trạng ấy có thể đưa đẩy chúng ta đến những con đường không phù hợp với cá tính của ta. Mặc dù chúng ta có ý thức được hay không, lương tâm ta vẫn luôn luôn bị những loại thôi thúc ấy làm xao động mà không đường chống cự. Trường hợp này rất đúng với những người có khuynh hướng hướng ngoại chỉ chú trọng đến đời sống bên ngoài, hay những người có ý hướng tự ti và ngờ vực bản chất sâu xa của mình.

Lương tâm càng bị ảnh hưởng bởi thành kiến, lầm lỗi, ám ảnh, ý muốn vô vị, cái hố ngăn cách sẵn có lại càng mở rộng đến tình trạng phân tán có tính cách suy nhược thần kinh, đưa đến một đời sống ít nhiều giả tạo, xa hẳn những bản năng bình thường, xa hẳn thiên nhiên và chân lý.

Chức vụ đại quát của mộng mị là tìm cách lập lại cân bằng tâm lý nhờ những vật liệu của giấc mơ, giấc mơ có khả năng huyền diệu lập lại được sự cân bằng của toàn thể cơ cấu tâm thần. Như thế tôi gọi là trách vụ bổ túc (hay đền bù) của giấc mơ trong tổ chức tâm thần của ta. Điều đó cắt nghĩa được tại sao những người thiếu óc thực tế hay có ý kiến quá tốt đẹp về mình, hay là có những hoài bão to tát không hợp với khả năng thực sự của mình, thường nằm mơ thấy mình bay bổng hay té ngã. Giấc mơ đều là những yếu nhược của cá tính họ đồng thời cảnh cáo cho họ biết những nguy hiểm trên bước đường của họ. Nếu người ta không kể đến lời cảnh cáo ấy ắt là có thể xảy ra những tai nạn thực sự. Người ta có thể trượt cầu thang té ngã hay là gặp tai nạn xe hơi.

Tôi còn nhớ một người đã nhúng tay vào một loạt những hành động mờ ám. Ông ta có một say mê bệnh hoạn: trò leo núi mạo hiểm, như để đền bù cuộc sống thiếu thốn. Ông ta tìm cách vượt mình. Một đêm ông ta mơ thấy mình vượt một đỉnh núi cao rồi bước chân vào chỗ trống không. Khi ông ta kể lại giấc mơ cho tôi nghe, tôi tìm cách làm cho lời nói có sức nặng để thuyết phục ông ta nên giữ chừng mực. Tôi nói thẳng cho ông biết rằng giấc mơ của ông báo trước một tai nạn leo núi, nhưng không ích gì. Sáu tháng sau, ông bước chân vào chỗ trống không. Một người dẫn lộ đứng coi ông ta và một người bạn nắm dây để tụt xuống một chỗ thật khó khăn. Người bạn

bất thần đặt chân vào miệng vực thẳm, ông ta làm theo. Bất thình lình ông buông tay nắm, theo đúng lời người dẫn lộ, thì y như ông "nhảy vào hư không". Ông ngã đụng vào người bạn và kéo ông này theo, cả hai cùng chết.

Một trường hợp khác khá điển hình là trường hợp một người đàn bà sống cuộc đời nhiều tham vọng quá. Lúc thức tỉnh, bà ta kiêu hãnh và hách dịch, nhưng bà ta nằm mộng những chuyện chướng mắt nhắc nhở cho bà ta đủ điều khó chịu. Khi tôi nói cho bà ta biết, bà ta phẫn nộ không chịu thừa nhận. Những giấc mơ trở nên đe dọa hơn, nhắc đến những cuộc tha thẩn một mình trong rừng mơ mộng những chuyện cao đại. Tôi đã trông thấy sự nguy hiểm đang chờ bà ta nhưng bà không chịu nghe lời cảnh cáo của tôi. Chẳng bao lâu, bà ta bị một kẻ cuồng dâm ở trong rừng xúc phạm. Một vài người nghe tiếng kêu đến cứu, nếu không bà đã bị hại rồi.

Trong việc này không có gì là tà thuật cả. Giấc mơ của bà ta cho tôi biết rằng trong chỗ thâm kín tâm hồn bà, bà muốn có một tai họa như thế, cũng như người leo núi nói trên đã vô tâm tìm sự thỏa mãn trong lối thoát cuối cùng cho mọi bước khó khăn. Dĩ nhiên, không người nào muốn trả quá đắt cho sự thèm khát của mình. Nhưng bà này bị gãy xương, ông kia thiệt mạng.

Như vậy, giấc mơ có thể báo trước một vài tình trạng mãi về sau mới xảy ra. Trong đời sống của ta rất nhiều sự khủng hoảng đã qua một lịch trình tiến triển rất dài ở ngoài tầm ý thức của ta. Chúng ta tiến dần tới nó từng bước một mà không nhận thấy những mối nguy hiểm chồng chất. Nhưng điều gì ý thức ta không lý hội được, tiềm thức ta nhận thấy, nó có thể thông báo cho ta biết bằng giấc mơ.

Thường thường giấc mơ cảnh cáo cho ta bằng cách ấy. Nhưng cũng có khi giấc mơ không nhắn nhủ ta điều gì cả. Bởi vậy không thể cho rằng giấc mơ là một cánh tay che chở can ngăn chúng ta kịp lúc. Nói một cách tích cực, hình như thỉnh thoảng giấc mơ cảm ứng một ý thiện, nhưng có khi không. Bàn tay bí mật có thể chỉ cho ta biết những cạm bẫy hay cái gì có vẻ là cạm bẫy. Giấc mơ có khi xuất hiện như một lời Tiên tri đền Delphes báo cho vua Crésus biết rằng, nếu nhà vua đi qua Halys, nhà vua sẽ phá hủy một vương quốc. Chỉ sau khi thảm bại, nhà vua mới biết rằng vương quốc ấy chính là giang san của mình.

Người ta không thể có thái độ ngây thơ trong việc nghiên cứu giấc mơ. Giấc mơ bắt nguồn từ một thần trí chưa hẳn có nhân tính, mà có vẻ như tiếng thì thầm của thiên nhiên, hồn thiêng của một nữ thần đẹp đẽ, khoan dung, nhưng cũng độc ác. Nên chúng ta muốn định nghĩa thần linh đó, ta có thể tiến tới gần hơn bằng cách nghiên cứu thần thoại thời xưa hay thế giới huyền hoặc của rừng sâu hơn là nghiên cứu tâm trạng con người hiện đại. Tôi không hề phủ nhận rằng xã hội văn minh tiến bộ đã đem lại cho ta nhiều sự chinh phục. Nhưng những sự chinh phục đó đã làm cho chúng ta mất nhiều, chúng ta mới bắt đầu hé thấy tầm rộng lớn của sự mất mát. Sự so sánh tính

tình người cổ sơ với tính tình người văn minh phần nào có mục đích chứng minh rằng cái ta mất đi và những cái ta thâu được, ta đã phải trả giá như thế nào.

Người cổ sơ bị thống trị bởi bản năng hơn người "biết lẽ phải", người biết lẽ phải là con cháu họ, những người đã biết tự kiểm soát. Trải qua tiến trình văn minh, chúng ta đã dựng lên một bức tường càng ngày kín mít thêm giữa ý thức và những lớp bản năng sâu xa hơn của cái psyché, rồi sau chúng ta còn cắt đứt ý thức ra khỏi cội rễ thân xác của những hiện tượng tâm thần. May thay, chúng ta chưa để mất những lớp bản năng chính yếu đó. Những lớp bản năng đó bây giờ vẫn còn, nhưng chúng phải lui vào tiềm thức và không còn cách phát lộ nào khác là dùng tiếng nói của những hình ảnh giấc mơ. Những hiện tượng bản năng đó, không phải bao giờ người ta cũng công nhận là thuộc về bản năng, bởi vì chúng xuất hiện dưới hình thức những biểu tượng, chúng đóng vai trò chủ yếu trong cái mà tôi gọi là "chức vụ đền bù của giấc mơ".

Muốn giữ cho trí óc được ổn cố, muốn giữ sức khỏe sinh lý thì phải giữ cho ý thức và tiềm thức hoàn toàn liên lạc với nhau để cùng phát triển song song. Nếu hai phần lìa nhau hay bị phân tán sẽ xảy ra những rối loạn tâm lý. Như vậy, những biểu tượng của giấc mơ là những bức thông điệp và chúng cần thiết để chuyển tin tức từ phần bản năng sang phần lý trí của con người, tìm hiểu những bức thông điệp ấy sẽ làm cái tâm thức nghèo nàn của ta trở nên phong phú, nhờ vậy nó học cách tìm hiểu lại ngôn ngữ của bản năng bấy nay bị xao lãng.

Tiếc thay người đời đã ngờ vực chức vụ đó của giấc mơ, vì rằng những biểu tượng của giấc mơ thường thường khó hiểu hay không được ta để ý đến. Trong cuộc sống hằng ngày, người ta thường cho rằng tìm hiểu giấc mơ là thừa. Tôi có thể lấy ra làm ví dụ một kinh nghiệm của tôi tại một bộ lạc cổ sơ ở Đông Phi. Tôi rất ngạc nhiên rằng người trong bộ lạc cho rằng họ không nằm mơ bao giờ. Nhưng khi đã kiên nhẫn dò hỏi một cách gián tiếp, tôi khám phá ra rằng họ cũng nằm chiêm bao như bất kỳ ai, nhưng họ tin rằng giấc mơ của họ không có ý nghĩa gì cả. Họ cả quyết rằng "giấc mơ của người thường không có nghĩa gì cả". Họ tưởng rằng chỉ có giấc mơ của các thủ lĩnh và các thầy pháp mới quan trọng. Những người đó nắm giữ vận mệnh của bộ lạc cho nên có uy thế lớn. Thật là bất hạnh cho họ, viên tù trưởng và người thầy pháp cũng cho rằng mình chỉ có giấc mơ không nghĩa lý gì cả. Theo họ thì việc này có từ khi người Anh đến xứ ấy. Viên quận trưởng, tức là một công chức người Anh cai trị bộ lạc đã giữ nhiệm vụ thực hiện những giấc mơ giá trị mà trước kia họ vẫn theo đấy mà xử sự.

Khi bộ lạc ấy chịu nhận là có nằm chiêm bao, nhưng lại tưởng rằng chiêm bao không có ý nghĩa gì, họ cũng hành động như người văn minh. Người văn minh tưởng rằng giấc mơ không có gì là quan trọng chỉ vì họ không hiểu

được giấc mơ. Nhưng một người văn minh cũng có thể kịp nhận thấy rằng một giấc mơ có lẽ họ đã quên đi cũng có thể có ảnh hưởng tai hại hay thuận tiện đến tính tình của họ. Giấc mơ tác động đến phần phi ý thức của con người, đó là trường hợp thường xảy ra hơn cả. Chỉ trong những trường hợp ngoại lệ, khi nào giấc mơ nhắc đi nhắc lại đều đều, bấy giờ người đời mới muốn giải mộng.

Đến đây tôi cần lưu ý đến những lối giải mộng một cách ngu muội hay không đủ kiến thức để giải mộng. Có những người đã mất cân bằng tâm trí đến nỗi giải mộng của họ thật là nguy hiểm cho họ. Trong những trường hợp ấy, cái phần ý thức đơn phương thường bị ngăn cách bởi tiềm thức sai lệch hay "thác loạn" theo tỷ lệ tương xứng, ta không nên để hai phần phần tiếp xúc với nhau mà không chuẩn bị cẩn thận.

Thường ta không nên ngu muội mà cho rằng với những cách chỉ dẫn tiền chế và hệ thống hóa để giải mộng, ta chỉ việc mua một cuốn sách về coi là tìm thấy cách giải một biểu tượng của giấc mơ. Không có một biểu tượng của giấc mơ lại không gói ghém tâm trí của người nằm mơ và không có sự suy diễn trực tiếp và nhất định của giấc mơ. Từ người này đến người khác, tiềm thức có những cách bổ túc hay đền bù ý thức rất khác nhau đến nỗi không thể xác định được rằng có thể làm cách nào để xếp loại giấc mơ và những biểu tượng của giấc mơ.

Hẳn nhiên là có những giấc mơ và biểu tượng đứng riêng rẽ (tôi muốn nói là những ý tưởng (4)), những loại ấy có những sắc thái đặc biệt và thường thấy luôn. Trong số những biểu tượng đó có: mơ thấy mình bị ngã hay bỗng bị thú dữ hay người ghét mình đuổi bắt, thấy mình ăn mặc hở hang hay lố lăng trước mặt công chúng, thấy mình bị thúc giục làm mình cuống quýt, mình lạc lõng giữa đám đông quay cuồng, thấy mình đánh nhau mà chỉ có những khí giới thua kém không chống cự nổi, thấy mình chạy miết mà không đi tới đâu. Một loại giấc mơ rất hay có của trẻ con là thấy mình bé tí hon hay lớn khổng lồ, người ta từ thái cực nọ bước sang thái cực kia, thí dụ như trong truyện Alice au pays des merveilles (Alice ở xứ sở diệu kỳ). Nhưng tôi xin nhấn mạnh một lần nữa rằng những ý tưởng đó phải đặt vào toàn diện giấc mơ chứ không thể cho là những chữ trong một bản mật ngữ tự nó có ý nghĩa.

Giấc mơ trở đi trở lại nhiều lần là một hiện tượng rất đáng chú ý. Có những trường hợp người ta từ lúc nhỏ đến lúc già vẫn mơ thấy một điều. Giấc mơ như vậy thường thường là một sự cố gắng để bù lại một nhược điểm của người ta trước cuộc đời. Nó cũng có thể bắt nguồn từ một vết thương đã để lại một dấu vết đặc biệt. Nó cũng có thể báo trước một sự kiện quan trọng sắp xảy ra.

Chính tôi cũng đã từng nằm mơ thấy một ý tưởng như thế trong nhiều năm liền, tôi tìm thấy trong nhà tôi một nơi mà tôi không biết là vẫn có từ

trước. Có khi là những phòng của cha mẹ tôi, trong ấy cha tôi có một buồng thí nghiệm về giải phẫu học so sánh các loài cá, và một lâu đài của mẹ tiếp khách. Cha mẹ tôi đã mất từ lâu, phần bỏ trống hông ở của nhà tôi là một tòa nhà lịch sử đã bị bỏ quên, tôi được thừa hưởng theo di chúc để lại. Ở đấy có những bàn ghế cổ khá đẹp. Trong một giấc mộng xảy ra sau một loạt mộng như thế, tôi khám phá ra một thư viện cổ chứa những sách mà tôi không hề biết. Sau cùng là một giấc mơ trong đó tôi mở coi một quyển sách biểu tượng rất kỳ lạ. Khi tỉnh dậy, lòng tôi xúc động vô cùng.

Một thời gian sau khi nằm mơ, tôi mua được của một tiệm sách, một trong những cuốn sách cổ điển của người luyện kim thời Trung cổ. Trong một cuốn sách có lẽ liên quan đến thuật luyện kim của xứ Byzance, có trích ra một đoạn văn của cuốn sách cổ điển nói trên mà tôi muốn kiểm soát lại. Nhiều tuần lễ sau khi chiêm bao thấy quyển sách lạ, tôi nhận được một gói của nhà sách gửi cho. Trong đó có cuốn sách bằng giấy tốt có từ thế kỷ thứ XVI in những hình ảnh biểu tượng rất quyến rũ làm tôi nhớ lại ngay những hình ảnh của giấc mơ. Những nguyên tắc bí thuật luyện kim trở thành một phần quan trọng của công việc ban đầu trong lĩnh vực tâm lý học mà tôi đang theo đuổi, bởi vậy những ý tưởng của giấc mơ tái diễn cũng dễ hiểu. Cái nhà là biểu tượng cá nhân tôi và lĩnh vực hoạt động của phần ý thức. Những căn phòng bí mật là một cách dự phòng một lĩnh vực hoạt động tìm tòi mới mà tôi chưa ý thức được. Từ lúc ấy cho đến 30 năm sau này tôi không chiêm bao như thế nữa.

---

(1) Rõ rệt khi chỉ đồ vật hay cử chỉ cụ thể: bàn, ghế, ăn, uống.

(2) Thí dụ trong tâm thần người cổ sơ họ nghĩ rằng con thú đồng nhất với ông thầy pháp.

(3) Kinh nghiệm trải qua lịch sử

(4) "motif"

CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH GIẤC MƠ

Khi bắt đầu thiên khảo này tôi đã nhấn mạnh đến sự khác biệt giữa một ký hiệu và một biểu tượng. Ký hiệu không bao giờ nói hết những ý nghĩa của ý niệm ghi lại bằng ký hiệu ấy còn biểu tượng thì gợi đến một nội dung to lớn hơn ý nghĩa hiển nhiên và trực tiếp của biểu tượng. Vả chăng, biểu tượng là cái gì đó tự nhiên và ngẫu nhiên. Không một người có thần khí (génie) nào lại cầm một cái bút và nói rằng: bây giờ ta tạo ra một biểu tượng. Không ai có thể lấy một ý tưởng hữu lý do kết quả của sự suy luận hay dụng tâm tạo ra một ý tưởng rồi cho nó một hình thức "biểu tượng". Dù ý tưởng có hóa trang cách nào, có kỳ quái đến mức nào, một ý tưởng như thế cũng chỉ là một ký hiệu có ý nghĩa, một ý tưởng có ý thức và chỉ dính dáng đến ý thức, chứ không thể là một biểu tượng gợi đến cái gì chưa biết. Trong giấc mơ, biểu tượng ngẫu nhiên xuất hiện bởi vì giấc mơ là biến cố xảy ra chứ không phải là sáng kiến. Như vậy, giấc mơ là nguồn gốc chính để ta tìm hiểu biểu tượng.

Nhưng tôi phải nhấn mạnh rằng biểu tượng không phải chỉ xuất hiện trong giấc mơ mà thôi. Nó tham dự vào tất cả mọi loại biểu lộ của tâm thần. Có những ý tưởng và tâm tình có tính cách biểu tượng, có những hành động và hoàn cảnh có tính cách biểu tượng. Thường thường hình như những đồ vật vô tri hợp tác với tiềm thức trong việc cấu tạo những hình thức biểu tượng. Có nhiều chuyện đồng hồ ngưng lại khi chủ nó chết, thí dụ chuyện xảy ra với Frédérice le Grand ở Sans-Souci. Những chuyện khác rất phổ biến là chuyện cái gương vỡ, bức tranh rơi xuống đất khi có người chết. Hay chuyện đồ vật đổ vỡ trong nhà một người bị khủng hoảng tâm tình, chuyện không đánh mạnh vào tâm trí cho lắm nhưng cũng không cắt nghĩa được. Nếu không phải là người dễ tin thì không thể chấp nhận được những chuyện như thế nhưng nó vẫn xuất hiện, và như thế đủ chứng tỏ nó có một tầm quan trọng về phương diện tâm lý.

Tuy nhiên có rất nhiều biểu tượng có khi rất quan trọng, không có tính cách cá nhân mà có tính cách đoàn thể, kể cả phương diện tính chất lẫn phương diện nguồn gốc. Phần nhiều đó là những hình ảnh tôn giáo. Người tin đạo gán cho những hình ảnh ấy nguồn gốc thần linh và cho rằng chúng có tính cách một mặc khải. Người bi quan cả quyết rằng đó chỉ là sự bịa đặt. Cả hai bên đều nghĩ lầm. Đúng như người bi quan đã nói, biểu tượng và khái niệm tôn giáo là đối tượng của sự tôi luyện công phu và rất tự giác trong nhiều thế kỷ. Cũng đúng như lời nói của người sùng đạo, nguồn gốc biểu tượng và khái niệm tôn giáo đưa ta đi ngược trở lên chỗ u minh quá khứ đến nỗi hình như chúng không còn có nguồn gốc nhân loại nữa. Nhưng thực ra đấy là những "ý tưởng tập thể" thoát thai từ những giấc mơ, từ trí tưởng tượng của người thượng cổ. Và vì như vậy cho nên biểu tượng và khái niệm

tôn giáo là những biểu lộ phi ý thức, ngẫu phát, không có gì là sáng kiến có suy tính.

Sự kiện ấy có ảnh hưởng trực tiếp quan trọng đến sự lý giải giấc mơ, sau này tôi sẽ nói đến. Hẳn nhiên nếu người ta cho rằng giấc mơ tượng trưng cho một cái gì đó, người ta sẽ giải thích nó khác hẳn người nào cho rằng giấc mơ mượn sinh lực chính yếu của một ý tưởng hay một xúc động quen thuộc bị hóa trang đi mà thôi. Trong trường hợp sau này đem giấc mơ ra giải thích sẽ chẳng có mấy ý nghĩa bởi vì người ta chỉ thấy cái gì người ta đã biết rồi.

Bởi lẽ ấy tôi vẫn bảo học trò của tôi rằng: "Hãy học cho hiểu vấn đề biểu tượng càng nhiều càng hay, rồi khi phân tích giấc mơ thì quên hết những điều đã học được." Sự khuyên bảo này có một tầm quan trọng thực tiễn đến nỗi tôi tự buộc mình phải nghĩ rằng mình không hiểu rõ giấc mơ của người khác để có thể giải thích được đúng. Tôi làm như vậy để tôi không đem những đợt sóng hội ý và phản ứng của tôi thay thế vào những điểm mà người bệnh còn ngập ngừng và lưỡng lự. Về phương diện trị bệnh, điều quan trọng bậc nhất là người phân tích nắm vững được bức thông điệp riêng của giấc mơ (nghĩa là phần đóng góp của tiềm thức vào ý thức), họ cần thăm dò nội dung bức thông điệp rất cẩn thận.

Khi tôi còn làm việc với Freud, tôi đã có một giấc mơ làm sáng tỏ điểm ấy. Tôi nằm mơ thấy mình đang ở nhà, trên tầng một, trong một căn phòng khách đẹp đẽ tiện nghi trang hoàng theo kiểu thế kỷ XVIII. Tôi ngạc nhiên rằng trước đây chưa hề trông thấy căn phòng ấy và bắt đầu tự hỏi xem nhà dưới giống phòng nào. Tôi đi xuống, và tôi nhận thấy dưới nhà có vẻ tối, tường lát gỗ, đồ đạc thì to lớn đồ sộ kiểu thế kỷ XVI hay trước nữa. Tôi càng thêm ngạc nhiên và hiếu kỳ. Tôi muốn xem toàn thể kiến trúc căn nhà. Tôi bước xuống hầm và thấy một cái cửa trông ra một cầu thang, cầu thang đưa đến một căn phòng rộng hình vòm. Sàn lát đá lớn, tường có vẻ rất cổ. Xem đến hồ vữa thì biết rằng hồ vữa có gạch vụn. Rõ ràng là tường này có nguồn gốc La Mã. Tôi càng thêm hiếu kỳ. Trong một góc nhà tôi thấy một cái vòng sắt đóng chặt vào một phiến đá. Nhấc lên thì thấy một cầu thang nhỏ đưa đến một thứ hầm giống như một ngôi mộ cổ, trong đó có hai cái sọ người, vài cái xương và một vào mảnh đồ gốm. Tôi tỉnh dậy.

Nếu Freud phân tích giấc mơ này và theo phương pháp của tôi dò xét những hội ý liên lạc trực tiếp với giấc mơ, nội dung giấc mơ, chắc rằng ông sẽ gạt đi vì cho rằng đó chỉ là ý muốn thoát khỏi một vấn đề mà thực ra vấn đề ấy lại là của ông chứ không phải của tôi. Thực ra giấc mơ đã thâu tóm cả cuộc đời tôi, nhất là sự tiến triển của tâm trí tôi. Tôi lớn lên trong một căn nhà cổ có từ 200 năm trước, đồ đạc phần nhiều đã có từ 300 năm, về phương diện kiến trúc thì cuộc phiêu lưu tinh thần của tôi xảy ra từ khi tôi đọc Kant và Schopenhauter. Biến cố quan trọng lúc ấy là tác phẩm của Charles Darwin. Mới trước đây tôi còn sống trong cái thế giới Trung cổ của cha mẹ

tôi; cha mẹ tôi tin rằng thế gian và nhân loại đều do thiên thần toàn năng và thiên hựu cai quản. Từ đây thế gian ấy đã già nua và hết hiệu lực. Tín ngưỡng Ky Tô giáo của tôi mất tính chất tuyệt đối vì sự khám phá ra các tôn giáo Đông phương và triết lý Hy Lạp. Bởi vậy cho nên tầng dưới căn nhà tối tăm, lạnh lùng thế và không có người ở.

Khi tôi làm y sĩ trợ tá tại Viện Giải phẫu học, tôi nghiên cứu khoa hóa thạch học bằng phương pháp giải phẫu so sánh, tôi bắt đầu say mê môn Lịch sử Nhân loại. Tôi say mê những đốt xương của người hóa thạch, nhất là người Néanderthal đã gợi lên nhiều cuộc tranh luận, và sọ người Pitthécanthrope của Dubois cũng gợi lên những cuộc tranh luận sôi nổi hơn nữa. Thực ra đó là những hội ý thực sự về giấc mơ của tôi. Nhưng tôi không dám nói đến sọ, bộ xương hay tử thi với Freud vì kinh nghiệm cho tôi biết rằng ông ta ghê tởm những đề tài ấy. Ông có ý nghĩ lạ lùng rằng tôi mong cho ông chết sớm. Ông đi đến kết luận ấy từ khi tôi tỏ ra chú trọng đến những xác ướp ở Bleikeller, tại Brême mà chúng tôi đã cùng viếng thăm vào năm 1909 khi đi tàu qua Mỹ châu.

Bởi vậy tôi ngập ngừng không muốn cho ông biết ý kiến riêng, do kinh nghiệm mới đây tôi biết rõ cái hố sâu ngăn cách quan điểm và căn bản học thuyết của Freud với tôi, cái hố sâu ấy gần như không vượt qua được. Tôi sợ mất tình thân hữu nếu tôi nói cho ông biết thế giới tâm tưởng của tôi. Tôi cho rằng ông sẽ lấy làm kỳ dị lắm. Tôi cũng không tin học thuyết của tôi một cách tuyệt đối, tôi gần như tự động nói dối về "hội ý tự do" của tôi để khỏi phải làm một việc không thể được là nói cho ông hiểu cơ cấu tâm thần rất riêng biệt của tôi hoàn toàn khác hẳn cơ cấu tâm thần của ông.

Xin độc giả thứ lỗi cho tôi vì đã nói nhiều đến rắc rối giữa tôi và Freud khi nói chuyện giấc mơ của tôi. Nhưng đó là một thí dụ hay để nêu ra những khó khăn trong việc phân tích giấc mơ, vì phải kể nhiều đến sự khác biệt giữa cá tính người phân tích với người nằm mơ.

Rồi tôi hiểu rằng Freud tìm kiếm trong tôi vài "ý muốn không chịu thú nhận". Bởi vậy tôi đưa ra ý kiến rằng những cái sọ tôi nằm mơ thấy có lẽ liên hệ đến một vài người trong gia tộc mà vì lẽ này hay lẽ khác tôi muốn họ chết. Sự giả thiết ấy được ông tán thưởng nhưng riêng tôi, tôi không thỏa mãn với cách giải thích dối trá ấy.

Trong khi tìm một cách trả lời thích hợp với những câu hỏi thích hợp của Freud, bất thần tôi xúc động bởi một trực giác: yếu tố chủ quan cũng đóng một vai trò trong sự hiểu biết tâm lý. Trực giác đó mạnh mẽ đến nỗi tôi chỉ có một ý định là làm sao thoát khỏi tình trạng rắc rối này, tôi bèn dùng đến phương tiện dễ dàng là nói dối. Điều đó không thanh nhã lắm và đứng về phương diện đạo đức thì không có cách gì biện minh, nhưng nếu tôi không làm thì sẽ tuyệt giao với Freud, vì nhiều lẽ tôi không thể làm như ông được.

Trực giác của tôi đã cho tôi hiểu một cách bất ngờ và bất thần rằng giấc

mơ của tôi chỉ có ý nghĩa cho tôi, cho đời sống của tôi, cho vũ trụ của tôi, cái thực thể của tôi như vậy chống đối lại một cơ cấu lý thuyết lập ra bởi một bộ óc xa lạ với tôi, vì những lý lẽ và để trả lời cho những mục đích của riêng nó. Không phải là giấc mơ của Freud. Đó là giấc mơ của tôi. Chỉ trong một chớp nhoáng, tôi hiểu bức thông điệp ấy.

Cuộc xung đột này làm sáng tỏ một điểm chính yếu trong sự phân tích giấc mơ. Sự phân tích ấy không hẳn là một kỹ thuật có thể học thuộc rồi đem áp dụng theo những nguyên tắc đã biết, mà còn là sự trao đổi có tính biện chứng giữa hai cá tính con người. Nếu người ta dùng kỹ thuật máy móc để phân tích thì cá tính tâm thần của người nằm mơ không thể bộc lộ được và vấn đề trị bệnh chỉ là câu hỏi: người phân tích giấc mơ hay người nằm mơ nắm vai chủ động và lấn át người kia? Vì lẽ đó tôi không dùng đến phương pháp thôi miên nữa, tôi không muốn bắt buộc người khác theo ý muốn của tôi. Tôi muốn để tự cá tính người bệnh tìm lấy đường lối làm cho mình khỏi bệnh, chứ không đề ra một đường lối chỉ có công hiệu nhất thời. Mục đích của tôi là bảo vệ tự do và tư cách của con người cho được toàn vẹn để họ có thể xây dựng cuộc đời theo ý muốn của họ. Trong cuộc trao đổi ý kiến này với Freud, lần thứ nhất tôi biết rằng muốn lập những thuyết tổng quát về người và linh hồn trước hết phải biết nhiều hơn về con người một cách thực sự và chính xác.

Cá nhân là một thực thể duy nhất. Chúng ta càng đi xa, chúng ta càng thay thế cá tính của mỗi người bằng những ý niệm trừu tượng về loài homo sapiens, chúng ta càng dễ lầm lộn. Ở thời đại xã hội đảo lộn và thay đổi nhanh chóng, nên biết nhiều hơn về con người, kể riêng rẽ từng cá nhân, bởi vì nhiều người tùy thuộc vào những đức tính tinh thần và đạo đức của mỗi người trong số họ. Tuy nhiên, nếu chúng ta muốn nhìn sự vật cho đúng, ta phải hiểu quá khứ của loài người cũng như thực tại của loài người. Bởi vậy cho nên tìm hiểu thần tượng (mythe) và biểu tượng là điều chính yếu.

CHƯƠNG 5: VẤN ĐỀ CHIA LOẠI NGƯỜI VỀ PHƯƠNG DIỆN TÂM LÝ HỌC

Trong những ngành khoa học khác, áp dụng một giả thuyết vào một trường hợp chung, vô cá tính, là một cách làm việc chính đáng. Nhưng phân tâm học đặt chúng ta trước tâm hồn hai cá nhân sống thực mà không thể gạt bỏ được cạnh khía chủ quan của người ta, cũng không thể làm cho người ta mất cá tính đi. Người phân tích tâm lý và người bệnh có thể đồng ý với nhau để cùng góp sức giải quyết một vấn đề một cách vô tư và khách quan. Nhưng dẫu sao, khi đã thảo luận với nhau, họ đã tham dự bằng toàn diện cá tính của họ. Đến lúc ấy, họ chỉ có thể tiến hành được nếu họ đạt tới được một sự thỏa thuận chung. Như vậy có thể có được một sự nhận định khách quan về kết quả chung cuộc chăng? Chỉ có thể được nếu đem so sánh những kết quả chúng ta đạt được với những nguyên tắc thường thường có giá trị đối với tầng lớp xã hội của người bệnh. Vả chăng cũng còn phải xét xem người ấy có cân bằng tâm trí hay không (tâm thần bình thường). Bởi vì không thể tiết giảm cá tính của mỗi người để làm cho thích ứng với những tiêu chuẩn xã hội, như thế sẽ đưa đến một tình trạng giả tạo. Trong một xã hội lành mạnh và bình thường, người ta thường không đồng ý với nhau, bởi vì đã bước ra khỏi lĩnh vực bản năng thì ít khi có sự đồng ý. Tuy rằng trong một xã hội, sự bất đồng ý kiến là cỗ xe chuyên chở đời sống tinh thần, nhưng ta không thể cho rằng đó là cứu cánh. Sự đồng ý cũng quan trọng. Nền tảng của tâm lý đặt trên sự quân bình những cái trái ngược, một điều xét đoán không thể coi là chung quyết nếu người ta không kể đến điều xét đoán khác tương nghịch với nó. Sở dĩ có đặc điểm ấy là vì không thể đứng ở trên hay ở ngoài tâm lý để thẩm định chung quyết về tính chất của cái psyché.

Tuy rằng nhận định về giấc mơ phải nhận định riêng tư từng người một, nhưng cũng phải có những nhận định chung nếu nhà tâm lý học muốn xếp loại và lọc lựa những tài liệu thu thập được để nghiên cứu một số đông người. Không thể lập một thuyết tâm lý học và không thể đem giảng dạy cho người khác nếu người ta chỉ mô tả thực nhiều những trường hợp ấy có gì giống nhau, có gì khác nhau. Tiêu chuẩn đại cương nào cũng có thể dùng được. Thí dụ người ta có thể phân biệt những người có cá tính hướng ngoại với những người có cá tính hướng nội (1). Đó chỉ là một trong nhiều cách tổng quát hóa có thể làm được, nhưng nó cũng làm xuất hiện ngay những khó khăn nếu ông thầy thuốc thuộc về một loại mà con bệnh lại thuộc về loại khác.

[Phân tích cặn kẽ một giấc mơ rốt cuộc cần phải đem đối chiếu cá nhân của ông thầy với cá nhân của người bệnh – *VĐL lược dịch]. Khi cho rằng mọi sự phân tích sâu sắc một giấc mơ đều dẫn đến việc đối chiếu hai cá*

nhân thì việc họ thuộc vào cùng một kiểu cá tính, hoặc vào hai kiểu cá tính khác nhau dĩ nhiên có một tầm quan trọng lớn. Nếu cả hai người cùng thuộc một kiểu cá tính thì họ có thể cộng tác êm đẹp với nhau lâu dài. Nhưng nếu người này là một kẻ hướng ngoại còn người kia hướng nội thì quan điểm khác biệt và trái ngược của họ có thể va chạm nhau ngay lập tức, đặc biệt nếu họ không hiểu chút nào về kiểu cá tính của nhau, hoặc nếu họ xác tín rằng kiểu cá tính ấy là duy nhất tốt đẹp. Chẳng hạn, người có cá tính hướng ngoại luôn chấp nhận quan điểm của đa số. Người hướng nội, theo nguyên tắc, lại bác bỏ điều đó, bởi vì cho rằng quan điểm của đa số là thời thượng. Sự đối lập này dễ dàng giải thích sự kiện: điều được người này xem là có giá trị thì lại vô giá trị với người kia. Ví dụ như Freud coi người hướng nội như một cá nhân quan tâm đến bản thân mình một cách bệnh hoạn. Nhưng sự nội quan và sự hiểu biết về chính mình lại vẫn có thể là những giá trị cao nhất.

[Bởi vậy cho nên rất cần phải biết cá tính của ông thầy và con bệnh hợp nhau, xung khắc nhau hay lưỡng tương bổ túc – *VĐL dịch]. Có một điều cần thiết cốt tử để tính đến những khác biệt như thể cá tính trong việc giải thích những giấc mơ. Người ta không thể xuất phát từ giả thiết rằng nhà phân tích là một siêu nhân, ở bên trên những khác biệt đó, đơn giản bởi vì ông ta là thầy thuốc, được phú cho một lý thuyết tâm lý học và kỹ thuật tương ứng. Ông ta chỉ có thể tự cho mình cái ảo tưởng về ưu thế của mình trong chừng mực ông ta xem lý thuyết và kỹ thuật của mình như những chân lý tuyệt đối, có khả năng bao quát hết toàn bộ cái psyché của con người. Khi cho rằng một niềm tin như thế là không thể phản bác thì chỉ có thể xác tín vào nó mà thôi. Hậu quả là ông ta bị những hoài nghi âm thầm xâm chiếm khi ông ta đối chiếu toàn thể con người là bệnh nhân của ông ta với một lý thuyết và một kỹ thuật (chỉ là một giả thuyết và một dự tính điều trị) thay vì đối chiếu nó với tổng thể sinh động của chính mình. Cá tính trọn vẹn của nhà phân tích là cái tương đương duy nhất thích hợp với cá tính của bệnh nhân. Kinh nghiệm thực hành và tri thức về tâm lý học chẳng qua chỉ là lợi thế để hành nghề của nhà phân tích. Chúng không đặt ông ta đứng lên trên sự rối rắm, mà ông ta cũng như bệnh nhân của mình đều bị thử thách. Quan trọng là làm thế nào để biết được liệu cá tính của họ là hòa hợp, xung khắc hay lưỡng tương bổ túc cho nhau.*

Hướng nội và hướng ngoại chỉ là hai tỉ dụ về những cách sử kỷ tiếp vật (particularités du comportement) của con người. Điều đó hiển nhiên và rất dễ nhận thấy. Nếu ta nghiên cứu những người có cá tính hướng ngoại, người ta thấy ngay họ khác nhau ở nhiều điểm. Hướng ngoại là một tiêu chuẩn khái quát và hời hợt quá, nó không thể là đặc tính chân xác của một cá nhân. Bởi vậy cho nên đã từ lâu tôi thử tìm những đặc điểm nòng cốt có thể dùng để xếp đặt thứ tự những cá tính bề ngoài tưởng như khác biệt nhau vô cùng.

Tôi vẫn để ý thấy một số lớn người hết sức tránh việc sử dụng trí năng,

trái lại cũng có một số lớn người dùng trí năng để suy luận một cách ngu muội. Tôi cũng ngạc nhiên rằng nhiều người rất thông minh minh mẫn lại không biết sử dụng đến tai mắt của mình. Họ không trông thấy sự vật ở ngay trước mắt, không nghe thấy những tiếng vang động bên tai, không nhận thấy cái gì họ sờ vào hay cho vào miệng. Có người không ý thức được chính thân thể của mình.

Một số người khác hình như sống với một tâm trạng kỳ dị họ cho địa vị hiện tại của họ mãi mãi như thế, cuộc đời và linh hồn họ bất động, không thể thay đổi được và cứ phải như vậy mãi mãi. Những người như thế hình như không có một chút tưởng tượng nào, họ hoàn toàn phụ thuộc vào cảm giác của ngũ quan. Sự ngẫu nhiên và khả dĩ không có trong vũ trụ của họ, trong cái "ngày hôm nay" của họ không làm gì có cái "ngày mai" thực sự. Tương lai chỉ là diễn lại quá khứ.

Ở đây tôi muốn hé cho người đọc thấy những cảm tưởng đầu tiên của tôi khi tôi bắt đầu nhận xét những người tôi gặp. Chẳng bao lâu tôi thấy hiển nhiên rằng những người dùng đến trí năng là những người suy tư, nghĩa là họ cần đến cơ năng trí tuệ để thích ứng với người và hoàn cảnh. Còn những người cũng thông minh như thế nhưng lại không suy nghĩ, họ tin chắc vào cảm năng của mình để tìm thấy đường lối xử sự. (2)

Khi tôi đem đối chiếu những người dùng cảm năng và những người dùng suy luận, tôi thiên về sự phán đoán giá trị: cái khoái trá và cái khó chịu, cái tốt và cái xấu… Cảm năng, hiểu theo cách định nghĩa trên đây, không phải là một xúc động (xúc động không tùy thuộc ý muốn). Như vậy khi tôi nói "cảm thấy", cũng như nói "nghĩ rằng", xin hiểu là một cơ năng lý trí (nghĩa là có bài trí), còn như trực giác thì là một cơ năng phi lý trí (nghĩa là thuộc tri giác). Trực giác là cái gì do "tâm đắc" (3) nó không phải là một tác động ý trí. Ta phải coi là một sự kiện phi lý trí, tùy thuộc những điều kiện nội quan và ngoại quan, chứ không phải là một xét đoán (nghĩa là một tác động). Trực giác gần với sự tri giác của ngũ quan. Sự tri giác này cũng là một hiện tượng phi lý trí, khi nó chỉ tùy thuộc những khích động khách thể, khi có những nguyên nhân thể chất gây ra chứ không phải những nguyên nhân tâm thần.

Bốn loại cơ năng trên đây tương ứng với bốn phương tiện mà lương tâm của ta dùng để định hướng khi tiếp xúc với kinh nghiệm. Cảm giác (nghĩa là sự tri giác của cảm quan) cho biết rằng cái gì có thực. Tư tưởng cho ta biết cái đó là thế nào. Tình cảm (cảm năng) cho ta biết cái đó làm cho ta khoái trá hay khó chịu.Trực giác khải thị cho ta biết cái đó từ đâu đến và hướng về đâu.

Xin độc giả hiểu rằng bốn tiêu chuẩn trên đây dùng để xác định bốn loại thái độ, bốn cách cư xử kỷ tiếp vật, đó cũng chỉ là một quan điểm trong số những quan điểm khác, thí dụ như ý chí, tính tình, trí tưởng tượng, trí nhớ v.v… Không có gì là một chủ thuyết. Nhưng những tính chất chủ yếu của

chúng dùng làm những tiêu chuẩn thích hợp để xếp loại. Tôi thấy những tiêu chuẩn ấy rất đắc lực để giải thích những phản ứng của cha mẹ đối với con cái, vợ chồng đối với nhau. Chúng cũng giúp ta hiểu những thành kiến của ta.

Chính vì tất cả những lý do ấy mà nếu ta muốn hiểu giấc mơ của kẻ khác thì cần phải hi sinh những ưa thích của riêng mình, và gạt bỏ những thành kiến của chúng ta. Điều đó không dễ dàng và cũng chẳng dễ chịu gì, bởi vì nó đòi hỏi một nỗ lực tinh thần mà không phải ai cũng muốn làm. Nhưng nếu nhà phân tích không cố gắng giữ một thái độ phê phán đối với quan điểm riêng của mình và thừa nhận tính tương đối của nó, thì nhà phân tích sẽ không nhận được thông tin đúng đắn, càng không có được một sự cảm thông đầy đủ để hiểu được điều gì đang diễn ra trong tâm trí bệnh nhân. Nhà phân tích trông đợi nơi bệnh nhân một thiện ý nào đó để lắng nghe và xem trọng ý kiến của mình. Dành cho bệnh nhân cùng một quyền đối với nhà phân tích là điều bình thường. Mặc dù sự có đi có lại ấy là cần thiết cho mọi sự thấu hiểu, và là lẽ tất nhiên, nhưng cần phải luôn nhắc lại rằng từ quan điểm điều trị, làm cho bệnh nhân hiểu là quan trọng hơn việc nhà phân tích nhận được sự xác nhận về những giả thiết mang tính lý thuyết của mình. Sự kháng cự của người bệnh chống lại sự lý giải của nhà phân tích không phải bao giờ cũng là một phản ứng sai lầm; trái lại, nó chỉ ra một cách chắc chắn rằng có điều gì đó không ổn. Hoặc là người bệnh chưa đạt tới điểm để có thể lĩnh hội, hoặc là sự lý giải không thỏa đáng.

Trong sự cố gắng giải thích biểu tượng trong giấc mơ của người khác, chúng ta thường hay bị cản trở vì có khuynh hướng dùng cách phóng đại (projection) để bổ túc những chỗ hiểu biết còn thiếu sót, giả tỉ như nhà phân tâm học tri giác hay suy nghĩ cái gì thì người nằm mộng cũng phải như thế. Vì muốn ngăn ngừa những nguyên do lầm lỗi đó mà tôi vẫn nhấn mạnh đến điểm quan trọng là chỉ căn cứ vào nội dung của mỗi giấc mơ riêng biệt, còn thì loại hết những giả thuyết căn cứ vào lý thuyết đại cương về giấc mơ, ngoại trừ những giả thuyết có ý nghĩa nào đó đối với giấc mơ ấy.

Qua những điều tôi nói trên đây, đã rõ rằng không thể đưa ra những quy luật chung có hiệu lực đối với tất cả các trường hợp giải thích giấc mơ. Khi tôi giả thiết rằng đại loại giấc mơ có nhiệm vụ đền bù những bất lực và những thiên lệch của tâm thức, tôi muốn nói rằng giả thiết như thế là cách hiệu quả nhất để bước vào cuộc nghiên cứu từng giấc mơ riêng rẽ. Trong một vài trường hợp, nhiệm vụ ấy được thực tế chứng minh rõ ràng.

Một trong những người bệnh của tôi có tính tự cao tự đại mà không biết rằng hầu hết mọi người đều ghét ông ta làm phách. Ông ta đến thăm tôi vì nằm mơ thấy một anh du thủ du thực ngã lăn xuống hố. Trông thấy thế ông ta chỉ thương hại mà phê bình: "Thật là đáng sợ khi nom thấy một người sa ngã xuống thấp đến như vậy!" Dĩ nhiên giấc mơ khó chịu ấy ít ra cũng là

một cách quân bình ý nghĩ quá đáng về tài trí của ông ta. Nhưng còn có cái gì hơn thế. Tôi khám phá ra ông ta có người em nghiện rượu nặng. Giấc mơ còn cho biết rằng thái độ tự cao tự đại của ông ta nhằm mục đích bù lại cả trong lẫn ngoài chỗ yếu của ông là có người em không đẹp đẽ gì.

Một trường hợp khác: một người đàn bà tự đắc là mình hiểu tâm lý học, nhiều lần mơ thấy một người đàn bà khác mà bà ta có quen biết. Ngoài đời bà ta không ưa người đàn bà ấy vì bà ta coi đó là một mụ xúc xiểm, dối trá và vẩn vơ. Nhưng trong giấc mơ mụ lại hiện ra là một người thân như chị em ruột, tử tế và dễ thương. Bà khách hàng của tôi không hiểu tại sao lại mơ thấy người mình không ưa hiện ra với vẻ mỹ miều như vậy. Nhưng giấc mơ đã muốn tỏ cho bà ta biết rằng tính nết của bà ta có một khía cạnh phi ý thức rất giống mụ kia, đã rọi "bóng mờ" vào cá tính của bà ta vậy. Bà khách hàng của tôi có định kiến về cá tính của mình, bà ta khó mà biết được giấc mơ liên hệ đến mặc cảm tự cường, đến những lý lẽ thầm kín đã làm cho bà hơn một lần cãi cọ với chúng bạn. Bà ta vẫn bắt bẻ người khác nhưng không hề nói động đến mình.

Không phải chúng ta chỉ không biết dồn nén cái "bóng mờ" của nhân vị ta. Ta cũng có thể không biết rõ những đức tính tích cực của ta nữa. Tôi biết một người có dáng vẻ tầm thường, khiêm nhường, xử sự hòa nhã, trong một cuộc họp mặt ông ta ngồi ở hàng chót và chỉ kín đáo tỏ ra mình có mặt. Khi được hỏi ý kiến, ông ta trình bày ý kiến rất xác đáng nhưng không bao giờ làm cho người khác phải nghe theo mình. Tuy nhiên ông gợi ý rằng vấn đề có thể giải quyết thỏa đáng hơn ở một trình độ cao hơn (ông ta không nói tại sao).

Trong giấc mơ ông luôn luôn gặp những vĩ nhân lịch sử như Napoléon hay Alecxandre Đại đế. Ta thấy khá rõ ràng, giấc mơ bù lại một mặc cảm tự ti. Nhưng giấc mơ còn có ý nghĩa khác. Nó muốn nói rằng: ta phải là nhân vật như thế nào để tiếp kiến những nhân vật lừng danh thế giới như vậy? Về phương diện này thì giấc mơ cho biết một ý nghĩa tự cao tự đại kín đáo để đền bù mặc cảm tự ti của người nằm mơ. Ý niệm vô thức muốn cao sang như thế đã làm ông tách mình rời khỏi hoàn cảnh thực tại. Người khác tất phải làm gì để thỏa mãn khát vọng cao sang, còn ông, ông không đếm xỉa đến. Ông không cần phải tỏ cho người khác hay cho chính mình biết rằng ông có kiến thức lỗi lạc cho nên sự thẩm xét của ông là cao minh.

Thực ra, ông vô tâm mà theo đuổi một trò chơi nguy hiểm, giấc mơ cố gắng làm cho ông ý thức được điều ấy một cách khó hiểu. Nói chuyện xưng mày tao với Napoléon, thân cận với Alecxandre Đại đế, đó là những ám ảnh đặc biệt của mặc cảm tự ti. Nhưng tại sao giấc mơ không có ý nghĩa trực tiếp rõ ràng? Sao nó không nói ra điều nó muốn nói mà lại nói một cách mơ hồ?

Người ta thường hỏi tôi câu ấy, và tôi cũng đã tự hỏi. Tôi vẫn lấy làm ngạc nhiên rằng giấc mơ đi những lối quanh co, không cho biết cái gì đích

xác, có khi quên điểm chính. Freud giả thuyết rằng cái psyché có một chức vụ đặc biệt gọi là sự "kiểm duyệt" (censure). Ông cho rằng sự kiểm duyệt đã làm méo mó những hình ảnh của giấc mơ đến nỗi không nhận ra được nữa hay bị nhầm lạc, nó làm như vậy để cho người nằm mơ không biết rõ ý nghĩa tế nhị của giấc mơ là để bảo vệ cho giấc mơ khỏi bị xúc động vì hồi tưởng những điều khó chịu. Nhưng tôi có thái độ bi quan vì thuyết ấy cho rằng giấc mơ bảo vệ giấc ngủ. Bởi vì rất nhiều khi giấc mơ quấy rối giấc ngủ.

Tôi nghĩ rằng hình như nội dung vị đáo (subliminal – chưa đạt tới ý thức) của cái psyché khi tới gần ý thức thì lánh đi. Hình ảnh và ý tưởng chỉ giữ nguyên cái nội dung vị đáo đó khi nó còn ở một mức độ thấp so với mức độ mà nó đạt được khi đã đến ý thức. Ở tình trạng vị đáo nó không có những nét sáng sủa. Sự liên lạc giữa những hình ảnh và ý tưởng đó hơi kém phần hợp lý và chỉ dựa vào những nét hơi na ná nhau mà thôi, kém phần hữu lý nghĩa là không thể hiểu được. Người ta có thể thấy hiện tượng ấy trong những trạng thái gần với giấc mơ như khi nhọc mệt, nóng sốt hay nhiễm độc tố. Nhưng nếu có cái gì làm cho những hình ảnh ấy thêm áp lực, hình ảnh sẽ bớt màu sắc vị đáo, sẽ thêm rõ ràng khi càng gần ngưỡng của trí thức.

Bởi thế cho nên chúng ta có thể hiểu được tại sao giấc mơ thường biểu lộ bằng những hình thức tương đồng, tại sao những hình ảnh giấc mơ lại trộn lộn vào nhau và tại sao giấc mơ không tôn trọng sự hữu lý và thời gian như lúc người ta thức. Đối với tiềm thức thì hình thức giấc mơ như vậy là bình thường vì hình thức ấy là của riêng những vật liệu xây dựng nên giấc mơ, những vật liệu đó còn ở trạng thái vị đáo (chưa đạt đến ý thức). Giấc mơ không bảo vệ giấc ngủ chống lại cái mà Freud gọi là "thèm muốn không thể thỏa hiệp được" (désir incompatible – sự thỏa hiệp của thèm muốn với ý thức đạo đức). Cái ông gọi là "ngụy trang" (travestissement) của giấc mơ thực ra chỉ là hình thức tự nhiên của những kích thích trong tiềm thức. Bởi vậy cho nên giấc mơ không thể tạo ra một ý tưởng rõ ràng minh bạch. Nếu nó tạo ra được thì không còn là giấc mơ nữa, vì đã vượt qua ngưỡng cửa ý thức. Bởi vậy cho nên giấc mơ hình như bao giờ cũng nhảy qua những sự kiện được ý thức cho là có tầm quan trọng hơn cả, nó bộc lộ một "mép viền" của ý thức, như tia lấp lánh yếu ớt của các ngôi sao khi có nhật thực toàn phần.

Chúng ta phải hiểu rằng những biểu tượng giấc mơ phần nhiều là bộc lộ một phần cái psyché mà phần đó ý thức của ta không kiểm soát được. Không phải chỉ có trí óc con người mới có tiềm năng về chiều hướng, về ý hướng. Tất cả giới sinh vật đều có tiềm năng đó. Nguyên tắc phát triển của chất hữu cơ không khác gì nguyên tắc phát triển tâm thần người ta. Cũng như một cái cây sinh ra hoa, cái psyché tạo ra những biểu tượng. Mộng mị nào cũng biểu lộ tiến trình ấy.

Bằng cách ấy, những sinh lực của bản năng ảnh hưởng đến sinh hoạt của

ý thức bằng phương tiện giấc mơ (phải kể thêm những cái gọi là linh cảm, sự thôi thúc ngẫu nhiên, bất thần, ta không thể nào biết trước được). Ảnh hưởng ấy tốt hay xấu là tùy theo nội dung đích thực của tiềm thức. Nếu tiềm thức chứa đựng quá nhiều những yếu tố mà bình thường phải ở lĩnh vực tri thức thì sự tác động của tiềm thức ắt là phải rối loạn và sai lệch. Có những ý tưởng xuất hiện trong tiềm thức nhưng không phải là phát hiện của những bản năng thực sự, chúng chỉ hiện diện và có tầm quan trọng tâm thần vì chúng bị xua đẩy vào tiềm thức do một trường hợp dồn nén hay vì người ta lười biếng không nghĩ tới nó nữa. Những ảnh tượng ấy bao vây cái psyché phi ý thức bình thường và làm xoắn vẹo những biểu tượng và những ý tượng chủ yếu. Bởi vậy cho nên nhà phân tích phân tâm học muốn tìm rõ nguyên do rối loạn tâm thần phải bắt đầu để người bệnh tự thú nhận và hiểu rõ điều mình yêu hay sợ.(4)

Điều này cũng giống như việc hành lễ thú tội xa xưa hơn nhiều trong Giáo hội, mà, trên nhiều điểm, là một sự đón trước những kỹ thuật của tâm lý học hiện đại. Thực tiễn hành lễ ấy ít nhất cũng có giá trị trong quy tắc. Nhưng đôi khi nó cũng có thể gây hại. Thực tế, bệnh nhân có thể bị chìm đắm trong những cảm xúc tự ti hay yếu đuối nghiêm trọng, khiến cho anh ta khó, nếu không muốn nói là không thể, nhìn trực diện vào một bằng chứng bổ sung cho sự kém cỏi của cá nhân mình. Chính vì thế tôi thường thấy hiệu quả hơn khi bắt đầu bằng cách đưa ra cho bệnh nhân một điểm nhìn tích cực. Điều đó mang lại cho anh ta cảm giác an toàn, rất có lợi khi phải đề cập tới những điều tiết lộ hết sức khó chịu.

Ta hãy lấy một giấc mơ về danh vọng làm ví dụ, trong đó, ta thấy mình đang dùng trà với Nữ hoàng Anh, hoặc được tọa đàm thân mật với Giáo hoàng. Nếu người nằm mơ không phải là người bị tâm thần phân liệt thì việc cắt nghĩa những biểu trưng (symboles) phụ thuộc nhiều vào trạng thái tinh thần tại thời điểm ấy, nghĩa là vào trạng thái cái Tôi của anh ta. Nếu người nằm mơ đánh giá quá cao giá trị của mình thì ta dễ dàng chỉ ra (xuất phát từ những sự liên tưởng) những ý định của anh ta là ấu trĩ và ít phù hợp với thực tế ở điểm nào vào trong chừng mực nào thì những ý định ấy bắt nguồn từ khát khao được ngang bằng hoặc vượt lên bố mẹ mình của anh ta. Nhưng nếu đó là một trường hợp của sự tự ti, trong đó cá nhân có cảm giác mình hoàn toàn ti tiện đến mức cảm giác ấy bóp nghẹt hết mọi phương diện tích cực trong cá tính của mình, thì thật là hoàn toàn sai lầm nếu khiến anh ta sa sút tinh thần hơn nữa khi làm cho anh ta cảm thấy rằng mình trẻ con, lố bịch hay hư hỏng. Điều đó làm trầm trọng hết mức cảm giác tự ti của anh ta, và anh có nguy cơ kích thích một sự kháng cự không chính đáng và không cần thiết cho việc điều trị.

Chẳng có kỹ thuật nào cũng chẳng có luận thuyết điều trị nào mà người ta có thể áp dụng theo một cách chung, vì mỗi người bệnh xuất hiện trước

nhà phân tích là một cá nhân trong một tình trạng đặc thù của riêng mình. Tôi nhớ lại một bệnh nhân mà tôi đã phải chăm sóc trong khoảng thời gian chín năm. Tôi chỉ gặp anh ta vài tuần mỗi năm, vì anh ta sống ở ngoại quốc. Ngay từ đầu, tôi đã biết anh ta đã thực sự bị bệnh như thế nào, nhưng tôi cũng nhận thấy rằng nếu cố làm cho anh ta nhận ra sự thật sẽ đụng chạm ngay tới những phản ứng phòng vệ quyết liệt đến mức chúng có nguy cơ phá vỡ mọi mối liên hệ giữa chúng tôi. Dù muốn hay không, tôi cần phải làm hết sức mình để giữ cho mối quan hệ của chúng tôi được liên tục bằng cách chiều theo xu hướng tựa vào những giấc mơ của anh ta, và việc ấy ngày càng kéo chúng tôi ra xa khỏi những nguồn gốc của chứng rối loạn thần kinh của anh ta. Những cuộc trò chuyện của chúng tôi thường lạc đề đến mức tôi thường trách mình đã làm cho bệnh nhân của mình lạc lối. Chỉ có điều: chính tình trạng dần dần tốt lên rõ rệt đã ngăn tôi cho anh ta đối mặt một cách tàn nhẫn với sự thật.

Tuy nhiên, đến năm thứ mười, bệnh nhân của tôi cho rằng mình đã bình phục, và được giải thoát khỏi mọi triệu chứng bệnh hoạn. Điều đó khiến tôi ngạc nhiên, bởi vì trên lý thuyết, tình trạng của anh ta là vô phương cứu chữa. Nhận thấy sự ngạc nhiên của tôi, anh ta cười, và nói đại ý như thế này: "Tôi muốn cảm ơn ông vì ông đã tỏ ra tế nhị và nhẫn nại khi cho phép tôi tránh né nguyên nhân khó chịu của căn bệnh rối loạn thần kinh của mình. Bây giờ, tôi sẵn sàng kể hết với ông. Nếu giá như tôi có đủ sức để nói thoải mái về điều đó thì tôi sẽ làm ngay ở lần khám bệnh đầu tiên của mình. Nhưng điều đó sẽ phá hủy toàn bộ mối quan hệ giữa chúng ta. Và thế thì tôi sẽ ra sao? Tôi sẽ càng suy sụp tinh thần. Suốt mười năm nay, tôi đã học cách tin tưởng ông. Và dần dần niềm tin của tôi tăng lên, bệnh tình của tôi thuyên giảm. Bệnh tình thuyên giảm vì quá trình chậm rãi ấy cho phép tôi bắt đầu lại tin tưởng vào chính mình. Bây giờ, tôi cảm thấy khá mạnh dạn để nói với ông về điều đã hủy hoại bản thân tôi."

Và anh ta thú nhận với tôi vấn đề của anh ta với một sự thẳng thắn kinh khủng làm cho tôi hiểu được những lí do của tiến trình đặc biệt đã cần dùng đến cuộc chữa trị của chúng tôi. Cú sốc ban đầu quá mạnh mẽ khiến anh ta thấy bất lực khi phải đơn độc đối diện với nó. Anh ta cần đến sự giúp đỡ của một người khác, và nhiệm vụ điều trị đặt ra cho tôi là từng bước thiết lập những quan hệ dựa trên niềm tin chứ không phải chứng minh cho một lý thuyết lâm sàng.

Những ca bệnh dạng ấy dạy cho tôi hiểu rằng phải áp dụng những phương pháp của mình thích ứng với những nhu cầu của bệnh nhân theo từng trường hợp cá biệt hơn là dấn thân vào những nghiên cứu mang tính lý thuyết phổ quát chẳng thể áp dụng được ca bệnh đặc thù nào. Sự hiểu biết về bản tính con người mà tôi đã tích lũy được trong suốt sáu mươi năm kinh nghiệm thực hành của mình làm tôi hiểu được rằng phải xem mỗi ca bệnh là

một ca bệnh mới, mà đối với nó, trước hết tôi phải tìm ra một phương pháp tiếp cận đặc thù.

Đôi khi, tôi không ngần ngại lao vào việc nghiên cứu tỉ mỉ những ảo ảnh và những sự cố thời ấu thơ [của bệnh nhân]. Nhưng, ở những trường hợp khác, tôi lại bắt đầu từ trên đỉnh, dẫu rằng điều đó buộc tôi phải nâng mình lên tận những tư biện siêu hình trừu tượng nhất. Điều cốt yếu là hiểu được ngôn ngữ riêng của cá nhân, và theo đuổi những mò mẫm của tiềm thức của anh ta hướng đến ánh sáng. Mỗi ca bệnh đều có phương pháp của riêng nó.

Điều này là rất thật khi ta muốn lý giải những biểu trưng. Hai cá nhân khác nhau có thể mơ gần như chính xác cùng một giấc mơ. (Điều này được kinh nghiệm lâm sàng phát hiện nhanh chóng và không hiếm hoi như kẻ ngoại đạo đã tưởng.) Nhưng nếu, chẳng hạn, một người nằm mơ còn trẻ còn người kia đã già thì vấn đề làm cho mỗi người trong bọn họ rối loạn lại khác nhau, và sẽ là phi lý khi giải thích những giấc mơ của họ theo cùng một cách.

Một ví dụ chợt đến trong tâm trí tôi: đó là một giấc mơ, trong đó một nhóm thanh niên cưỡi ngựa đi qua một mảnh đất rộng. Người nằm mơ là người dẫn đầu, nhảy băng qua một con mương đầy nước, vượt qua được ngay chướng ngại vật. Những người khác thì bị rơi xuống nước. Chàng thanh niên đầu tiên đã kể cho tôi nghe giấc mơ ấy có tính thận trọng và là một người hướng ngã. Nhưng cũng giấc mơ như thế do một ông già thuật lại cho tôi, ông ta lại là người có tính táo bạo, dám nghĩ dám làm, người đã sống một cuộc đời kinh doanh năng động. Vào lúc mơ giấc mơ ấy, ông ta khiến cho nhiệm vụ của các bác sĩ và y tá của mình trở nên khó khăn. Đã xảy ra một chuyện thực sự tồi tệ do ông ta thường xuyên quấy quả và từ chối tuân thủ những hướng dẫn điều trị của thầy thuốc.

Với tôi, rõ ràng là giấc mơ nói với anh thanh niên điều mà anh ta cần làm. Còn với ông già, nó biểu lộ điều mà ông ta vẫn còn đang làm. Trong khi nó khích lệ chàng thanh niên vượt qua những sự rụt rè thì ông già lại không cần kiểu khích lệ như thế: đầu óc ham kinh doanh vẫn còn tác động mới là kẻ thù lớn nhất của ông ta. Ví dụ này cho thấy việc giải thích những giấc mơ và những biểu trưng phụ thuộc phần lớn vào những hoàn cảnh đặc thù của người nằm mơ và vào trạng thái tinh thần của người ấy đến thế nào.

---

(1) Personnalité extravertie, personnalité introvertie.

(2) Tác giả gọi cảm năng là "Gefuhl" và chú thích là "sentiment" (Pháp) "Feeling" (Anh).

(3) "Inspiération". Nếu gọi là "cảm hứng" thì nghĩa là hời hợt. Á Đông có từ "tâm đắc", chỉ quan niệm của Nho học chủ trương lý hội bằng trực giác. Vậy chữ "tâm đắc" thích hợp hơn.

(4) Chúng tôi loại bỏ những đoạn chỉ có ích cho y sĩ phân tâm học nên rất

khó đọc, và có thể làm cho độc giả mất liên lạc tư tưởng để hiểu toàn diện. Đề tài không vì sự xóa bỏ đó mà kém sáng sủa.

Ghi chú: những đoạn in nghiêng là do nxb Tri Thức dịch thêm, không có trong bản dịch của Vũ Đình Lưu

CHƯƠNG 6: NÓI VỀ SIÊU TƯỢNG (ARCHÉTYPE) TRONG BIỂU TƯỢNG GIẤC MƠ

Tôi đã quan niệm rằng giấc mơ có nhiệm vụ đền bù. Lập thuyết như thế tất nhiên phải cho rằng giấc mơ là một hiện tượng tâm thần bình thường mà nhờ đó, những phản ứng vô tâm hay những kích động ngẫu nhiên được truyền đến ý thức. Nhiều giấc mơ có thể giải thích với sự giúp đỡ của người nằm mơ, người nằm mơ vừa cung cấp những hội ý vừa cung cấp nội dung của hình ảnh giấc mơ để người ta căn cứ vào đấy mà thăm dò từng khía cạnh.

Phương pháp này thích hợp với những trường hợp thông thường, như một người thân thích, một người bạn kể cho họ nghe một giấc mơ nhân lúc nói chuyện. Nhưng khi là giấc mơ ám ảnh hay nặng nề về cảm xúc, thì hội ý riêng của người nằm mơ đưa ra thường thường không đủ để giải thích thỏa đáng. Trong những trường hợp ấy phải kể đến những yếu tố phi cá nhân, không thể được rút ra từ kinh nghiệm riêng của người nằm mơ. Những yếu tố đó tôi đã nói đến, và Freud gọi là "vết tích tối cổ" (résidus archaiques), tức là những yếu tố tâm thần không thể cắt nghĩa được bằng một sự việc xảy ra trong đời sống cá nhân, nó hình như bẩm sinh đã có, có từ nguyên thủy, nó là một thành phần trong gia tài tinh thần của nhân loại.

Cũng như thân thể người ta là một tập hợp đầy đủ những bộ phận, mỗi bộ phận là kết quả của một cuộc tiến hóa qua các thời kỳ tiền sử, ta phải nghĩ rằng tinh thần của ta cũng có một tổ chức tương tự như thế. Tinh thần cũng như thể chất của ta, không thể là một cái gì không có quá khứ, một lịch sử của nó. Và nói đến "lịch sử", tôi không muốn nói đến cái được tinh thần xây đắp bằng cách tham chiếu quá khứ một cách có ý thức, bằng phương tiện ngôn ngữ và những truyền thống văn hóa. Tôi muốn nói đến sự phát triển sinh vật (học), phi ý thức từ thời tiền sử, của trí khôn khi con người còn ở thời bàn cổ, cái psyché còn gần với cái psyché của loài vật.

Cái psyché trong quá khứ xa thẳm ấy là nền móng của tinh thần người ta, cũng như cơ cấu thể chất của ta căn cứ vào những điểm phổ quát trong cơ cấu loài có vú. Con mắt nhà nghề của nhà sinh vật học và giải phẫu học gia nhận thấy vết tích nguyên thủy của thân thể ta. Nhà khảo cứu có kinh nghiệm về việc thám hiểm cơ cấu tinh thần của loài người cũng vậy, họ có thể nhận ra những điểm tương đồng giữa những hình ảnh của tâm trạng con người cổ sơ và những ý niệm, thói tục, biểu tượng có ý nghĩa tập thể của họ, những chuyện thần thoại của họ.

Cũng như nhà sinh vật học cần đến khoa giải phẫu so sánh, nhà tâm lý học không thể bỏ qua một khoa giải phẫu so sánh cái psyché. Nói một cách khác, về thực tế, không những nhà tâm lý học cần có đủ kinh nghiệm về giấc

mơ và những sự kiện khác của hoạt động vô thức, họ cần phải am hiểu thần thoại, hiểu theo nghĩa rộng nhất. Nếu họ không có kiến thức như thế, họ không thể nhận ra những điểm tương đồng cần phải biết. Thí dụ, họ không thể nhận ra điểm tương đồng giữa một trường hợp suy nhược thần kinh gọi là névrose compulsionnelle và trường hợp cổ điển bị ma làm (possession démoniaque), nếu họ không có kiến thức vững chắc về hai loại bệnh đó.

Quan điểm của tôi về "vết tích bản cổ", cái mà tôi gọi là "siêu tượng" hay "hình ảnh nguyên thủy", vẫn thường bị bài bác bởi những người không có đủ kiến thức về khoa học tâm lý giấc mơ, cũng như về thần thoại học. Người ta thường tưởng rằng danh từ "siêu tượng" chỉ những hình ảnh hay những ý tượng nhất định về thần thoại. Nhưng những hình ảnh và ý tượng thần thoại không khác gì những hình tượng do ý thức tạo ra: như vậy nếu cho rằng những cách hình dung sự vật khác như thế lại có thể di truyền được thì thật là phi lý.

Siêu tượng nằm trong cái khuynh hướng tạo ra những ý tượng (motif) như thế chứ không phải chính những ý tượng ấy; ý tượng ấy có thể khác nhau rất nhiều về chi tiết, nhưng vẫn giữ nguyên vẹn một ý chính yếu. Thí dụ có nhiều cách hình dung ra hai em thù địch nhau, nhưng bản thân ý tượng thì vẫn thế. Những người chỉ trích tôi đã lầm lẫn khi cho rằng tôi muốn nói đến cách hình dung sự vật mang tính kế thừa (représentatiitons hérités), họ loại bỏ khái niệm siêu tượng cứ như chúng hoàn toàn sai trái. Họ không tính đến việc: nếu những siêu tượng là những hình dung sự vật bắt nguồn từ ý thức ta (hay ý thức đã thâu nhận được), thì chúng ta phải hiểu được chúng thay vì kinh ngạc, đến nỗi không hiểu gì cả. Thực ra siêu tượng là một khuynh hướng bản năng, cũng như khích động bản năng làm cho chim biết làm tổ, kiến biết tổ chức thành đoàn thể.

Bây giờ xin xác định sự liên lạc giữa siêu tượng và bản năng. Cái chúng ta gọi là "bản năng" chỉ là một khích động sinh lý mà giác quan chúng ta cảm giác được. Nhưng những bản năng ấy cũng bộc lộ bằng những hình ảnh của giấc mơ mà chúng thường biểu lộ bằng những hình ảnh có tính cách biểu tượng. Tôi gọi những cách biểu lộ ấy là siêu tượng. Ta không biết gì về nguồn gốc của chúng cả. Chúng xuất hiện vào bất cứ thời nào, bất cứ ở đâu trên khắp thế giới, cả ở những nơi không thể căn cứ vào sự di truyền từ đời này sang đời khác hay vào sự pha giống nhân những vụ di dân trong lịch sử để cắt nghĩa sự có mặt ấy.

Tôi còn nhớ nhiều người đến hỏi tôi vì họ không thể hiểu được chút nào về giấc mơ của họ hay của con cái họ. Trong giấc mơ của họ xuất hiện những hình ảnh mà họ không thể tìm ra nguồn gốc trong ký ức, hay họ chắc chắn rằng họ không truyền lại cho con cái. Một vài người trong số những người ấy có học thức cao. Có cả những thầy thuốc trị bệnh thần kinh.

Tôi nhớ rõ một trường hợp, một giáo sư nọ bất thần thấy hiện ra một

huyễn ảnh làm ông ta tưởng rằng mình điên. Tôi lấy ra trên giá một cuốn sách cổ đã có từ bốn trăm năm và đưa cho ông ta xem một bức họa cũ vẽ đúng vật mà ông ta thấy, tôi nói: “Chẳng có lý gì để bảo rằng ông điên cả, huyễn ảnh của ông đã có người thấy cách đây bốn trăm năm rồi.” Ông ta choáng váng ngồi phịch xuống ghế, nhưng rồi lại trở lại bình thường.

Một người cũng là y sĩ trị bệnh thần kinh cho tôi biết một trường hợp rất quan trọng, một hôm ông ta mang lại cho tôi một cuốn sổ tay. Con gái ông mới mười tuổi đã tặng ông nhân dịp lễ Noel. Trong cuốn sổ đứa bé ghi chép những giấc mơ của nó hồi lên tám tuổi. Đó là những giấc mơ kỳ quái nhất mà tôi được biết, và tôi hiểu tại sao ki đọc, người cha cảm thấy kinh hoàng như thế. Mặc dù lời lẽ con trẻ, giấc ảnh giấc mơ kể lại cũng có vẻ siêu nhiên, hình ảnh giấc mơ thì người cha chịu không sao hiểu được nguồn gốc. Sau đây là những ý tượng chính:

1. “Con vật độc ác”, một con quái vật hình rắn có nhiều sừng, nó giết và ăn thịt tất cả các loài vật. Nhưng Thượng đế xuất hiện ở bốn phương, thực ra là bốn ông Thần làm cho những con vật chết kia sống lại.

2. Một cuộc thăng thiên, người ta làm lễ, có múa mọi. Và một cuộc đi xuống địa ngục, ở đây có các thiên thần làm việc thiện.

3. Một đám thú vật nhỏ làm đứa bé sợ hãi, đám thú vật lớn rất mau, sau cùng một con ăn thịt đứa bé.

4. Một con chuột con bị sâu, rắn, cá và người xâm nhập vào nó, rồi con chuột trở thành người. Giấc mơ này tượng trưng cho bốn giai đoạn của nguồn gốc nhân loại.

5. Một giọt nước hiện ra như trông qua kính hiển vi. Đứa bé trông thấy trong ấy có những cành cây. Điều đó tượng trưng cho nguồn gốc trần gian.

6. Một đứa trẻ độc ác cầm những hòn đất trong tay, nó ném những mẩu đất vào mọi người qua lại. Thế rồi những người qua lại trở nên độc ác.

7. Một người đàn bà say rượu ngã xuống nước, khi trở lên thì bà ta hết say và trở nên lương thiện.

8. Truyện xảy ra ở bên Mỹ, nhiều người nằm vào ổ kiến bị kiến đốt. Đứa trẻ kinh sợ, ngã xuống sông.

9. Một bãi sa mạc trên cung trăng, đứa bé thụt xuống sâu quá, nó rớt xuống địa ngục.

10. Đứa trẻ trông thấy một vần tròn sáng: nó sờ tay vào. Hơi bốc ra. Một người chạy đến giết nó.

11. Đứa trẻ mơ thấy nó đau ốm nặng. Bất thần chim chóc từ trong da thịt nó chui ra che lấp hẳn nó.

12. Những đám ruồi che lấp Mặt trời, Mặt trăng và tinh tú, trừ một ngôi sao. Ngôi sao ấy rớt xuống đứa trẻ.

Trong bản nguyên tác tiếng Đức, giấc mơ nào cũng bắt đầu bằng mấy chữ quen dùng trong truyện cổ tích: “Ngày xưa có một…” Viết như thế đứa trẻ

có ý coi mỗi giấc mơ như là một truyện thần tiên muốn kể cho cha nghe nhân dịp lễ Noel. Người cha thử giải thích những giấc mơ bằng nội dung của chúng. Nhưng ông không giải thích nổi vì nội dung đó hình như không có gì là hội ý của riêng người nằm mơ.

Muốn cho rằng những giấc mơ ấy không phải là của một sự xếp đặt có ý thức, thì người ta phải biết rõ đứa trẻ để tin chắc rằng nó thành thực. (Dù là tưởng tượng ra thì cũng rất khó hiểu.) Trong trường hợp này, người cha tin rằng đứa bé nói đúng điều nó nằm mơ và tôi không cần phải nghi ngờ. Tôi cũng biết đứa bé, nhưng trước thời kỳ nó chép lại giấc mơ để tặng cha, bởi vậy tôi không có dịp hỏi về giấc mơ ấy. Nó sống ở ngoại quốc và chết vì bệnh vào sau ngày lễ Noel ấy.

Những giấc mơ của đứa bé có tính chất rất riêng biệt. Những ý chính có màu sắc triết lý rõ rệt. Giấc mơ thứ nhất nói đến một con quái vật giết chết những con vật khác nhưng Thượng đế làm phép thần cho chúng sống lại hết bằngApokatastasis thần diệu hay là sự tái tạo chung cuộc (rétablessement final). Tại Tây phương, Ky Tô giáo có nói đến điều ấy. Người ta tìm thấy trong sách truyền giáo của các môn đệ Ky Tô (Apotus III, 21): Đấng Ky Tô mà "trời phải giữ lại cho đến lúc cuối thì Đấng Cứu thế sẽ tái lập thế gian cho đúng với tình trạng toàn thiện nguyên thủy. Nhưng theo Thánh Matthieu (XVIII, 11) thì đã có một phong thái (tradition) Do Thái tối cổ theo đó Elie sẽ đến trước để tái lập thế gian. Ý niệm đó cũng có trong thiên thứ nhất Epitre aux Corinthiens (Thông thư gửi người Corinth) (XV, 22). "Bởi vì mọi người đều chết như Adam, cho nên mọi người đều sống lại trong đấng Ky Tô."

Người ta có thể giả thuyết rằng đứa bé đã lượm lặt ý tưởng ấy trong nền giáo dục tôn giáo. Nhưng giáo dục tôn giáo của nó rất sơ sài. Cha mẹ nó chính thức theo đạo Tin Lành nhưng thực ra họ chỉ biết Kinh Thánh qua lời nói của người khác mà thôi. Khó lòng cho rằng người ta đã giảng giải cho đứa trẻ những hình ảnh về sự phục sinh khó hiểu như thế. Chắc chắn là cha nó chưa bao giờ nghe nói đến huyền tượng ấy.

Trong số 12 giấc mơ, có đến chín giấc mơ nói về đề tài tận diệt và tái sinh. Không có đề tài nào tỏ ra có vết tích giáo dục hay ảnh hưởng Ky Tô giáo đặc thù. Trái lại những đề tài ấy có liên lạc rất gần với những huyền tượng tối cổ. Sự liên lạc ấy được xác định trong cái gọi là "huyền tượng vũ trụ" (sự sáng tạo thế gian và loài người) ở trong giấc mơ thứ tư và thứ năm.

Mối quan hệ giữa cái chết và sự tái sinh, Adam và Ky Tô (chết và tái sinh), có nói đến trong thiên Epitre aux Corinthiens (I, XV, 22) mà tôi vừa dẫn chứng. Ta phải để ý rằng ý niệm Đấng Ky Tô Cứu thế là một cách diễn lại một sự tích tiền Ky Tô giáo, khá phổ biến trên khắp thế giới. Đó là sự tích người anh hùng cứu nhân độ thế, bị một con quỷ ăn thịt rồi tái sinh chiến thắng con quỷ. Sự tích ấy bắt nguồn ở đâu thì không ai biết. Chúng ta cũng

không biết làm cách nào để khảo sát. Điều ta có vẻ như biết chắc là thế hệ nào cũng quen thuộc với nó và hình như được thế hệ trước truyền lại cho. Thậm chí ta có thể không lầm lẫn mà giả thuyết rằng sự tích đó bắt nguồn từ một thời kỳ mà người ta chưa biết rằng mình có một huyền tượng về người anh hùng, bởi vì họ chưa biết suy xét về điều họ nói. Người anh hùng đó là một siêu tượng đã có từ thượng cổ.

Những siêu tượng xuất phát từ đầu óc đứa trẻ có tầm quan trọng đặc biệt khi chúng ta biết chắc chắn rằng đứa trẻ không biết gì về những tục lệ liên quan đến siêu tượng đó. Trong trường hợp tôi nói đây, gia đình bé gái chỉ biết hời hợt về đạo Ky Tô. Khái niệm về Ky Tô giáo có thể tượng trưng bằng những ý niệm như Thượng đế, thiên thần, thiên đường, địa ngục, thiện ác. Nhưng đứa bé diễn tả những ý ấy theo những phong thái hoàn toàn xa lạ với Ky Tô giáo.

Ta hãy xét giấc mơ thứ nhất. Thượng đế được quan niệm là bốn vị thần từ "bốn phương" đến. Bốn phương nào? Giấc mơ không hề đả động đến một cái phòng, vả chăng căn phòng không hợp với cái được gọi là một quan niệm về càn khôn vũ trụ, có sự thể hiện của Đấng Chúa tể. Khái niệm "tứ đại" sự quan trọng của con số bốn là một khái niệm lạ lùng, tuy nhiên nó đóng vai trò quan trọng trong nhiều tôn giáo và triết thuyết. Ky Tô giáo đã đem khái niệm Trinité (1) ra thay thế cho khái niệm tứ đại. Chúng tôi có thể cho rằng đứa bé phải biết khái niệm Trinité, nhưng trong một gia đình giai cấp trung lưu ngày nay ai có thể nghe nói đến khái niệm tứ đại với tính chất thần kỳ? Khái niệm ấy khá phổ biến đối với những người nghiên cứu triết lý thời Trung cổ, nhưng đã bị bỏ quên từ đầu thế kỷ thứ XVIII, và ít nhất từ hai trăm năm nay người ta đã quên hẳn. Đứa bé đã tìm ở đâu ra? Trong những ảo ảnh Ezéchiel? Ky Tô giáo không hề hình dung Thượng đế và những thiên thần tối cao.

Người ta cũng có thể đặt ra câu hỏi như thế về con rắn có nhiều sừng. Đành rằng trong Thánh Kinh người ta thấy có nhiều vật có sừng, thí dụ trong thiên sấm truyền Apocalypse (Mặc khải). Nhưng hình như những con vật đều là giống bốn chân tuy rằng chúa của chúng là con rồng (tiếng Hy Lạp, rồng là drakon, nghĩa là rắn). Con rắn có sừng xuất hiện trong khoa luyện kim Latin vào thế kỷ thứ XVI, người ta nói đến con rắn quadricornutus, biểu tượng của thần Mercure đối chiếu với Trinité Ky Tô giáo. Nhưng khó lòng mà biết được nguồn gốc ấy. Theo sự hiểu biết của tôi, chỉ có một nhà trứ tác mới biết tới mà thôi. Đứa trẻ này không có cách nào để biết được cả.

Trong giấc mơ thứ hai có một ý tượng chắc chắn là không thuộc về Ky Tô giáo và làm đảo lộn những giá trị đã hình thành, đó là điệu múa ngoại đạo của những người ở Thiên đàng, thiên thần làm việc thiện dưới địa ngục. Vậy đứa bé đã tìm được ở đâu những khái niệm có ý nghĩa cách mạng xứng đáng với thần khí của Nietzsche như vậy?

Những câu hỏi ấy dẫn đến một câu hỏi khác: Những giấc mơ đó có ảnh hưởng đền bù đến thế nào mà một đứa bé đã cho là quan trọng đến nỗi đem tặng cha làm quà Noel? Nếu những giấc mơ đó là của một ông thầy pháp trong một bộ lạc cổ sơ thì người ta có thể giả thiết rằng nó tượng trưng cho những hình thức triết lý về cái chết, về sự hồi sinh hay sự phục hồi chung cuộc, về nguồn gốc thế gian, sự sáng tạo ra loài người và tính cách tương đối của các giá trị. Nhưng nếu chỉ đứng trên bình diện cá nhân thì sự giải thích những giấc mơ đó thật là khó khăn đến làm chán nản. Không thể chối cãi rằng giấc mơ có những hình ảnh tập thể, phần nào tương tự những điều đem dạy bảo thanh niên các bộ lạc cổ sơ lúc họ bước vào đời. Lúc ấy người ta dạy chúng biết Thượng đế hay các thần linh, hay những loài vật đã sáng lập ra thế gian và loài người thế nào, sau sẽ về đâu, ý nghĩa cái chết thế nào? Chúng ta sống trong nền văn minh Ky Tô giáo, có khi nào chúng ta dạy dỗ con em như vậy không ? Có, vào lúc tuổi thiếu niên. Nhưng phần nhiều người ta chỉ nghĩ đến những điều ấy khi đã già, khi đã gần chết.

Đối với bé gái thì có cả hai tình trạng ấy. Nó đến gần tuổi dậy thì, đồng thời cũng gần đến ngày chết (đứa bé chết sau đấy một năm). Trong những biểu tượng giấc mơ gần như không có gì bảo cho nó biết là nó bắt đầu vào cuộc sống người lớn, nhưng, trái lại, có nhiều điểm ngụ ý diệt thế và phục hồi chung cuộc. Thực ra, lần đầu tiên đọc những giấc mơ ấy tôi rất xao xuyến mà có cảm tưởng rằng sắp xảy ra một tai nạn không tránh được. Lý do là tôi luận ra rằng ý nghĩa tượng trưng của giấc mơ có tính cách đền bù đặc biệt. Thật trái với hết thảy những gì mà người ta có thể chờ đợi ở tâm hồn một đứa bé trạc tuổi ấy.

Những giấc mơ đó cho ta một cạnh khía mới và rất hãi hùng của cái chết. Những hình ảnh thuộc loại ấy phải của người già chỉ nhìn về đằng sau chứ không thể là của đứa trẻ bình thường nhìn về phía trước. Bầu không khí ấy gợi đến câu phương ngôn cổ La Mã: đời người là giấc mộng ngắn ngủi chứ không phải sự vui sướng, bồng bột của tuổi niên thiếu. Đời người của đứa bé này giống như một sự cúng dường tuổi thanh xuân (voeu d'un sacrifice printanier) như đã có thi sĩ từng ca ngợi. Kinh nghiệm cho chúng tôi biết rằng cái chết gần kề mà đứa bé không ngờ đến đã phủ một bóng đen lên đời sống và mộng mị của nó. Cả đến bàn thờ của giáo đường Công giáo cũng có ý nghĩa một bên là nấm mồ, một bên là sự hồi sinh, nghĩa là sự biến đổi cái chế thành sự sống bất diệt.

Đó là những ý tưởng mà giấc mơ gợi lên cho đứa bé. Nhưng giấc mơ ấy là sự sửa soạn cho cái chết của đứa bé được diễn tả bằng câu chuyện ngắn ngủi, tương tự truyện kể cho thiếu niên trong bộ lạc cổ sơ lúc bước vào đời, hay các sa di theo đạo Thiền. Bức thông điệp không có sắc thái Ky Tô giáo nhưng có sắc thái tư tưởng cổ sơ. Hình như nó có nguồn gốc ở ngoài phong thái văn hóa lịch sử, ở cội nguồn đã bị quên lãng từ lâu của tâm thần, từ thời

tiền sử, đã nuôi dưỡng sự tư biện tôn giáo và triết lý về đời sống và cái chết.

Ta có cảm tưởng như những biến cố chưa xảy ra đã phủ bóng đen lên đứa bé, gợi lên những tư tưởng tuy bình thường êm ả nhưng vẫn diễn tả một biến cố tan khốc sắp xảy đến hay gắn bó mật thiết với những biến cố ấy. Tuy rằng những ý tưởng ấy được biểu lộ dưới hình thức riêng biệt ít hay nhiều mang tính chất cá nhân, nhưng những mô thức đại thể (schème géneral) có tính cách tập thể. Người ta thấy chúng ở mọi nơi, mọi lúc; tùy theo bản năng của mỗi giống vật, chúng thay đổi rất nhiều tuy rằng vẫn theo đuổi một mục đích chung. Chúng tôi không cho rằng mỗi sinh vật sinh ra đời đều tự tạo lấy những bản năng riêng biệt của mình như một điểm sở đắc của cá nhân và chúng tôi cũng không thể giả thiết rằng loài người sinh ra rồi sáng chế lấy cách xử kỷ tiếp vật của mình như một dấu hiệu riêng biệt của loài người. Cũng như bản năng, những mô thức tập thể (schème collectif) của tư tưởng loài người có tính cách di truyền, mới sinh ra đã có rồi. Những mô thức tập thể đó được lúc thuận tiện thì tác động tương tự nhau chẳng ít thì nhiều, đối với tất cả mọi người. Những hiện tượng tâm tình từ đó xuất phát các loại tư tưởng, đều tương tự nhau trên khắp thế giới. Chúng ta còn có thể nhận thấy chúng ở loài vật, và về phương diện tình cảm thì súc vật cũng hiểu nhau. Nếu tính chất bẩm sinh của siêu tượng (archétypes) làm chúng ta ngạc nhiên thì chúng ta nói sao về sâu bọ, về tính chất phức tạp trong cơ năng cộng sinh của chúng? Bởi vì phần nhiều sâu bọ không biết cha mẹ nó là ai, nó không nhận được sự dạy dỗ của cha mẹ. Như vậy tại sao lại giả thiết rằng loài người là loài vật duy nhất không có bản năng đặc thù, hay giả thiết rằng cái psyché của loài người không còn dấu vết bản cổ.

Dĩ nhiên, nếu người ta đồng nhất hóa cái psyché với lương tâm (conscience), người ta sẽ thấy ngay sự lầm lẫn vì như vậy loài người sinh ra với cái psyché trống rỗng, rồi sau này nó không chứa đựng cái gì khác ngoài những kinh nghiệm bản thân. Nhưng cái psyché là cái gì hơn cái lương tâm. Loài vật chỉ có một cái lương tâm giới hạn, nhưng nhiều phản ứng và khích động của nó tỏ ra nó có một cái psyché. Và những dân tộc cổ sơ làm nhiều việc mà họ không biết ý nghĩa.

Chúng ta sẽ nhận thấy hiện tượng đó vẫn xảy ra cho chúng ta nếu chúng ta hỏi một người văn minh xem họ có biết gì về ý nghĩa thực sự của cây Noel hay cái trứng Paques (lễ Phục Sinh). Thực ra người văn minh cũng làm nhiều việc mà không hiểu ý nghĩa. Thầy thuốc trị bệnh thường gặp những người vốn dĩ thông minh nhưng xử sự một cách kỳ dị, họ không biết họ nói gì hay làm gì. Họ bất thần có những khuynh hướng cực ngu muội mà chính họ không thể cắt nghĩa được.

Thoạt kỳ thủy, những phản ứng và khích động có vẻ như thuộc về bản chất thâm sâu riêng biệt của cá nhân, chúng ta không muốn để ý đến nữa và cho là một thái độ cá nhân. Nhưng thực ra những phản ứng và khích động đó

căn cứ vào một hệ thống bản năng đã có sẵn, hệ thống đó luôn luôn hoạt động và xác định đặc tính của loài người. Nhiều hình thức tư tưởng, nhiều cử chỉ ai cũng hiểu được và rất nhiều thái độ đều phỏng theo một mô thức lập ra trước khi con người đạt tới trình độ biết suy tưởng. Người ta còn có thể cho rằng nguồn gốc xa xôi của khả năng suy tưởng riêng biệt của con người xuất phát từ những xúc động tâm tình mãnh liệt. Để làm sáng tỏ thuyết này ta hãy lấy một thí dụ: một người bản cổ trong lúc giận dữ và thất vọng vì đã không bắt được con cá nào đã bóp cổ đứa con yêu của mình đến chết, rồi anh ta hối hận nhìn cái tử thi đứa nhỏ trong tay mà ăn năn vô cùng. Người ấy có thể nhớ suốt đời phút đau khổ của mình.

Chúng ta không thể biết được rằng một kinh nghiệm như thế là nguyên nhân nguyên thủy thực sự của sự khai triển lương tâm (développement de la conscience) loài người hay không. Nhưng chúng ta biết chắc chắn rằng một xúc động tâm tình tương tự thường rất cần để thức tỉnh người ta, làm cho họ biết để ý đến công việc họ làm. Đó là trường hợp một nhà quý phái Tây Ban Nha ở thế kỷ thứ XIII, tên là Raimond Lulle. Ông ta mất bao nhiêu công phu mới được một nàng nhận lời đến nơi hẹn. Cô nàng lẳng lặng cởi áo ra cho ông ta thấy rõ cái ung thư trên vú. Cuộc đời nhà quý phái thay đổi hẳn vì sự xúc động ấy. Ông ta trở thành một nhà thần học danh tiếng kiêm một nhà truyền giáo rất tài ba của giáo hội. Trong trường hợp thay đổi bất thần như thế, thường thường người ta có thể cho rằng một siêu tượng đã tác động từ lâu trong tiềm thức và đã khéo léo đặt những cơ hội để gây ra cơn khủng hoảng.

Những kinh nghiệm trên đây hình như muốn chứng minh rằng siêu tượng không có những tướng tĩnh (formes statiques). Đó là những yếu tố linh động biểu lộ bằng những khích động cũng ngẫu phát như bản năng. Có những giấc mơ, có những huyễn ảnh hay ý tưởng bất thần hiện ra, mặc dầu tìm tòi cặn kẽ đến đâu cũng không ra nguyên nhân. Điều đó không có nghĩa là nguyên nhân ấy không tồn tại. Nhưng nó xa xôi quá, tối tăm quá, chúng ta không thể thấy được. Trong trường hợp ấy phải đợi lúc nào hiểu được giấc mơ và ý nghĩa của nó hoặc đợi một biến cố ở ngoài xảy đến và cắt nghĩa giấc mơ. Một chuyện xảy ra trong lúc nằm mơ, có thể còn thuộc về tương lai. Tiềm thức của ta và giấc mơ cũng bận tâm đến tương lai và những cái có thể xảy ra trong tương lai, cũng như ý thức của ta vậy. Trên khắp thế giới, bấy lâu người ta tin rằng giấc mơ có nhiệm vụ chính yếu là báo trước cho biết tương lai. Thời Cổ và thời Trung cổ, giấc mơ đóng một vai trò trong việc xét đoán căn bệnh lương y. Tôi có thể lấy một giấc mơ kim thời (moderne) để xác nhận tính cách tiên liệu (hay tiền tri thức) trong một giấc mơ cũ do một người sống vào thế kỷ II tên là Artémidore xứ Daldis sưu tầm được. Một người nằm mơ thấy cha mình chết trong đống lửa một cái nhà đang cháy. Một thời gian sau, y chết vì bệnh phlegmon (2) (sốt nóng), tôi cho là bệnh

sưng phổi. Cũng là sự tình cờ, một người bạn y sĩ của tôi mắc bệnh sốt nóng nặng – một bệnh phlegmon – đến phải thiệt mạng. Một người trước kia đã đến nhờ y sĩ ấy chữa bệnh, và không biết gì về căn bệnh của viên y sĩ, y nằm mơ thấy y sĩ chết trong một đống lửa lớn. Việc đó xảy ra vào lúc y sĩ vừa vào bệnh viện, bệnh mới khởi phát. Người nằm mơ không biết gì cả, chỉ biết rằng y sĩ mắc bệnh, phải vào bệnh viện. Ba tuần lễ sau thì y sĩ chết.

Thí dụ trên đây cho biết rằng giấc mơ có thể có tính cách tiên liệu, tiên đoán; người nào muốn giải thích giấc mơ phải kể đến khía cạnh ấy, nhất là khi giấc mơ có một ý nghĩa rõ ràng nhưng nội dung không đủ để cắt nghĩa. Một giấc mơ như thế hình như xuất hiện từ hư vô, người ta tự hỏi không biết nguyên nhân của nó ở đâu? Dĩ nhiên, nếu người ta biết sự việc xảy ra sau đó thì nguyên nhân ấy rõ ràng. Giấc mơ là bức thông điệp báo cho biết sự việc đó. Bởi vì, chỉ có ý thức của ta còn chưa biết mà thôi. Tiềm thức hình như đã biết trước và đã tìm lấy một kết luận đem biểu lộ trong giấc mơ. Hình như tiềm thức có khả năng quan sát sự việc và rút ra những kết luận cũng như ý thức vậy. Nó có thể sử dụng một vài sự kiện, dự đoán kết quả có thể có, chính vì chúng ta không ý thức được những sự kiện ấy.

Nhưng những tác động của tiềm thức trong trường hợp ấy đều ở ngoài vùng ý thức của ta. Sự nhận định này rất quan trọng. Sự phân tích theo cách lý luận là quyền năng của ý thức. Chúng ta tiến hành việc lý luận bằng cách tuyển lựa những yếu tố phù hợp với lý trí và kiến thức của ta. Trái lại tiềm thức hình như dựa theo những khuynh hướng bản năng phát lộ bằng những hình thức ý tưởng riêng biệt của nó – nghĩa là bằng những siêu tượng. Nếu người ta bảo một y sĩ mô tả một chứng bệnh, ông ta sẽ dùng những lý niệm (concepts rationnels) như "nhiễm độc" hay "sốt nóng". Giấc mơ diễn tả một cách thơ mộng hơn. Giấc mơ hình dung thể xác đau ốm của người ta là cái nhà, nóng sốt là lửa đốt cháy cái nhà ấy.

Như giấc mơ nói trên đây đã chứng minh, tiềm thức giải quyết tình trạng vẫn bằng phương thức đã dùng từ thời Artémidore. Tiềm thức có trực giác lý hội một cái gì ta không biết được và đặt vào vùng tác động của siêu tượng. Như vậy ta phải nghĩ rằng tinh thần siêu tượng đã thay thế tư tưởng ý thức cách lý luận của ý thức để tìm lấy luận giải. Siêu tượng có sáng kiến riêng của nó và có sinh lực đặc thù của nó. Có siêu tượng dùng hình thức biểu tượng của nó để có thể suy diễn ra ý nghĩa và can thiệp vào một tình huống nào đó bằng những kích động và những loại tư tưởng riêng biệt của nó. Vì phương diện ấy, nó tác động đến những mặc cảm. Tự nó muốn đến đâu thì đến, không lường được, có khi nó chống đối lại chủ ý của ta hay làm sai lệch đi, làm ta phải bối rối. Người ta có thể tri giác được sinh lực đặc thù của siêu tượng khi người ta có cơ hội xét định sức quyến rũ mà nó tạo ra cho ta. Hình như nó nguyền rủa, trù yểm ta cũng như những mặc cảm của ta vậy. Cũng như mặc cảm cá nhân, mặc cảm tập thể thuộc về siêu tượng cũng có một quá

khứ. Nhưng mặc cảm cá nhân chỉ gây những ngang trái cho cá nhân, còn siêu tượng tạo ra những huyền tượng, những tôn giáo, những triết lý có ảnh hưởng đến một dân tộc, đến thời đại và làm cho chúng hiện ra dưới một sắc thái riêng. Chúng tôi coi mặc cảm cá nhân là một cách đền bù thái độ của con người, thái độ ấy xuất phát từ tâm thức đơn phương và sai lệch (không ngụ ý đạo đức). Những huyền tượng có tính cách tôn giáo cũng vậy, có thể coi là một liều thuốc tinh thần chống lại những khổ đau và day dứt của kiếp sống như: đói khát, chiến tranh, bệnh tật, tử vong.

Thí dụ, huyền tượng (mythe) anh hùng bao giờ cũng là một người có uy quyền rộng lớn, một người trời chiến thắng được điều ác, tượng trưng bởi rồng, rắn, quỷ quái, để cứu thoát dân chúng khỏi sự hủy diệt và tử vong. Tụng niệm kinh pháp, tế lễ, thờ phụng anh hùng với những nghi thức múa hát, đọc kinh, cũng dường như làm cho người dự lễ có những xúc động thiêng liêng (như bị mê hoặc bởi tà thuật), con người khích động đến độ đồng nhất hóa mình với anh hùng.

Nếu chúng ta nhìn thấy tình trạng ấy với con mắt người sùng đạo, ta có thể hiểu được tại sao người thường có thể quên được sự bất lực khốn cùng của mình mà có được khí phách siêu nhân loại ít ra trong chốc lát. Nhiều khi sự tin tưởng như thế nâng đỡ họ rất lâu và làm cho đời sống của họ có một phong độ nào đó. Nó có thể đem lại phong độ cho cả một dân tộc. Một thí dụ rất ý nghĩa là sự huyền bí Eleusis (đã bị bãi bỏ vào đầu thế kỷ VII), sự huyền bí ấy cùng với lời Tiên tri ở đền Delphes, diễn tả "tinh lý" và tinh thần Cổ Hy Lạp. Ở một quy mô lớn hơn kỷ nguyên Cơ đốc đã nhờ đến sự huyền bí người-trời của thời cổ (bắt nguồn từ huyền tượng Osiris-Horus của nước Cổ Ai Cập) cho uy thế và tầm quan trọng của nó.

Thường thường người ta nghĩ rằng vào một dịp nào đó trong thời tiền sử, những ý tưởng thần thoại nền tảng được sáng chế ra bởi một triết gia hay một nhà tiên tri, sau đó một dân tộc dễ tin và thiếu óc phê bình cứ thế tin theo mãi. Người ta cũng nói rằng một chuyện bày đặt của Giáo hội tham quyền cố vị không có gì xác thực, đó chỉ là những chuyện huyền hoặc. Nhưng từ "sáng chế" (inventer) có gốc từ chữ Latin invenire, nghĩa là "tìm thấy bằng cách tìm kiếm". Theo định nghĩa thứ hai, chứ ấy gợi lên một thứ trực giác về điều người ta sẽ tìm thấy.

Xin phép cho tôi trở lại những ý tưởng kỳ dị trong giấc mơ của cô bé. Hình như không phải nó tìm kiếm mà thấy những ý tưởng kỳ dị ấy, vì nó đã phải ngạc nhiên vì tự dưng thấy chúng. Những ý tưởng đó đến với nó như những truyện kỳ lạ và bất ngờ, có vẻ hay lắm nên nó mới đem tặng cha làm quà Noel. Đứa bé đã đi trở lên khá xa, đến thời kỳ thai nghén huyền bí Ky Tô giáo, thời kỳ mà sự phát sinh Chúa Trời còn lẫn lộn với bí mật cây xanh muôn thuở mang ánh sáng xuống trần gian (trong giấc mơ thứ năm).

Tuy rằng có nhiều chứng tích lịch sử về liên lạc giữa đấng Ky Tô và cái

cây, nhưng cha mẹ đứa bé chắc phải bối rối nếu đứa bé hỏi tại sao lại lấy cây thông cắm nến để trang hoàng lễ Giáng Sinh. Chắc họ sẽ trả lời: "Thì đó là một tục lễ Ky Tô giáo!" Muốn trả lời đích xác hơn tất nhiên phải phân tích sâu rộng biểu tượng thời cổ về sự chết của thần linh, sự liên lạc với tục thờ phụng Đại Mẫu (Grande Mère), biểu tượng của Đại Mẫu chính là cái cây, ấy là chỉ nói đến một cạnh khía của một vấn đề rất phức tạp.

Chúng ta càng đi sâu vào nguồn gốc một hình ảnh tập thể (nói theo ngôn ngữ của tu sĩ, là một tín lý – dogme), chúng ta càng thấy chằng chịt khôn cùng những mô thức siêu tượng, trước đây không ai để tâm suy nghĩ đến cả. Bởi vậy ngày nay chúng ta biết nhiều về ý nghĩa tượng trưng của huyền tượng hơn hết cả thế hệ trước. Thực ra người xưa không suy nghĩ về biểu tượng. Họ chỉ được nâng đỡ và khuyến khích bởi ý nghĩa của biểu tượng.

Để làm thí dụ, tôi xin đưa ra một kinh nghiệm khi tôi ở một bộ lạc núi Elgon, Phi châu. Mỗi buổi sáng, từ lúc bình minh, họ ở trong nhà ra, họ nhổ và thổi vào tay và giơ lên ánh nắng mặt trời ban sớm làm như dâng hơi thở hay nước miếng cho ông thần đang hiện lên ở chân trời, gọi là thần mungu. (Danh từ này thuộc ngôn ngữ swahili, họ dùng để cắt nghĩa một tục lệ, nó có nguồn gốc tận các đảo Nam Á, đồng nghĩa với mana, hay mulungu. Những chữ ấy tương đương với nhau ám chỉ một quyền lực rất nhiệm mầu ở khắp vạn vật, chúng ta gọi là thần linh. Đối với họ, chữ mungu tương đương với Thượng đế hay Allah.) Khi tôi hỏi họ ý nghĩa cử chỉ ấy, tại sao họ làm thế, họ đều hết sức kinh ngạc. Họ chỉ biết trả lời: "Chúng tôi vẫn làm thế. Xưa nay vẫn làm thế khi Mặt trời mọc." Tôi muốn kết luận rằng mungu là Mặt trời thì họ cả cười. Thực ra Mặt trời không còn là mungunữa khi đã ở trên chân trời. Mungu chỉ là Mặt trời mọc mà thôi.

Chỉ có tôi hiểu rõ ý nghĩa việc làm của họ mà thôi, còn họ không biết tới, họ chỉ làm như vậy mà không suy nghĩ gì cả. Bởi vậy họ không thể giải thích được. Tôi kết luận rằng họ cúng dâng linh hồn cho thần mungu, hơi thở (là đời sống) và nước miếng có nghĩa là tinh chất của linh hồn. Việc thổi hay nhổ vào cái đó có ảnh hưởng thiêng liêng, đấng Ky Tô đã dùng nước miếng để chữa một người khỏi mù. Một thí dụ nữa: một người con hít lấy hơi thở của cha lúc cha chết để thu lấy linh hồn cha. Có lẽ những người Phi châu ấy trong quá khứ xa xôi của họ vị tất đã biết rõ ý nghĩa tục lệ của họ. Tổ tiên của họ chắc còn biết ít hơn vì họ còn kém ý thức hơn về ý tượng của các tục lệ và còn suy nghĩ ít hơn về việc làm của họ.

Nhân vật Faust của Goethe nói rất đúng: "Am anfang war die tat" (Khởi thủy là hành động). "Hành động" không bao giờ được "sáng chế" ra, người ta thực hiện hành động. Nhưng tư tưởng là một khám phá tương đối muộn màng của loài người. Con người hành động vì trước tiên họ bị thúc đẩy bởi những nguyên nhân mà họ không ý thức được. Mãi về sau này họ mới bắt đầu suy nghĩ về những nguyên nhân thúc đẩy họ hành động. Hẳn là phải mất

nhiều thời gian họ mới hiểu được sự phi lý này: chính họ thúc đẩy họ, vì trí khôn của họ chưa được một động lực nào ngoài động lực của chính mình.

Nghĩ rằng cái cây, con vật tự sáng chế ra nó sẽ làm cho ta tức cười. Thế mà có nhiều người cho rằng cái psyché, hay tinh thần tự nó là tác giả của nó. Thực ra trí khôn đạt được trình độ ý thức ngày nay cũng không khác nào giống sauriens(3) đã biến thành loài có vú. Cũng như đã tiến triển từ quá khứ xa xôi, trí khôn còn tiếp tục tiến triển nữa, chúng ta được thúc đẩy tiến tới bởi những khích động ngoại tại.

Những động lực nội tại có nguồn gốc sâu xa chứ không phải tự tâm thức, tâm thức cũng không thể kiểm soát được. Trong thần thoại cổ tích những động lực ấy được gọi là mana, ma quỷ hay thần linh hay ông trời. Ngày nay, những động lực ấy vẫn còn tác động. Nếu những động lực ấy phù hợp với sở thích của ta, ta nói đến thần hứng, đến những nguồn khích động tốt đẹp và chúng ta tự hào rằng chúng ta là những người "thông minh". Nếu những động lực ấy không thuận lợi, chúng ta tuyên bố rằng không may, rằng người ta ác cảm với mình hay sự đau khổ của ta có những nguyên do bệnh hoạn. Điều duy nhất chúng ta không chấp nhận được là chúng ta tùy thuộc vào những "quyền lực" ở ngoài ý muốn của ta. Tuy nhiên, gần đây người văn minh quả thực đã có nhiều ý chí và có thể tùy tiện sử dụng ý chí đó. Họ đã biết làm việc có hiệu quả không cần đến ca hát hay tiếng trống để tạo ra một trạng thái thôi miên. Người ta cũng có thể miễn cầu kinh hằng ngày mong có sự giúp đỡ của thần linh. Người ta có thể làm điều họ đã lựa chọn. Người ta có thể biến đổi ý nghĩ thành hành động mà không gặp trở ngại, trong khi người cổ sơ trên mỗi bước đường còn bị ngăn cản bởi sự sợ hãi, bởi mê tín và những trở ngại vô hình khác. Mê tín của người ngày nay có thể tóm tắt trong câu nói này: "Muốn là có thể làm được."

Nhưng con người ngày nay đã thiếu nhiều soát xét nội tâm khi họ có những tin tưởng đó. Họ không nhận thấy rằng mặc dù có suy xét và suy xét có hiệu quả, họ vẫn bị chi phối bởi những uy lực mà họ không kiểm soát được. Quỷ thần của họ vẫn còn đó chưa đi đâu mất. Quỷ thần chỉ đổi ra tên khác mà thôi. Quỷ thần vẫn áp bức họ bằng những mối băn khoăn, những sự lo ngại mờ mịt, những biến chứng tâm lý, khiến họ cần dùng biết bao thuốc men, rượu, thuốc lá, đồ ăn và nhất là bằng sự tăng gia một số lượng lớn người suy nhược thần kinh.

---

(1) Chúa Trời Ba Ngôi

(2)Tiếng Hy Lạp: phlegein, bùng cháy

(3) Động vật thuộc bộ thằn lằn.

CHƯƠNG 7: LINH HỒN LOÀI NGƯỜI

Cái mà tôi gọi là "cái tâm con người văn minh" (la conscience de l'homme civilisé) không ngừng lìa xa những bản năng chính yếu. Nhưng những bản năng ấy không phải vì thế mà biến mất. Bản năng chỉ mất liên lạc với ý thức cho nên nó phải tự xác định sự hiện hữu của nó một cách gián tiếp. Nó có thể bộc lộ qua những triệu chứng sinh lý, trong trường hợp suy nhược thần kinh, hay có thể bộc lộ qua những điệu bộ gắt gỏng không thể cắt nghĩa được, những lúc bất thần quên mất điều muốn nói, vật muốn tìm, những câu nói lỡ lời. Người ta vẫn thích cho rằng mình làm chủ được linh hồn của mình. Nhưng nếu còn không tự chủ được sự nóng giận và sự xúc động hay không biết rằng yếu tố phi ý thức vẫn có nhiều cách để xen vào dự định của họ, thì hẳn là họ chưa làm chủ được mình. Chính những siêu tượng vẫn sống độc lập trong ta đã sinh ra những yếu tố phi ý thức ấy. Con người ngày nay muốn giấu giếm sự chia sẻ bản năng với tâm thức bằng cách ngăn cách hai thành phần đó. Những khía cạnh của cuộc sống bên ngoài xếp riêng ra một ngăn, những khía cạnh của tính tình họ xếp riêng ngăn khác, không bao giờ để cho hai phần đó được đối chứng với nhau.

Để nêu ra một thí dụ về cái "tâm lý ngăn cách" ấy tôi xin kể chuyện sau đây: một người nghiện rượu dự vào một phong trào tôn giáo. Y được các tín đồ lôi cuốn nên quên được thói uống rượu. Người ta cho rằng y đã được Chúa làm phép chữa khỏi thói nghiện ngập và giới thiệu y với công chúng như một bằng chứng của ân xưng Thượng đế, của sự hiệu lực của tổ chức tôn giáo. Nhưng sau vài tuần lễ công khai thú nhận như thế, sự mới lạ ấy không còn gì hấp dẫn nữa, y lại nghĩ rằng uống lại một vài ly rượu mạnh cũng không có hại gì. Thế là y trở lại uống rượu. Nhưng lần này thì tổ chức "làm việc thiện" kết luận người này là một trường hợp "bệnh" và không thuận tiện để trời can thiệp. Rồi họ đưa anh chàng vào bệnh viện để thầy thuốc làm được việc hơn thầy lang trên Thiên đình.

Đó là một cạnh khía của tâm hồn con người "trí thức" ngày nay đáng để ta suy ngẫm vì nó biểu lộ sự gián đoạn và sự xáo trộn tâm lý đến độ đáng lo ngại.

Nếu chúng ta tạm coi nhân loại là một người, chúng ta sẽ thấy loài người như một người bị lôi cuốn bởi những mãnh lực ở ngoài tầm ý thức của họ. Loài người cũng vậy, loài người thích xếp một số vấn đề của họ vào những ngăn kéo riêng biệt. Đó chính là lý do làm ta phải hết sức thận trọng với những việc ta đang làm, bởi vì ngày nay nhân loại đang bị đe dọa bởi những sự nguy hiểm chính họ tạo ra mà càng ngày họ càng không kiểm soát được.

Có thể nói rằng thế giới của chúng ta bị ngăn cách như tâm thần một người suy nhược thần kinh, bức màn sắt tượng trưng cho đường ranh. Người

Tây phương biết rõ cái "ý chí cương cường" ghê gớm của các nước theo xã hội chủ nghĩa nên buộc lòng phải dùng những phương pháp tự vệ rất kỳ dị. Nhưng đồng thời họ cũng tự khoe cái đức của mình, cái thiện ý của mình. Cái họ không nhìn thấy là những tật xấu của họ trên trường bang quốc tế, được họ đem giấu dưới cái mặt nạ nền nếp thanh nhã; phe cộng sản không nề hà gì ném trả vào mặt họ những cái xấu xa ấy. Tây phương vẫn tha thứ một cách kín đáo và hơi e thẹn cho sự dối trá nên trường ngoại giao, sự lừa đảo cố ý, sự đe dọa có che đậy, ngày nay phe cộng sản công nhiên đem những món ấy đối xử với họ thật hậu hĩ, tạo ra cho ta những cái "nút" suy nhược thần kinh. Đó là bộ mặt nhăn nhó của "cái bóng" xấu xa của mình mà người Tây phương trông thấy đang cau có ở bên kia bức màn sắt.

Tình trạng ấy giải thích được cảm tưởng bất lực đang hành hạ biết bao người trong xã hội Tây phương. Họ bắt đầu hiểu rằng những khó khăn của họ nguyên do bởi những vấn đề nội tâm mà ra; đối phó lại bằng cách sản xuất nhiều vũ khí nguyên tử hay thi đua kinh tế không có mấy hiệu lực, bởi vì đó là những phương tiện giống như con dao hai lưỡi. Ngày nay, trong chúng ta có nhiều người hiểu rằng liều thuốc tinh thần sẽ có hiệu quả hơn vì nó có thể tạo ra tình trạng bất khả xâm phạm về tâm thần để tránh khỏi sự nhiễm độc mỗi ngày một trầm trọng thêm.

Tất cả những gì người ta đã làm đến ngày nay có rất ít kết quả, tình trạng sẽ như thế mãi mãi nếu ta không làm hơn để cố gắng hiểu rằng kẻ khác đã phản chiếu cạnh khía tối tăm sa đọa của bản chất ta. Nếu chúng ta có thể thấy rõ cạnh khía sa đọa tối tăm ấy chúng ta sẽ khỏi nhiễm độc tinh thần. Trong tình trạng ngày nay, chúng ta mở cửa cho sự nhiễm độc bởi vì thực ra chúng ta cũng làm y như họ. Nhưng chúng ta còn thêm bất lợi vì không muốn thấy, không muốn hiểu ý nghĩa bất chính của việc làm dưới bề ngoài lương thiện.

Thế giới cộng sản có một thần tượng vĩ đại (chúng ta gọi là ảo tưởng, với hy vọng tiêu hủy được nó bằng khả năng suy xét cao minh của ta). Thần tượng đó là giấc mộng về một thời đại Hoàng kim (hay Thiên đàng), thần thánh hóa bởi niềm hy vọng muôn thuở; ai nấy đều dư dật, một lãnh tụ cao minh và công bằng ngự trị trên một bầy con nít. Siêu tượng mãnh liệt ấy ám ảnh thế giới cộng sản dưới hình thức ngây ngô nhất, nhưng nó không thể tiêu tan được nếu chúng ta còn đem lập trường cao minh của chúng ta ra chống đối họ. Chúng ta cũng vậy, cái ngây ngô của chúng ta thuận lợi cho họ, bởi vì văn minh Tây phương cũng bị chi phối bởi hình thức khác của thần thoại ấy. Chúng ta cũng có những thành kiến, những hy vọng, những đợi chờ như thế mà ta không ngờ. Chúng ta cũng tin tưởng Quốc gia Thiên hựu, hòa bình thế giới, sự bình đẳng cho mọi người, những quyền lợi vĩnh cửu, sự công bằng, chân lý và Thiên đàng ở Trần gian.

Sự thật đáng buồn là đời sống thực tế của người đời là một tập hợp những

mâu thuẫn: ngày và đêm, sinh và tử, sướng và khổ, thiện và ác.

Chúng ta cũng không biết chắc có khi nào một yếu tố thắng được yếu tố tương nghịch với nó, thiện thắng ác, vui sướng thắng buồn khổ: Cuộc đời là một bãi chiến trường. Ngày xưa đã thế, ngày nay cũng vẫn thế. Nếu không như thế thì cuộc đời ngưng lại.

Chính vì sự xung đột trong nội tâm con người mà những người Công giáo trước hết ước mong chóng diệt thế, người Phật giáo muốn diệt dục, diệt hết mọi tưởng vọng thế phàm. Những câu trả lời chính yếu như vậy chỉ là một cách tự vẫn nếu không kèm theo những tư tưởng và hành động đạo đức, nếu không kèm theo tinh thần riêng biệt tượng trưng cho thực chất của hai tôn giáo ấy để cải biến phần nào thái độ hoàn toàn từ khước cuộc sống.

Tôi xin nhấn mạnh điểm này vì ở thời đại chúng ta, hàng triệu người không tin tưởng một tôn giáo nào cả. Họ cũng không hiểu tôn giáo của họ. Nếu mọi việc đều trôi chảy không cần tôn giáo, họ không thấy ảnh hưởng gì nhưng gặp sự đau khổ bấy giờ mới sinh tai biến. Người ta bắt đầu tìm một lối thoát, suy ngẫm về ý nghĩa cuộc đời, về những kinh nghiệm đau thương đã từng trải qua.

Theo kinh nghiệm của tôi, tôi thấy khách hàng của một y sĩ phân tâm học thường thường là người Do Thái và người Tân giáo nhiều hơn người Công giáo. Sự kiện đó rất ý nghĩa. Dĩ nhiên phải như vậy vì Giáo hội Công giáo vẫn còn chú trọng đến *cura animarum*, (chăm sóc linh hồn). Nhưng ở thời đại khoa học này có khi người ta còn hỏi ông thầy những câu ngày trước thuộc thẩm quyền của các nhà thần học. Người ta có cảm tưởng rằng cuộc đời sẽ khác hẳn nếu họ có thể tin tưởng thực sự là cuộc đời có một ý nghĩa tin tưởng Thượng đế và đời sống vĩnh viễn cho kiếp sau. Quái tượng hãi hùng về cái chết gần kề thường gợi ra những tư tưởng như thế. Từ thuở ban sơ người ta đã biết luận về một Đấng Tối cao (một hay nhiều) và một thế giới bên kia. Chỉ có ngày nay người ta mới tưởng rằng mình có thể tự miễn những ý tưởng ấy.

Người ta cho rằng những ý tưởng ấy không đúng chỉ vì chúng ta không thể tìm thấy ngai vàng Thượng đế bằng một cái vô tuyến viễn kính hay biết chắc rằng cha mẹ thân yêu của mình còn sống ở thế giới bên kia. Tôi thì tôi cho rằng những ý tưởng đó không đủ xác thực, bởi vì nó thuộc về những tin tưởng của loài người từ thời tiền sử và tái hiện trong tâm tưởng ta chỉ nhân một kích động nhỏ.

Con người ngày nay có thể xác định là mình không cần những sự kiện đó và viện lẽ rằng không có bằng chứng khoa học. Vào lúc khác họ lại phàn nàn rằng mình mất tin tưởng: Thượng đế ở trên khả năng hiểu biết của con người, không có gì minh chứng sự sống bất diệt ở thế giới bên kia; đã là sự kiện bất khả tri giác, bất khả tri luận thì việc gì mà bận tâm tìm bằng chứng? Dù rằng với lý trí ta không nhận thấy đồ ăn của ta cần muối làm đồ ăn. Mặc

dù người ta cãi rằng dùng muối chỉ là thói quen ăn thấy ngon miệng hay chỉ là một sự tin tưởng hão huyền, nhưng muối vẫn giúp cho chúng ta được khỏe mạnh. Tại sao chúng ta lại cấm đoán những tin tưởng nâng đỡ chúng ta trong những lúc tâm thần khủng hoảng và đem lại ý nghĩa cho đời sống? Và ta căn cứ vào đâu mà bảo rằng những tin tưởng ấy không đúng? Chắc có nhiều người tán thưởng tôi nếu tôi không nghĩ đến lời tuyên bố không chút ngần ngại rằng những ý tưởng ấy chỉ là những ảo tưởng. Điều mà họ không nghĩ đến là lời tuyên bố như thế cũng không thể chứng minh được như lời tuyên bố trái ngược hẳn. Chúng ta hoàn toàn tự do để lựa chọn quan điểm của mình: dù sao thì sự quyết định của ta cũng võ đoán.

Tuy nhiên, có một lý do chỉ căn cứ vào kinh nghiệm nhưng rất quan trọng khiến cho chúng ta chấp nhận những ý tưởng không thể chứng minh được. Đó là phương diện hữu ích của những ý tưởng ấy, con người cần có những ý niệm đại quát và những tin tưởng để thấy cuộc đời có ý nghĩa và để tìm chỗ đứng trong vũ trụ. Họ có thể chịu đựng cuộc thử thách kinh khủng nếu họ nghĩ rằng việc làm của họ có ý nghĩa. Nhưng họ ngã lòng nếu đã đau khổ lại còn nghe theo lời nói của một thằng xuẩn ngốc.

Vai trò của biểu tượng tôn giáo là đem lại ý nghĩa cho kiếp sống. Người Da đỏ Pueblos tưởng mình là con Mặt trời, sự tin tưởng ấy đem lại cho đời sống họ một chiều hướng (và một mục đích) vượt lên trên cuộc sống hữu hạn rất xa. Cá nhân họ tìm được chỗ nảy nở và họ có thể đạt tới mức độ sung mãn đời sống của con người văn minh chúng ta, những con người mà đời sống không có ý nghĩa tâm linh, biết rằng mình không bằng con số không (và sẽ còn như thế).

Chính vì con người cảm thấy đời sống của mình có ý nghĩa rộng hơn sự sinh hoạt hằng ngày cho nên họ có thể vượt lên trên cuộc sinh hoạt, biến mình thành cái máy kiếm tiền và tiêu tiền. Nếu cảm giác ấy khiến họ khiếm khuyết, họ sẽ thấy mình khổ sở, đọa lạc. Nếu Thánh Paul tin chắc mình chỉ là anh thợ dệt rong không có gì hơn, hẳn là ông không thể có địa vị như thế. Đời sống chân thực của ông, đời sống có ý nghĩa của ông đặt trên sự tin tưởng mình là thông sứ của Đấng Tối Cao. Người ta có thể cho ông là tự cao tự đại, nhưng điều ấy có giá trị gì trước Lịch sử và sự phê phán của thế hệ sau. Thần tượng ngự trị trên đời ông đã làm cho ông có cái gì hơn một người thợ dệt nhiều.

Tuy nhiên một thần tượng xây dựng trên những biểu tượng như thế không phải do tâm thức người ta tạo ra. Nó xảy ra cũng như một biến cố. Không phải con người Jesus tạo ra huyền tượng người-trời. Huyền tượng ấy có từ trước khi ngài sinh ra hàng mấy thế kỷ. Chính ngài đã bị huyền tượng ấy chiếm cứ, như Thánh Marc từng nói với chúng ta, nó đưa ngài lên trên cuộc sống co hẹp của một người thợ dệt ở Nazareth.

Huyền tượng có nguồn gốc xa xôi, từ thuở có những người thái cổ biết kể

chuyện, họ kể lại giấc mơ của họ và trí tưởng tượng của họ có mãnh lực gây xúc động sâu xa cho người nghe. Những người kể chuyện ấy không khác nào những người sau này người ta gọi là thi sĩ hay triết gia. Người kể chuyện thời thái cổ không tìm hiểu nguồn gốc truyện tưởng tượng của mình. Mãi về sau này người ta mới bắt đầu tự hỏi truyện kể đã bắt nguồn từ đâu. Nhưng trong cái xứ mà bây giờ chúng ta gọi là Cổ Hy Lạp, đã có những khối óc khá thông minh để cho rằng những truyện thiên thần chỉ là một cách phóng đại đời sống thực sự của vua chúa và lãnh tụ đã chết chôn dưới đất và truyền lại theo một tục lệ còn cổ sơ. Ở thời ấy người ta đã hiểu rằng huyền tượng xa sự thực quá, không thể hiểu theo ý nghĩa bề ngoài. Họ bèn có ý diễn lại thành hình thức khả dĩ hơn để cho mọi người đều hiểu được. Đến một thời kỳ gần đây chúng ta lại thấy người ta làm như vậy đối với những biểu tượng của giấc mơ. Bấy giờ khoa tâm lý học đang còn ở thời kỳ phôi thai, nhưng người ta đã nhận thấy giấc mơ có tầm quan trọng. Nhưng cũng như người Hy Lạp đã tin rằng huyền tượng của họ chỉ là sự bóp méo lịch sử (quan trọng một cách "bình thường", hợp lý), một vài người đi tiên phong về tâm lý học đã kết luận rằng ý nghĩa của giấc mơ không phải ý nghĩa bên ngoài nó cho ta thấy. Hình ảnh và biểu tượng trong giấc mơ chỉ được coi là những hình thức kỳ dị của tâm tình dồn nén hiện ra trong tâm thức. Vậy là người ta nhất định cho rằng giấc mơ có ý nghĩa khác hẳn nội dung bề ngoài của nó.

Tôi đã nói ở trên rằng tôi phải gạt bỏ ý kiến ấy và tôi trở lại nghiên cứu cả hình thức lẫn nội dung của giấc mơ. Tại sao giấc mơ lại phải có ý nghĩa gì khác các nội dung của nó? Trong thiên nhiên có cái gì lại không phải là chính nó chăng? Giấc mơ là một hiện tượng bình thường và tự nhiên. Sách Talmud (1) còn nói rằng: "Giấc mơ chính là sự giải thích của nó." Sở dĩ có sự lẫn lộn vì nội dung của giấc mơ chỉ là những biểu tượng, như vậy có rất nhiều nghĩa. Nhưng biểu tượng chỉ dẫn cho ta những ngõ ngách khác hẳn những ngõ ngách của tâm thức vẫn thường dùng, nó bảo ta phải chú trọng vào những gì thuộc về tiềm thức của ta hay ta không ý thức được hẳn.

Đối với người có óc khoa học, những hiện tượng như ý nghĩa biểu tượng làm vướng víu vì họ không thể trình bày chúng sao cho thỏa mãm lý trí và lý luận của ta được. Nhưng chúng không phải là vấn đề duy nhất của nhà tâm lý học. Sự khó khăn đã bắt đầu có từ những hiện tượng xúc động mà nhà tâm lý học không thể cố gắng cách nào để định nghĩa dứt khoát. Trong cả hai trường hợp trên đây thì nguồn gốc sự khó khăn đều là sự tham gia của tiềm thức.

Tôi biết rõ quan điểm của người có óc khoa học nên tôi hiểu rằng thật là khổ tâm khi phải khảo sát những điều mình không nắm chắc được hay không ý niệm được hẳn hoi. Trong trường hợp này, người ta bực mình vì sự việc rành rành ra đó mà không thể trình bày cho ra vẻ "trí thức". Muốn trình bày, phải hiểu rõ đời sống con người, vì đời sống tạo ra những xúc động và

những biểu tượng.

Nhà tâm lý học cổ điển được tự do để từ chối không kể đến hiện tượng xúc động hay ý niệm về tiềm thức. Tuy thế nhưng vẫn có những điều mà thầy thuốc trị bệnh bắt buộc mình phải chú ý đến. Bởi vì những xung đột tâm tính và sự can thiệp của tiềm thức là những sự kiện họ luôn luôn phải kể đến trong sự tìm tòi khoa học. Khi chữa cho một người bệnh, họ gặp những hiện tượng phi lý như thế, nó không chịu để cho người ta phân tích, nó không để ý đến khả năng của người ta có thể trình bày cho có nghĩa lý hay không. Như vậy ta không lạ gì rằng những người không có chút kinh nghiệm trị bệnh nào khó lòng mà hiểu được chút gì khi tâm lý học liên hệ trực tiếp đến những việc phiền toái của cuộc sống thực sự. Tập bắn bia không có gì đáng ví với cuộc pháo kích nơi chiến trường; thầy thuốc phải đối phó với những tai họa của cuộc chiến tranh thực sự. Ông phải đối phó với những sự thực tâm thần dù rằng ông không thể nhập chúng vào một định nghĩa khoa học. Bởi vậy cho nên không có giáo trình nào có thể dạy cho ta tâm lý học. Người ta chỉ có thể dạy nó cho ta bằng kinh nghiệm cụ thể. Chúng ta có thể hiểu rõ điều đó khi suy xét một vài biểu tượng rất quen thuộc.

Thí dụ biểu tượng thập tự của Ky Tô giáo có rất nhiều ý nghĩa, nhiều khía cạnh gợi lên nhiều cảm xúc; nhưng một thập tự ở sau một tên người chỉ có nghĩa là người ấy đã chết. Cái dương vật là một biểu tượng phổ biến trong tôn giáo Ấn Độ, nhưng một đứa trẻ vẽ nó lên tường, thì đó chỉ là nó chú ý đến bộ phận sinh dục của nó. Những ám ảnh lúc tuổi thơ và lúc thiếu thời thường vẫn còn ám ảnh mãi người ta khi lớn tuổi, vì vậy nhiều giấc mơ đương nhiên ám chỉ tình dục. Nếu không hiểu như thế thì thật là phi lý. Nhưng khi một người thợ điện nói đến cắm phích điện (tượng trưng cho bộ phận sinh dục đực) vào lỗ cung cấp điện (tượng trưng cho bộ sinh dục cái) ta không thể điên rồ mà bảo rằng người ấy hành động dưới sự ám ảnh lúc thiếu thời. Anh ta chỉ dùng những danh từ nghề nghiệp một cách lý thú, ý vị mà thôi. Khi một người Ấn Độ có tri thức nói đến *Lingam*(dương vật tượng trưng cho thần Siva trong thần thoại Ấn Độ) chúng ta hiểu rằng họ gợi đến những điều mà chúng ta không bao giờ thấy ăn nhập gì với cái dương vật. Cái Lingam hẳn là không phải một ngụ ý bỉ ổi, cũng như chữ thập không phải chỉ là dấu hiệu chỉ một người đã chết. Tùy theo trình độ hiểu biết của người nằm mơ mà hình ảnh như thế có ý nghĩa khác nhau.

Sự giải thích các giấc mơ và các biểu trưng đòi hỏi phải có trí tuệ. Ta không thể biến đổi sự giải thích ấy thành hệ thống máy móc để sau đó có thể nhồi nhét vào đầu những cá nhân thiếu trí tưởng tượng. Sự giải thích ấy vừa đòi hỏi một sự hiểu biết tăng dần về cá tính của người nằm mơ, và, để giải thích cá tính ấy, vừa cần tăng cường một ý thức về cá tính riêng của chính người giải thích. Không một thầy thuốc từng trải nào lại nghi ngờ rằng có những quy tắc dựa vào kinh nghiệm có thể tỏ ra đắc dụng, và đồng thời phải

áp dụng chúng với sự thận trọng và trí tuệ. Ta có thể tuân theo tất cả các quy tắc đúng theo lý thuyết, tuy nhiên ta có thể bị sa lầy vào những sự phi lý kinh hoàng nhất, đơn giản vì đã bỏ qua một chi tiết tưởng là vô nghĩa trong khi một trí tuệ nhạy bén hơn sẽ nắm bắt được tầm quan trọng của nó. Thường thì ngay đến một con người rất thông minh cũng có thể bị lầm lạc trầm trọng bởi sự thiếu trực giác hoặc tính nhạy cảm.

Mỗi khi tìm cách hiểu những biểu trưng thì lúc nào ta cũng phải làm việc không chỉ với bản thân biểu trưng, mà còn với toàn thể con người đã sản sinh ra những biểu trưng ấy. Điều đó bao hàm rằng ta khám phá thế giới văn hóa của người ấy, và khi làm như thế, ta lấp thật đầy những lỗ hổng trong sự giáo dục của chính ta. Tôi đã tạo ra một quy tắc là: xem mỗi trường hợp như một vấn đề không có tiền lệ mà tôi hoàn toàn không biết gì về nó cả. Thói quen có thể tiện lợi và hữu dụng chừng nào ta còn dừng lại ở bề mặt của sự vật, nhưng ngay khi ta đụng tới những vấn đề quan trọng thì chính cuộc sống lại dẫn trò, còn những tiền giả định bóng bẩy mang tính lý thuyết thì chỉ là những ngôn từ vô hiệu.

Trí tưởng tượng và trực cảm là cần thiết cho khả năng lĩnh hội của chúng ta. Mặc dù theo ý kiến thông thường, chúng chủ yếu quý giá đối với thi sĩ và nghệ sĩ (còn trong những công việc dựa trên lý tính thì không nên quá tin vào chúng), nhưng những phẩm chất ấy, trong thực tế, cũng rất cần thiết cho những cấp độ cao siêu của khoa học. Ở đó, chúng giữ vai trò ngày càng quan trọng bổ sung cho vai trò của trí tuệ "thuộc lý tính" và của việc ứng dụng trí tuệ vào một vấn đề đặc thù. Ngay cả môn vật lý, khoa học chính xác nhất trong những khoa học ứng dụng, cũng phụ thuộc vào một điểm bất ngờ của trực giác vốn được cái vô thức khởi động (mặc dù sau đó, có thể việc khôi phục tiến trình logic cũng dẫn đến cùng một kết quả giống như trực giác).

Trực giác gần như là cốt yếu trong việc cắt nghĩa những biểu trưng và, nhờ nó ta thường có thể đạt tới chỗ hiểu ngay lập tức về người nằm mơ. Nhưng nếu thần cảm tốt lành ấy có thể có sức thuyết phục một cách chủ quan, thì nó cũng có thể là nguy hiểm. Nó dễ có nguy cơ dẫn tới một cảm giác yên tâm đầy ảo tưởng. Chẳng hạn, nó có thể xui khiến nhà phân tích và người nằm mơ kéo dài tiến trình dễ chịu và dễ dàng của những mối liên hệ giữa họ cho đến khi nhấn chìm cả người này lẫn người kia vào một cơn mơ tập thể. Cơ sở chắc chắn của một hiểu biết trí tuệ thực sự và một sự lĩnh hội đích thực về tinh thần sẽ mất đi nếu ta bằng lòng với sự thỏa mãn mơ hồ rằng ta đã hiểu "thần cảm". Ta chỉ có thể giải thích và nhận biết một khi ta đã quy những trực giác thành một sự hiểu biết chính xác về những sự kiện và về những mối liên hệ logic của chúng.

Một nhà nghiên cứu lương thiện công nhận rằng một sự quy giản như vậy không phải lúc nào cũng làm được, nhưng sẽ là không lương thiện nếu

không luôn luôn bảo vệ sự cần thiết lý trí. Ngay cả một nhà bác học thì cũng là một con người. Vậy nên tất nhiên là, như bao nhiêu người khác, ông ta không ưa cái mà ông ta không thể giải thích được. Sẽ là một ảo tưởng chung khi tin rằng điều chúng ta nhận biết được hôm nay nói lên tất cả những gì ta ắt có thể nhận biết được vào một lúc nào đó. Chẳng có gì dễ bị tổn thương hơn một lý thuyết khoa học, bởi vì nó chỉ là một nỗ lực nhất thời nhằm giải thích những sự kiện, chứ không phải là một chân lý vĩnh cửu tự thân.

---

(1) Chép kinh điển của người Do Thái

CHƯƠNG 8: VAI TRÒ CỦA BIỂU TƯỢNG

Khi nhà phân tâm học chú trọng đến biểu tượng, trước hết họ khảo sát những biểu tượng “tự nhiên”, đối chiếu với biểu tượng “văn hóa”. Loại thứ nhất thoát thai từ nội dung phi ý thức của cái psyché, như thế nó biến đổi ra biết bao nhiêu hình ảnh có tính cách biểu tượng chính yếu khác. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, người ta có thể tìm thấy nguồn cội tối sơ của chúng, nghĩa là những ý nghĩ và hình ảnh tìm thấy ở các xã hội cổ sơ. Còn như biểu tượng văn hóa là những biểu tượng dùng để diễn tả những “chân lý vĩnh cửu”. Những biểu tượng này đã nhiều lần thay đổi, có thể do một tiến trình cấu tạo có ý thức, và trở thành những hình ảnh tập thể được các xã hội văn minh chấp nhận.

Tuy nhiên những biểu tượng văn hóa vẫn giữ phần lớn tính chất huyền nhiệm quyến rũ nguyên thủy làm người ta say mê. Người ta biết rằng chúng có thể gây ra cho một số người những phản ứng tâm tình sâu xa, nhờ sinh lực tâm thần của chúng, chúng có tác động gần như những thành kiến. Chúng là một yếu tố mà nhà tâm lý học phải kể đến. Thật là ngu muội mà bỏ qua chúng chỉ vì lý do xét về phương diện duy lý nó có vẻ phi lý và không dính dáng gì đến vấn đề. Chúng là một thành phần quan trọng của cơ cấu tâm thần và đóng một vai trò chính yếu trong sự xây dựng xã hội loài người. Ta không thể tước bỏ đi mà không làm mất một phần hệ trọng. Một khi bỏ quên hay dồn nén, sinh lực đặc thù của những yếu tố ấy biến vào trong tiềm thức và gây ra những hậu quả không thể lường được. Bởi vì sinh lực tâm thần không dùng đến sẽ làm thức tỉnh hay tăng cường những khuynh hướng bản năng trong tiềm thức, những khuynh hướng ấy không được phép bộc lộ hay ít ra chưa bao giờ được phép hiện hữu trong ý thức mà không bị bóp nghẹt. Những khuynh hướng ấy hợp lại thành một cái “bóng mờ” của tâm trí ra, nó luôn luôn có mặt và có cơ phá hại. Cả đến những khuynh hướng có thể gây ảnh hưởng tốt trong một vài trường hợp, cũng trở thành ác quỷ nếu chúng bị dồn nén. Vì thế cho nên ta hiểu rằng những người suy tưởng có quân bình rất sợ cái tiềm thức, lại sợ thêm cả tâm lý học.

Thế kỷ này đã cho phép ước lượng những tai họa sắp đến khi chúng ta đã mở cửa cái thế giới bí mật âm u.

Những biến cố khủng khiếp đã làm đảo lộn thế giới ngày này mà trong những năm sống vô tư vô lự khoảng đầu thế kỷ này không ai có thể tưởng tượng ra được. Và từ đấy thế giới trở thành điên dại. Không những nước Đức văn minh bộc lộ tính hung hãn dã man trong họ, mà tính man rợ đó còn thống trị cả người Nga, rồi châu Phi cũng bốc lửa. Không lạ gì khi thế giới phương Tây phải lo ngại.

Con người ngày nay không hiểu rằng quan niệm duy lý đã để họ phó mặc

cho thế giới bí hiểm âm u trong thâm tâm họ khu xử (vì nó làm cho họ mất hẳn khả năng phản ứng trước những biểu tượng và ý tưởng huyền bí). Họ thoát được hay ít ra tưởng rằng mình thoát được mê tín dị đoan, nhưng đồng thời họ cũng mất những giá trị tâm linh đến mức độ đáng lo ngại. Truyền thống đạo đức và tâm linh đều tan rã, họ phải trả giá cho sự suy sụp ấy bằng sự hỗn loạn và sự phân tán lan tràn khắp thế giới.

Các nhà nhân loại học thường mô tả tình trạng xáo trộn xảy ra cho những xã hội bán khai khi những giá trị tâm linh tan rã vì sự xâm lấn của nền văn minh hiện kim. Con người trong những xã hội ấy mất ý hướng cuộc sống của mình, những tổ chức xã hội tan rã và đời sống tinh thần của cá nhân cũng tan rã. Ngày nay chúng ta cũng đang ở tình trạng ấy. Nhưng chưa bao giờ chúng ta hiểu thật sự tình trạng suy vong của mình, bởi vì những người hướng dẫn tâm linh chúng ta chỉ chăm lo bảo vệ đạo pháp tôn giáo mà không chịu tìm hiểu tính chất bí hiểm hiểm của biểu tượng tôn giáo. Theo ý tôi, tín ngưỡng không hề làm cho người ta mất suy xét (khí giới hữu hiệu nhất của loài người); nhưng khốn thay, nhiều người tin đạo hình như sợ hãi khoa học (trong trường hợp này khoa học tâm lý học), đến nỗi họ mù tịt không biết gì về những động lực tâm thần huyền nhiệm đã bấy lâu chi phối vận mệnh người đời. Chúng ta đã làm cho sự vật mất hết bí hiểm và huyền nhiệm: chúng ta không còn thấy cái gì thiêng liêng nữa.

Từ một thời kỳ đã xa hơn, khi những ý niệm phi ý thức còn có đường tiếp xúc với tâm thức thì tâm thức còn hội nhập cả hai phần đó thành một tập hợp tâm thần nhất trí. Nhưng con người văn minh ngày nay không thể làm như thế được nữa. Trí khôn "sáng suốt" của họ tự cấm đoán họ phương tiện thâu nạp phần đóng góp của bản năng và tiềm thức. Những phương tiện ấy chính là những biểu tượng huyền nhiệm mà mọi người đều cho là có tính chất thiêng liêng.

Thí dụ ngày nay chúng ta nói đến "vật chất", chúng ta mô tả đặc tính của vật chất. Chúng ta thực nghiệm trong phòng thí nghiệm một vài khía cạnh của vật chất. Nhưng danh từ "vật chất" vẫn là một ý niệm hoàn toàn khô khan phi nhân tính và thuộc về lĩnh vực trí thức, không có âm hưởng vang dội gì trong tâm thần ta cả. Khác hẳn hình ảnh cổ xưa của vật chất là Granda Mère (1) có thể diễn tả sâu xa ý nghĩa tâm tình của Đất Mẹ. Cũng như thế, cái gì ngày xưa gọi là "l'esprit" (tinh thần) bây giờ đồng nghĩa với "intellect" (trí năng) không còn nghĩa rộng rãi là Chúa tể của vạn vật (Père de Tout). Nó còn thoái bộ đến mức chỉ còn là thứ tư tưởng của người cho mình là trung tâm vũ trụ; nguồn sinh lực dồi dào của tâm tình gợi lên bởi danh từ ấy đã mai một trong cái trí thức hoang vắng như sa mạc.

Hai nguyên tắc siêu tượng của vật chất và tinh thần còn là nền tảng của hai hệ thống tư tưởng Tây phương và Cộng sản. Tuy nhiên quần chúng và lãnh tụ của họ không hiểu rằng không có gì khác biệt nhiều nếu Tây phương

dùng một danh từ thuộc giống đực (dương) như chữ Cha tượng trưng cho tinh thần để chỉ nguyên lý vũ trụ, còn thế giới Cộng sản dùng một danh từ về giống cái (âm) như chữ Mẹ tượng trưng cho vật chất để chỉ nguyên lý đó, chúng ta không biết gì về tinh lý của tinh thần cũng như vật chất. Ngày xưa, người ta dùng những lễ nghi tục lệ phiền phức để tôn thờ những nguyên lý đó, ít ra như thế cũng chứng tỏ rằng những nguyên lý đó có tầm quan trọng đối với tâm thần người ta. Còn như ngày nay chúng ta chỉ có những ý niệm trừu tượng về những nguyên lý ấy mà thôi.

Kiến thức khoa học tiến bộ thì thế giới cũng mất dần tính chất của con người. Con người cảm thấy mình cách biệt với vũ trụ bởi vì con người không tham dự vào thiên nhiên, cạnh khía tâm tình phi ý thức của họ không tham dự vào những hiện tượng thiên nhiên. Và những hiện tượng thiên nhiên dần dần không còn là trận lôi đình của Ngọc hoàng Thượng đế, sét không còn là khí giới trả thù của thiên thần. Sông không còn có hà bá, cây không còn có ma, hang đá không còn có quỷ. Hòn đá, cái cây, con vật không còn đối thoại với người và người ta không trao đổi tâm tình với nó làm như nó nghe được. Sự liên lạc của con người với thiên nhiên đã bị gián đoạn, vì như thế mà biến mất những sinh lực tâm tình sâu xa được tạo ra bởi những liên lạc với những biểu tượng của con người.

Biểu tượng của giấc mơ cố gắng đền bù lại sự mất mát quan trọng, tiết lộ bản chất nguyên thủy của ta bản năng ấy. Khốn thay biểu tượng diễn tả bằng ngôn ngữ thiên nhiên quái dị đến nỗi ta không thể hiểu được. Bởi vậy chúng ta cần phản phiên dịch thứ ngôn ngữ ấy ra những danh từ và ý niệm hợp lý của tiếng nói ngày nay. Tiếng nói ngày nay gạt bỏ hết những cái rắc rối thuở trước, nhất là khía linh diệu của sự vật nó diễn tả. Ngày nay, khi chúng ta nói đến con ma hay những con vật huyền bí nào khác, không phải chúng ta nói để gọi ma lên. Những danh từ ấy ngày xưa mãnh liệt là thế mà nay mất cả mãnh lực, mất cả vinh quang. Chúng ta không còn tin bùa chú nữa. Bây giờ rất ít những tục bí mật hay những cách cấm kỵ, tương tự; thế giới của chúng ta ngoài mặt đã xóa bỏ những mê tín dị đoan như bùa pháp, tà thuật, ấy là không nói đến những người chó sói, ma cà rồng, linh hồn rừng rú và những vật quái dị khác của rừng thiêng nước độc thuở ban sơ.

Đúng hơn, ngoài mặt thế giới của chúng ta đã gột sạch những yếu tố dị đoan và phi lý. Nhưng ta nghi ngờ không biết thế giới nội tâm của chúng ta đã gột bỏ được những yếu tố cổ lỗ chưa (nói thế giới nội tâm thực sự chứ không phải hình ảnh mà ta có về thế giới nội tâm đó). Có phải con số 13 vẫn còn kiêng kỵ, đối với nhiều người không? Biết bao nhiêu người còn bị giam hãm bởi những thành kiến phi lý, những ảo tưởng phù phiếm? Nếu ta lấy con mắt thiết thực mà nhận xét người đời, ta sẽ thấy còn sót lại rất nhiều tàn tích cổ lỗ vẫn còn giữ vai trò của mình cứ như chẳng có gì thay đổi từ 500 năm nay. Hiểu rõ điều ấy thật là cần thiết: con người ta ngày nay tập hợp một

cách kỳ dị những tính chất thu thập lần hồi qua sự phát triển của trí óc hàng mấy ngàn năm. Và chính cái thực thể pha trộn ấy, con người và những biểu tượng của họ, chúng ta phải chăm lo cho nó, và phải khảo sát đời sống tinh thần với sự chăm chú nhất. Sự hoài nghi và sự tin tưởng khoa học cùng có chỗ đứng bên cạnh những thành kiến lỗi thời, những cách suy tưởng và cảm động đã qua rồi, những cách ương ngang cố chấp vô nghĩa, những sự mù quáng ngu muội.

Vậy là những con người ngày nay, họ tạo ra những biểu tượng mà các tâm lý học gia chúng tôi đem ra nghiên cứu. Muốn giải thích những biểu tượng ấy và ý nghĩa của nó, sự cần thiết là phải xét xem biểu tượng liên hệ đến một kinh nghiệm hoàn toàn cá nhân hay người ta tạo ra nó nhân một giấc mơ, nhân một trường hợp đặc biệt có vận dụng cái hiểu biết của một ý thức tập thể.

Ta hãy lấy làm thí dụ một giấc mơ có con số 13. Vấn đề là phải biết người nằm mơ có tin rằng ấy xui xẻo hay không, hay là con số 13 trong giấc mơ ấy chỉ ám chỉ những người còn mê tín con số 13. Trong trường hợp thứ nhất, phải kể đến sự kiện người ta còn bị ám ảnh bởi con số 13 xui xẻo. Như vậy, người ta sẽ lo ngại lắm nếu phải ở một phòng khách sạn số 13 hay một bữa cơm có 13 thực khách. Còn như trong trường hợp thứ hai, con số 13 có lẽ chỉ được coi như một cách ngạo mạn hay khinh miệt người ta mà thôi. Người nằm mơ tin dị đoan còn bị “mê hoặc” bởi con số 13. Người nằm mơ “thông đạt nhã lý” hơn đã gạt bỏ âm hưởng tâm tình nguyên thủy (sa tonalité affective originelle) của nó rồi.

Thí dụ trên đây chứng tỏ sự bộc lộ siêu tượng trong những kinh nghiệm thực tiễn. Siêu tượng vừa là hình ảnh lại vừa là xúc động. Người ta chỉ có thể nói đến siêu tượng khi nào hai khía cạnh đó cùng xuất hiện một lúc. Khi nào chỉ có hình ảnh thì siêu tượng chỉ tương đương với một sự tả cảnh không có âm vang gì. Nhưng khi siêu tượng chứa chất xúc động tâm tình thì hình ảnh trở nên huyền nhiệm (hay có sinh lực tâm thần). Siêu tượng trở nên linh động dĩ nhiên phải gây ra hậu quả.

Tôi nhận thấy rất khó mà hiểu được ý niệm ấy bởi vì tôi chỉ dùng chữ để tả cái gì không thể lấy một định nghĩa chuẩn xác để diễn tả đúng bản chất của nó. Nhưng vì có nhiều người muốn cho siêu tượng là thuộc bộ phận một hệ thống máy móc có thể học thuộc lòng, cho nên tôi thấy cần phải nhấn mạnh rằng biểu tượng không phải chỉ là những chữ, hay những ý niệm triết lý. Đó là những phần những đoạn của đời sống, những hình ảnh thuộc thành phần của đời sống một người bộc lộ bằng cảm xúc. Bởi vậy không thể cho siêu tượng một định nghĩa võ đoán hay phổ quát. Phải cắt nghĩa nó tùy theo tình trạng tâm lý toàn diện của một cá nhân sử dụng nó.

Thí dụ, trong trường hợp một người Ky Tô giáo mộ đạo, biểu tượng thập tự chỉ có thể suy diễn trong nội dung Ky Tô giáo, trừ khi người nằm mơ có

lý lẽ quan trọng để tìm hiểu ý nghĩa ở nơi khác. Cả trong trường hợp ấy cũng phải nghĩ đến ý nghĩa Ky Tô giáo của nó. Nhưng không thể nói rằng bất cứ ở đâu hay lúc nào biểu tượng thập tự cũng có cùng một ý nghĩa. Nếu như thế thì biểu tượng mất tính chất huyền nhiệm, mất sinh lực của nó và trở thành một danh từ rất thường.

Những người không hiểu rõ phương diện tình cảm đặc biệt của siêu tượng chỉ thấy nó là một tập hợp những ý niệm thần thoại mà người ta có thể sắp xếp làm cho tất cả đều có ý nghĩa cả. Những cái tử thi kia giống hệt nhau về phương diện hóa học, nhưng những người sống không giống nhau. Siêu tượng chỉ bắt đầu sống khi nào người ta kiên tâm khám phá ra tại sao siêu tượng có một ý nghĩa cho một người sống và ý nghĩa ấy thế nào.

Ngôn từ trở thành vô dụng khi người ta không hiểu từ đó chứa đựng những ý nghĩa gì. Điều này rất đúng về phương diện tâm lý học mà hằng ngày người ta nói đến siêu tượng cũng như chúng tôi nói đến *anima, animus* (2) và *Grande Mère,* v.v… Người ta có thể biết hết về thánh thần, hiền triết, tiên tri, nữ thần của các dân tộc trên thế giới: nếu người ta coi chúng như những hình ảnh thường, chưa bao giờ minh xác được mãnh lực huyền nhiệm, thì người ta nói đến như thể nói mê, không biết mình nói cái gì. Những chữ mà người ta dùng đều trống rỗng, không có giá trị gì cả. Đời sống của những chữ ấy chỉ bừng lên nếu người ta cố gắng kể đến cạnh khía huyền nhiệm của chúng, nghĩa là sự liên lạc của chúng với người sống. Chỉ đúng vào lúc ấy, người ta mới hiểu rằng tên gọi siêu tượng chẳng có gì quan trọng, và rằng tất cả phụ thuộc vào cách thức mà chúng liên hệ với chúng ta.

Nhiệm vụ sáng tạo của những biểu tượng giấc mơ là sự cố gắng làm cho cái tâm thức đã tiến bộ, đã sáng suốt, nhớ lại tinh thần nguyên thủy của con người. Thuở trước tâm thức chưa bao giờ được sáng suốt như thế, người ta chưa bao giờ biết suy xét phê phán. Trong một quá khứ xa xôi, tinh thần nguyên thủy đó là toàn thể cá tính của con người. Dần dần tâm thức người ta phát triển thì cũng mất liên lạc với sinh lực tâm thần nguyên thủy rồi càng ngày càng mất thêm. Thậm chí hoạt động tinh thần có ý thức chưa bao giờ biết đến hoạt động tinh thần nguyên thủy, bởi vì hoạt động tinh thần nguyên thủy đã biến vào trong tiến trình tạo lập cái tâm thức, và chỉ có tâm thức biết suy nghĩ mà thôi. Nhưng hình như cái mà ta gọi là tiềm thức vẫn giữ những đặc điểm của trí óc con người nguyên thủy. Những biểu tượng giấc mơ hầu như luôn luôn tham chiếu những đặc điểm ấy; hình như tiềm thức tìm cách làm sống lại những cái mà trí óc đã loại bỏ đi trong quá trình tiến hóa như: ảo ảnh, hình ảnh trong giấc mơ, hình thức tư tưởng cổ lỗ, bản năng chính yếu….

Điều đó cắt nghĩa được tại sao người ta không tin hay có khi lo sợ nếu nói đến cái gì thuộc về tiềm thức. Vì đó không phải là những tàn tích vô hại hay không ảnh hưởng gì đến ta. Trái lại tiềm thức rất nhiều sinh lực cho nên

thường làm cho ta bứt rứt. Nó có thể làm cho ta sợ sệt thực sự. Nó càng bị dồn nén, nó càng thêm ảnh hưởng đến toàn thể con người chúng ta dưới hình thức suy nhược thần kinh. Ấy chính sinh lực tâm thần tạo cho nó uy thế lớn lao đó. Mọi việc đều xảy ra như con người sau khi qua một thời kỳ vô thức, bất thần nhận thấy một lỗ hổng trong trí nhớ, nhiều việc quan trọng xảy ra mà họ không thể nhớ lại được. Nếu họ tin rằng cái psyché chỉ thuộc về cá nhân (đó là sự tin tưởng thông thường) họ sẽ cố gắng nhớ lại ký ức thiếu thời có vẻ như đã mất. Nhưng những lỗ hổng trong ký ức tuổi thơ chỉ là triệu chứng trong sự mất mát quan trọng hơn nhiều, mất cái psyché tối cổ.

Một mầm giống diễn tả lại những giai đoạn tiền sử khi nó phát triển, trí óc người ta cũng vậy, nó cũng trải qua nhiều giai đoạn tiền sử. Nhiệm vụ chính yếu của giấc mơ là nhắc lại cho trí nhớ của ta cái tiền sử ấy và cái thế giới của tuổi thơ ấu còn ở mức độ những bản năng sơ thủy nhất. Sự nhắc lại đó có thể có hậu quả tốt đẹp cho tâm thần, như Freud đã để ý đến từ lâu. Sự nhận xét này xác định quan điểm cho rằng những lỗ hổng trong ký ức tuổi thơ là một mất mát thực sự, nhớ lại được sẽ làm tăng sức sống và sự thư thái tâm hồn.

Vì đứa trẻ còn nhỏ, tư tưởng có ý thức của nó còn đơn giản và hiếm hoi, cho nên chúng ta không hiểu rằng những ẩn khúc sâu rộng của tâm trạng trẻ em nguyên do tại tâm trạng ấy khởi thủy đồng nhất với cái psyché tiền sử. Tinh thần nguyên thủy ấy cũng có mặt hoạt động trong đứa trẻ như những giai đoạn tiến hóa sinh lý của nhân loại hoạt động trong mầm giống của bào thai. Nếu độc giả nhớ lại những điều tôi nói ở trên về những giấc mơ kỳ lạ của đứa con gái nhỏ ghi lại để tặng cha, độc giả sẽ hiểu tôi muốn nói gì.

Người ta thấy hiển hiện trong bệnh mất trí nhớ của trẻ con nhiều yếu tố thần thoại thường thường sau này tái phát trong những loại tâm bệnh. Những hình ảnh thuộc loại ấy có tính chất huyền nhiệm cao kỳ, và vì thế cho nên rất quan trọng. Nếu những ký ức ấy tái hiện trong đời sống trưởng thành, có khi gây ra những rối loạn tâm lý sâu xa, nhưng đối với một số người khác thì trái lại, chúng làm cho họ khỏi bệnh như có một phép lạ, hay làm cho họ đổi tín ngưỡng, tin một tôn giáo khác. Rất nhiều khi chúng làm xuất hiện trong trí nhớ một giai đoạn đời sống đã biến mất từ lâu, sự nhớ lại đó lại có ý nghĩa cho đời sống của họ và làm cho đời sống của họ trở nên phong phú. Sự nhớ lại những kỷ niệm tuổi thơ, và sự tái tạo những tâm trạng liên hệ đến những siêu tượng có thể mở cho người ta những chân trời rộng rãi và mở rộng tầm hoạt động của tâm thức, nhưng với điều kiện là tâm thức tiêu hóa và hội nhập những yếu tố bị bỏ mất hay mới tìm thấy. Những yếu tố đó không phải là vô thưởng vô phạt, một khi người ta thâu nhận nó, nó sẽ thay đổi cá tính của người ta và ngược lại, người ta cũng thay đổi nó. Giai đoạn thâu nhận ấy người ta gọi là "tiến trình nhân cách hóa", trong giai đoạn ấy sự giải thích những biểu tượng đóng một vai trò quan trọng về phương diện thực tiễn. Bởi

vì biểu tượng là những cố gắng tự nhiên để hòa giải và kết hợp những yếu tố trái ngược nhau trong cái psyché.

Dĩ nhiên là nếu người ta chỉ nhìn những biểu tượng rồi gạt nó ra ngoài thì chẳng thấy hiệu quả gì, tình trạng suy nhược thần kinh lại tái diễn, sự cố gắng tổng hợp không đi đến kết quả nào. Khốn thay một số ít người thừa nhận là có siêu tượng lại chỉ coi đó là những danh từ như những danh từ khác mà bỏ quên đời sống thực sự của siêu tượng. Khi người ta đã loại bỏ một cách không chính đáng tính cách huyền nhiệm của nó, tự dưng sẽ xảy ra một tình huống xáo trộn, thậm chí không còn có thể nhận ra được. Đành là nhiều khi một siêu tượng có thể có nhiều hình thức hay siêu tượng này có thể mượn hình thức của siêu tượng kia, nhưng mỗi siêu tượng có một vẻ huyền nhiệm riêng, khi nó đã hiện ra trong trí óc người nào thì vẻ huyền nhiệm riêng đó là giá trị của nó.

Ta phải luôn luôn nhớ đến giá trị tâm tình của nó và kể đến giá trị đó khi dùng lý trí để luận giải giấc mơ. Người ta dễ mất liên lạc với nó vì cảm xúc và suy tưởng là hai tác động hoàn toàn đối nghịch nhau, suy tưởng là tự nhiên gạt bỏ cảm xúc và cảm xúc là gạt bỏ suy tưởng. Tâm lý học là khoa học duy nhất dùng đến yếu tố giá trị (tình cảm) bởi vì yếu tố đó là mối dây liên lạc giữa sự kiện tâm thần và đời sống. Chính vì thế cho nên người ta thường cho rằng tâm lý học không có tính cách khoa học. Điều mà nhà phê bình không biết đến là chính nhu cầu khoa học và thực tiễn bắt buộc phải dành cho tâm tình một địa vị xứng đáng trong công việc nghiên cứu.

---

(1) Như ta gọi là Đất Tổ

(2) Xin coi giải thích ở những phần trên.

CHƯƠNG 9: LẬP LẠI MỐI LIÊN HỆ GIỮA TIỀM THỨC VÀ Ý THỨC

Trí năng của chúng ta đã tạo ra một đời sống mới đặt nền tảng trên sự thống trị thiên nhiên và sáng chế ra những máy móc quái gở. Máy móc có công dụng hiển nhiên khiến cho chúng ta không thể loại bỏ đi được và cũng không thoát khỏi sự chi phối của máy móc. Người ta không thể không nghe tiếng gọi phiêu lưu của tinh thần khoa học và phát minh và không khỏi tự phụ về những thành quả chinh phục thiên nhiên. Tuy nhiên thần khí của người ta biểu lộ một khuynh hướng đáng ngại, họ sáng chế ra những cái thật nguy hiểm, những khí cụ mỗi ngày một công hiệu hơn để đi đến sự tự vẫn tập thể.

Đứng trước sự gia tăng dân số kinh khủng, người ta tìm cách ngăn cản lại. Nhưng biết đâu thiên nhiên không đề phòng ý muốn của họ mà làm cho những sáng chế của họ quay lại ám hại họ. Bom khinh khí có thể chặn đứng sự gia tăng dân số rất công hiệu. Mặc dầu có ngưỡng vọng hợm hĩnh thống trị thiên nhiên, chúng ta vẫn còn là nạn nhân của thiên nhiên bởi vì chúng ta chưa thống trị được chính mình. Chúng ta tiến dần nhưng chắc chắn đến sự thảm bại.

Bây giờ ta không còn cần đến ông trời nào để giúp đỡ chúng ta nữa. Những tôn giáo lớn trên toàn cầu càng ngày càng tàn lụi, bởi vì những ông thần hộ vệ con người đã bỏ rừng núi sông ngòi ra đi và những người trời đã rút lui yên vị vào tiềm thức của chúng ta. Chúng ta yên ổn với ảo tưởng là những ông thần ấy cam chịu sống sỉ nhục mai danh ẩn tích như những món đồ cổ của quá khứ chúng ta. Đời sống hiện tại của chúng ta bị thống trị bởi nữ thần Lý trí, đó là ảo tưởng to tát nhất và cũng bi thảm nhất của chúng ta.

Nhờ có lý trí mà chúng ta đã "chiến thắng thiên nhiên".

Nhưng thực ra đây chỉ là một thứ biểu ngữ, bởi vì cái ta cho là chiến thắng thiên nhiên đã làm ta chết ngột dưới hiện tượng nhân mãn thiên nhiên (le phénomène naturel de la surpopulation), thêm vào sự khốn đốn ấy chúng ta còn bất lực về phương diện tâm lý khi không thể thi hành được những biện pháp chính trị cần thiết. Chúng ta còn cho rằng loài người gây gỗ và đánh nhau để khuất phục kẻ khác là một việc bình thường. Như vậy thì sao còn nói đến "chiến thắng thiên nhiên" được?

Dầu sao thì cũng phải bắt đầu có thay đổi. Một cá nhân nào đó sẽ linh cảm được và khởi sự phong trào ấy. Sự thay đổi chỉ có thể thai nghén trong tâm hồn cá nhân, có lẽ trong bất cứ người nào. Không ai có quyền được chần chừ mà nhìn quanh mình đợi một người khác thay mình làm điều mình không muốn làm. Khốn thay, hình như không một ai trong chúng ta biết phải làm gì; như vậy tốt hơn hết là ai nấy đều tự vấn tâm, xem tiềm thức của mình

có cái gì hữu ích cho cả mọi người. Tâm thức của người ta hầu như bất lực không giúp ta được gì cả. Ngày nay, người ta không nhận thấy rằng những nền tôn giáo lớn, những triết lý cao siêu hầu như không đem lại cho người ta những tin tưởng mạnh mẽ và linh động để người ta quyết tâm đối phó với tình trạng thế giới ngày nay.

Tôi biết người theo Phật giáo sẽ nói: nếu chúng sinh đều theo Bát Chính Đạo của Phật pháp để biết được chân tướng của mình thì mọi việc đều yên lành. Người Ky Tô giáo sẽ nói rằng nếu con người tin Chúa cuộc đời sẽ hoàn hảo hơn. Phe duy lý tuyên bố rằng nếu người ta thông minh và hiểu biết, vấn đề nào cũng giải quyết được. Điều đáng ngán là không một người theo thuyết duy lý nào tự mình tìm cách giải quyết những vấn đề đó. Người Ky Tô giáo thường hỏi rằng tại sao Chúa không nói với họ nữa, như thời trước người ta tin rằng ngài đã làm như thế. Khi người ta hỏi tôi câu ấy, tôi luôn luôn nghĩ đến một vị tu sĩ Do Thái nọ, nếu có ai hỏi tại sao thời trước Thượng đế thường xuất hiện, còn ngày nay không ai thấy cả, thì ông trả lời: "Ngày nay không ai có thể hạ mình xuống thấp để cầu đến Thượng đế."

Câu trả lời thật là hợp cảnh hợp tình. Chúng ta bị thôi miên, bị thu hút bởi tâm thức chủ quan đến nỗi ta quên rằng xưa nay Thượng đế chỉ nói với chúng ta trong giấc mơ và trong những lúc ta có ảo giác. Người theo Phật giáo loại bỏ những ảo ảnh của tiềm thức và cho đó là những ảo tưởng vô ích. Người Ky Tô giáo đặt Giáo hội và Thánh Kinh ở giữa mình và tiềm thức của mình. Người chủ trương duy lý chưa biết rằng lương tâm người ta chưa phải là cái psyché. Sự thiếu sót đó vẫn còn tuy rằng từ 70 năm nay tiềm thức đã trở thành một ý niệm khoa học cần thiết cho mọi công việc khảo sát tâm lý học đúng đắn.

Chúng ta cũng không thể cho phép mình đóng vai Thượng đế Toàn năng có quyền tối thượng để phán xét hiện tượng thiên nhiên lợi hay hại. Chúng ta không đặt nền tảng khoa thực vật học trên sự sắp xếp thành giống cây có ích và cây có hại đã lỗi thời, nền tảng khoa động vật học trên sự phân biệt ngây thơ ra loài ác thú và loài hiền lành. Nhưng chúng ta vẫn còn nghĩ rằng tâm thức chúng ta là phải, còn tiềm thức là quấy. Trong những ngành khoa học khác, một tiêu chuẩn như thế sẽ làm cho người ta phì cười và đuổi khỏi sân khấu. Thí dụ những con vi trùng kia là phải hay quấy? Dù bản tính tiềm thức có đến thế nào đi nữa thì nó cũng là một hiện tượng thiên nhiên, tạo ra những biểu tượng mà kinh nghiệm cho biết là nó có một ý nghĩa. Chúng ta không mong được một người chưa bao giờ nhìn vào cái kính hiển vi có quyền nói đến vi trùng. Một người chưa bao giờ nghiên cứu cẩn thận những biểu tượng tự nhiên không thể coi là người phán xét có thẩm quyền về môn học ấy. Nhưng thường thường người ta đánh giá quá thấp tâm hồn con người; các tôn giáo lớn, các nền triết học và duy lý luận khoa học không để tâm nghiên cứu sâu rộng. Ngoại trừ Ky Tô giáo chấp nhận những giấc mơ của Trời, còn

phần nhiều những nhà tư tưởng không hề tìm hiểu giấc mơ một cách đúng đắn. Tôi ngờ rằng không có một thiên khảo cứu hay một chủ thuyết nào nói rằng một người theo tôn giáo lại hạ mình chấp nhận tiếng nói của Thượng đế trong giấc mơ. Nhưng nếu một nhà thần học tin Thượng đế thật sự, thì căn cứ vào đâu mà ông dám quả quyết rằng Thượng đế không dùng giấc mơ để trao sứ mệnh cho ta.

Tôi đã mất một nữa thế kỷ để nghiên cứu những biểu tượng tự nhiên và tôi đi đến kết luận là giấc mơ và biểu tượng giấc mơ không phải là nhảm nhí. Mà cũng không phải là không có ý nghĩa. Trái lại, giấc mơ đem lại cho ta những sự hiểu biết quý giá, nếu người ta chịu khó tìm hiểu những biểu tượng của nó. Quả thật, kết quả của những cuộc nghiên cứu ấy không có liên hệ mấy tí với những vấn đề của đời sống này như tiêu thụ và sản xuất. Nhưng hoạt động kinh tế không thể gói ghém hết ý nghĩa của đời sống, hoài bão sâu xa của người đời không thể thu gọn vào sự sở hữu một số tiền ký thác tại nhà băng.

Trong một giai đoạn lịch sử của nhân loại mà toàn thể sinh lực đem dùng vào việc nghiên cứu thiên nhiên, người ta để ý đến tinh anh của con người là cái psyché. Hẳn là người ta nghiên cứu nhiều về những cơ năng trí thức của tinh thần, nhưng còn là những lĩnh vực phức tạp và chưa biết rõ cái psyché thì trên thực tế vẫn chưa ai thăm dò. Thế mà đêm đêm nó vẫn gửi đến cho ta biết bao dấu hiệu, giải thích những giấc mơ đó phiền toái khó khăn đến nỗi không ai muốn bận tâm cả. Công cụ trọng yếu nhất của loài người là cái psyché không được người ta để ý lắm, thường thường người ta còn công nhiên nghi ngờ và xem khinh. Người ta nói: "Đó chỉ là chuyện tâm lý", thường hay có nghĩa là "không có gì đáng kể".

Tại đâu mà có thành kiến lớn lao vậy? Chúng ta chỉ bận tâm với những điều ta suy tưởng, thậm chí ta quên hẳn không tự hỏi rằng cái psyché phi ý thức của ta nghĩ gì về ta. Những ý kiến của Sigmund Freud làm cho phần nhiều người tin chắc rằng mình khinh miệt cái psyché phi ý thức là phải. Trước ông, người ta không biết tới nó hay chẳng thiết gì tới nó. Bởi thế nó trở thành một sọt rác chứa đựng rác rưởi của đời sống đạo đức. Hẳn một quan điểm của con người kim thời như thế rất bất công và hẹp hòi. Quan điểm ấy cũng không hợp với những sự kiện mà chúng ta biết là có. Sự hiểu biết ngày nay về cái tiềm thức chứng minh rằng đó là một hiện tượng tự nhiên và cũng như thiên nhiên, ít ra nó có tính chất trung lập. Nó chứa đựng tất cả các khía cạnh của bản chất nhân loại, ánh sáng và bóng tối, vẻ đẹp và vẻ xấu, thiện tính và ác tính, sâu sắc và ngu muội. Sự nghiên cứu biểu tượng cá nhân cũng như biểu tượng tập thể là một công việc to tát và khó khăn, người ta chưa nắm vững được manh mối. Nhưng dầu sao người ta cũng bắt đầu nghiên cứu. Những kết quả đầu tiên thật đáng khích lệ, hình như chúng báo trước rằng sẽ mang lại nhiều lời giải đáp vẫn được mong đợi cho nhiều

vấn đề đặt ra với nhân loại ngày nay./.

- HẾT -